

NHÀ BÁO VŨ ÁNH, CỰU CHỦ BÚT NHẬT BÁO NGƯỜI VIỆT, QUA ĐỜI

NGƯỜI VIỆT



Nhà báo VŨ ÁNH
(1941-2014)

QUẬN CAM 14-3
(NV) - Nhà báo Vũ
Ánh, cựu chủ bút
Nhật báo Người
Việt, vừa đột ngột
qua đời tại tư gia ở
quận Cam, Califor-
nia, vào trưa ngày

tiếp theo trang 18

TRONG TRÍ NHỚ CỦA MỖI NGƯỜI

TUẤN KHANH



Những con người
như nhà báo Vũ Ánh
đã dựng nên một
niềm hy vọng mới
cho người Việt lạc
loài. Họ đã nắm tay
nhau và dựng nên
một Việt Nam khác,
sùng sùng và tự hào
cho dân tộc

Xem trang 29

TÂM BÚT

INTERNET NHƯ MỘT THỜI TUỔI TRẺ

TRẦN TRUNG ĐẠO



Tôi có hai thời tuổi
trẻ, một đã gọi lại
Việt Nam và một
khác trong môi
trường VietNet, cộng
đồng Internet đầu
tiên của người Việt
từ hơn hai mươi năm
trước.

Các thế hệ sinh viên

tiếp theo trang 9



ẢNH SỐNG HẸA TRĂNG

SUY NGHĨ VỀ HƯỚNG GIÁO DỤC ĐẠO PHẬT CHO TUỔI TRẺ

TUỆ SỸ

Tuổi trẻ của đạo Phật Việt Nam tuy có thể được tin tưởng là
còn cố bám chặt lấy gốc rễ truyền thống để vươn lên, nhưng
do sự thiếu trách nhiệm hoặc thiếu nhận thức về hướng đi
của thời đại của những người đang đứng trên cương vị giáo
dục vô tình chẳng khác nào bác sỹ không còn biết liệu pháp
nào hay hơn là cho uống thuốc ngủ để người bệnh quên đi
những nhức nhối của thời đại mà tuổi trẻ cần phải biết để
chọn hướng đi tương lai cho đời mình.

XEM TRANG 4

HIỆN TƯỢNG XUỐNG CẤP VÀ NHU CẦU CẢI CÁCH CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Khi nói đến giáo
dục, phải nói đến
cả hai yếu tố tương
tác quan trọng: Kiến
thức và đạo đức. Có
kiến thức mà thiếu
đạo đức, nhà trường
sẽ biến thành "chợ
chữ". Khi nhà trường

thành nơi mua bán
chữ thì quan hệ
thầy trò sẽ trở thành
quan hệ con buôn và
khách hàng. Trong
một hoàn cảnh như
thế thì chữ nghĩa và
kiến thức sẽ trở thành

một hàng trao đổi và
đạo đức học đường
sẽ vắng bóng.

Là một người đã trực
tiếp làm công việc
giảng dạy tại các
trường trung học ở

tiếp theo trang 2

PHỤ NỮ VÀ SỨC MẠNH CỦA GIÁO DỤC

THỊNH THANH THÚY



Tin vui nữ văn sĩ
người Áo Elfriede
Jelinek được trao giải
Nobel văn chương
ngày 7/10/2004 đến
với tôi rộn ràng,
bùng nổ như đóa
huống dương rực rỡ
nhất đang hướng về
phía mặt trời. Một
trời Thụy Điển đã

tiếp theo trang 9

TRẢ TỰ DO CHO GIÁO DỤC

HUY ĐỨC



Thành lập và đứng
đầu Ủy ban quốc
gia đổi mới giáo dục
là một lựa chọn rất
khôn ngoan của Thủ
tướng. Nhưng, một
nền giáo dục bị giam

tiếp theo trang 3

ĐÌNH NGUYỄN thơ là sóng đẩy phù sa chuyển mình

ĐÌNH NGUYỄN trang 14



HIỆN TƯỢNG XUỐNG CẤP VÀ NHU CẦU CẢI CÁCH CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY



Ảnh: KHANG DUONG

Việt Nam trước và sau năm 1975; cũng như giảng dạy tại các đại học Mỹ, tôi có cơ hội tiếp cận nhà trường, học sinh và sinh viên trong cả ba môi trường giáo dục có nội dung lẫn hình thức khác nhau. Thật không đơn giản và dễ dàng để nói đến sự thăng tiến hay suy đồi của một nền giáo dục thông qua cảm tính và hiện tượng. Tuy nhiên, người ta có thể nhìn thấy những hình ảnh trở thành quá phổ biến của thanh niên trong độ tuổi lao động là cả ở quán nhậu, tiệm cà phê trong giờ làm việc hay tuổi đi học lêu lổng ngoài đường trong giờ học tập ở trường hoặc quan hệ thô bạo, phi giáo dục của thầy trò trong lớp... để làm "chỉ dấu" hệ mô bước đầu cho sự quan sát, tìm hiểu, phân tích về một quá trình xã hội và giáo dục đang trên đà tiếp diễn.

Theo các nhà giáo dục có tên tuổi trong nước thì nền giáo dục Việt Nam trong gần 40 năm qua có khuynh hướng đi theo một vòng tròn xoay tròn ốc mà đỉnh nằm ngược chiều xuống dưới. Tình trạng tham nhũng, hối lộ, tồn sùng giá trị vật chất của xã hội đã làm nhiệm vụ môi trường giáo dục: Lương y không còn là từ mẫu, quan chức không còn phát huy vai trò biểu tượng là cha mẹ dân và thiên chức nhà giáo bị xô giạt vào nếp sinh hoạt thực dụng, bon chen cộng với sự áp đặt tư tưởng chính trị một chiều là nguyên

nhân trực tiếp cho khuynh hướng thoái trào của chương trình giáo dục Việt Nam trong gần bốn thập niên qua. Sự đổ vỡ về mục đích đào tạo nhằm tài và uốn nắn thế hệ trẻ thành người tốt cho tương lai đất nước đang trên đà thoái hóa. Sinh hoạt học đường và quan hệ thầy trò; mối liên lạc giữa trường học gia đình và xã hội xuống cấp ngày càng nghiêm trọng.

Sáng hôm nay, 19-2-2014, tôi vừa được xem một màn "hôn chiến" giữa thầy và trò tại một trường trung học ở Bình Định trên mạng lưới Youtube[1]. Thấy là một giáo viên trẻ và học trò là học sinh lớp 11A2. Trong đoạn phim ngắn, cô lễ thu bằng I-phone ngay trong lớp, lý do không rõ nhưng người thầy giáo đã đánh một học sinh nam ngay trên bục giảng, trước mặt lớp học gồm cả nam nữ học sinh. Cách đánh của người thầy giáo quá tàn nhẫn và thô bạo bằng những cú tát dón dập, đấm thẳng vào mặt học trò với tiếng bộp chát thu trong máy nghe rõ mồn một, làm vênh cả đầu và mặt người học trò. Nạn nhân và bạn trong lớp phản ứng, đón thầy giáo vào góc tường với hai tay đưa ra trong thế chống đỡ. Tuy đoạn phim ngắn không đủ nêu lên toàn cảnh diễn tiến nhưng cách trừng phạt của thầy giáo đối với học trò bằng hành động vũ lực như thế là hoàn toàn phi giáo dục và cách phản ứng đánh lại thầy giáo là hành

động thiếu luân lý. Nói tóm lại là cả thầy lẫn trò trong trường hợp nêu dẫn đều hành động sai trái và biến lớp học thành đất hè phố của giới đầu trâu, lâu la.

Quan hệ thầy trò đã bị chao đảo vì áp lực của quyền thế, kinh tế, xã hội và đây không phải là trường hợp cá biệt loạn động lẫn đầu xảy ra trong nhà trường Việt Nam.

Theo truyền thống giáo dục mọi thời và mọi nơi, thầy giáo là người truyền đạt và học trò là kẻ tiếp thu kiến thức. Dẫu cho ở thời nào, khung cảnh xã hội nào và bối cảnh nhân văn nào thì quan hệ thầy trò là một quan hệ giáo dưỡng. Người xưa coi thầy trọng hơn cha. Ngày nay tuy có khác nhưng không thế nào đặt quan hệ thầy trò theo mô thức "cá đối bằng đầu" được. Thấy cán có ăn và có uy. Trò cán có kính và có lễ. Dẫu cho trong khung cảnh cổ xưa, cụ đồ nho có phạt học trò cũng dùng cái ăn của kẻ bé trên và cái uy của bậc cha mẹ mà ra roi hay xuống lệnh chứ không thế nào sử dụng kiểu đánh đập tùy tiện, nói lời dung tục và phản ứng "mày bằng ao, tao bằng giếng" của phường vô học, bất tri lý, dả cá lăm đưa như thế được.

Nếu quan tâm theo dõi tình hình sinh hoạt cụ thể trong nhà trường Việt Nam các cấp trong ba bốn thập niên qua sẽ thấy được phần

TRONG SỐ NÀY

Số 18

CHỦ NHẬT, 16 THÁNG 3, 2014

SUY NGHI VỀ HƯỚNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO CHO TUỔI TRẺ - TUỆ SY, TR.1 • NHÀ BẢO VŨ ANH, CỤU CHỦ BÚT NHẬT BẢO NGƯỜI VIỆT, QUA ĐỜI - NT & ĐB, TR.1 • HIỆN TƯỢNG XUỐNG CẤP VÀ NHU CẦU CẢI CÁCH CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY - TRẦN KIỂM ĐOÀN, TR.1 • TRONG TRÍ NHỎ CỦA MỖI NGƯỜI - TUẦN KHANH, TR.1 • INTERNET NHƯ MỘT THỜI TUỔI TRẺ - TRẦN TRUNG ĐẠO, TR.1 • PHỤ NỮ VÀ SỨC MẠNH CỦA GIÁO DỤC - TRỊNH THANH THÙY, TR.1 • TRẢ TỰ DO CHO GIÁO DỤC - HUY ĐỨC, TR.1 • PHẬT GIÁO VIỆT NAM, BIẾN CỐ VÀ TƯ LIỆU (TT), TR.3 • HÁT KHE BÊN MỎ - THO NGUYỄN LUONG VY, TR.5 • NHỮNG MẠNH ĐỜI CỦA KHÍ - NGUYỄN MẠNH NHIÊN, TR.6 • MÃY LẦN ĐAU? - THO PHỔ ĐÔNG, TR.11 • ĐÌNH NGUYỄN, THO LÀ SÓNG ĐẦY PHÙ SACHUYỄN MINH-UYỄN NGUYỄN, TR.14 • TÔN TRỌNG - HOÀNG LONG, TR.16 • MÃY ĐÀ NGỪNG BAY - NGÔ VĂN QUY, TR.18 • CẢO PHỒ CỦA GIA ĐÌNH NHÀ BẢO VŨ ANH, TR.19 • GỪNG GIÀ, GỪNG THANH - TRANG ĐÀI GLASSEY-TRANGUYỄN, TR.20 • VINH BIỆT CHỦ VŨ ANH! - NGỌC LAN, TR.20 • HÀ NỘI VĂN CHƯA ĐỦ NIỀM TIN CỎI TRỜI BẢO CHỈ - VŨ ANH, TR.21 • ANH VŨ ANH VÀ TÔI - NGUYỄN VĂN KHANH, TR.25 • CHIỀU NGHE ÂNH SÉT CUỐI NGÀY - NGUYỄN VIỆT, TR.27 • VINH VIỆT VŨ ANH - NGUYỄN THANH KIỆT, TR.28 GIỚI THIỆU SÁCH MỚI - NGƯỜI VIỆT, TR.32 • THE BUDDHA AS A PARENT - GIL FRONSDAL, DỊCH VIỆT: HOÀI HƯƠNG, TR.33 • MỘT TÂM THỨC VÀ MỘT THẾ GIỚI MỘNG HUYỀN - MAI SON, TR.37 • THAY LỜI DẪN THƠ PHẠM CÔNG THIÊN: TRÊN TẤT CẢ ĐÌNH CAO LÃ LẠNG IM - TUỆ SY, TR.38 • SÁCH MỚI XUẤT BẢN: TIỂU THUYẾT NGUYỄN ĐÌNH TOÀN (TRỌN BỘ 3 QUYỂN) - NGƯỜI VIỆT BOOKS, TR.40

Nhóm Kết Tập **HOA ĐÀM**

Chịu trách nhiệm:

NGUYỄN VIỆT

9741 Bolsa Ave Suite: 216,
Westminster, California 92683,
714.765.9844

Mọi kiến xây dựng,
đóng góp bài vở, tranh, ảnh,
xin gửi về địa chỉ:
hoadamnews1@gmail.com

TRẢ TỰ DO CHO GIÁO DỤC

hăm qua nhiều thập niên không thể thay đổi nếu công việc từ nay tới 2020 chỉ là "xây dựng chương trình môn học và biên soạn các sách giáo khoa" như Hội đồng giáo dục đưa ra hôm 25-2[1]. Biên soạn sách giáo khoa là công việc có thể đảm đương bởi những tổ chức dân lập như "Cánh Buồm". Điều mà đất nước cần ở một vị thủ tướng có tầm nhìn là ngay bây giờ phải "trả tự do" cho Giáo dục.

Giáo Dục

Ngày nay, không ai có thể đặt quốc gia, dân tộc trong những không gian riêng biệt. Một nền giáo dục có tương lai là một nền giáo dục tạo ra được những giá trị có thể chia sẻ toàn cầu, chuẩn bị được một nguồn nhân lực giàu tinh thần văn và khả năng sáng tạo.

Không thể cải cách giáo dục nếu chỉ nghĩ đến sự tồn vong của Chế độ. Cũng không thể cải cách giáo dục nếu chỉ nghĩ đến sự hùng cường đơn lẻ của một quốc gia. Không thể cải cách giáo dục, nếu không nghĩ đến việc chuẩn bị những thế hệ người Việt có thể tìm chỗ đứng bên ngoài biên giới Việt.

Cải cách là để xây dựng một nền giáo dục mà những người làm chính sách cũng có thể yên tâm để trao gửi con em chứ không phải là để trục lợi rồi lạng lã đưa con cháu mình đi "tị nạn" bằng con đường du học.

Tách Bạch Hạch Chính & Chính Sách

Không thể bắt đầu một chiến lược cải cách bằng việc xây dựng "chương trình môn học và biên soạn các sách giáo khoa". Để tránh những chính sách "sặc mùi ngăn sách" và để đảm bảo khi duy trì một thủ tục hành chính nào đó (đăng ký, giấy phép...) là vì nó cần chứ không phải vì sẽ thu được phong bì. Do vậy, trước hết, phải tách bạch chức năng hành pháp chính trị và chức năng hành chính công vụ của ngành giáo dục.

Những người đã tham gia vào quy trình ban hành chính sách thì không được dính líu tới lợi ích khi thi hành. Chưa đề của các giấy phép thì không bao giờ được nắm quyền cấp phép.

Thay vì tiêu tốn quá nhiều ngân sách và can thiệp vào mọi góc ngách như hiện nay, Bộ Giáo dục chỉ cần giữ lại vai trò ban hành chính sách: Chính sách khuyến khích khu vực tư tham gia đầu tư giáo dục; chính sách để môi trường đại học thực sự sáng tạo, để nhà trường tự quyết và tự chịu trách nhiệm với các sản phẩm giáo dục của mình...

Bộ có thể đưa ra các chuẩn giáo dục cho bậc phổ thông (học sinh tiểu học, trung học cần được trang bị kiến thức toán, lý, hóa, địa lý, văn chương và lịch sử ở chuẩn nào). Dựa trên những "chuẩn giáo dục" này, các trung tâm khảo thí sẽ ra đề thi và các trường có điều kiện hoặc các trung tâm nghiên cứu giáo dục sẽ viết sách giáo khoa. Thay vì, Bộ "ôm thâu" từ việc viết sách cho đến in và kinh doanh sách.

Với những môn học như ngoại ngữ thì cách tốt nhất là mua (hoặc xin) bản quyền giáo trình ngoại ngữ của nước ngoài. Phần nào họ viết không đúng về Việt Nam thì chỉ cần cắt bỏ hay biên tập.

Bộ xây dựng quy chế để các trung tâm khảo thí ra đề. Những trung tâm này có thể nhận chuyển giao công nghệ thi cử từ các quốc gia có nền giáo dục thành công. Trung tâm

PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Theo tư liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

07.07.1982: VĂN PHÒNG VIỆN HÓA ĐẠO BỊ CHIẾM DUNG

Văn Phòng Trung Ương Viện Hóa Đạo GHPGVN đặt tại chùa Ấn Quang. Từ khi Viện Trưởng Viện Hóa Đạo là Hòa Thượng Thích Trí Thủ bị Nhà nước thúc đẩy gánh vác việc vận động thống nhất Phật giáo toàn quốc và đảm nhận trách vụ Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương của Giáo hội Nhà nước, còn nhị vị Phó Viện trưởng và Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo là Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ thì bị lưu đày, Giáo hội truyền thống xem như không có sự lãnh đạo. Dẫu vậy, Nhà nước vẫn còn e ngại sự chống đối ngầm ngấm của số đông Tăng Ni và quần chúng Phật tử nên chưa vội hạ bệ hiệu Văn Phòng Viện Hóa Đạo. Phải chờ hai tháng sau, vào sáng sớm ngày 07.07.1982, việc này mới được thực hiện bởi các vị chức sắc thuộc Giáo hội Nhà nước với sự bảo vệ của lực lượng công an thành phố. Văn Phòng Viện Hóa Đạo của GHPGVN từ nay trở thành Văn Phòng Quận Hội Phật Giáo Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh của GHPGVN. (Còn tiếp)



CHÙA ẤN QUANG, 1968 Ảnh: Internet

Tới nơi cốt nguyên nhân khai sinh ra GHPGVN, và từ khi giáo hội này ra đời. Đó là thời kỳ rất căng thẳng. Lúc đó HT Trí Thủ làm Viện trưởng, và có hôm đi họp vắng kế lại và tôi là tiếp xúc với chính quyền - hỏi do ông Mai Chí Thọ làm chủ tịch UBND TP. HCM - họ cũng thẳng và các thầy lên Viện Hóa Đạo quá. Ông Mai Chí Thọ nói thế này: Q Các thầy chỉ có hai con đường: một là theo hai là chống. Các thầy theo, chúng tôi dành nhiều thư yểm trợ các thầy; còn các thầy chống, chúng tôi có đủ xe tăng thiết giáp, các thầy muốn chống thì chống đi! Ở cả hai cái dãi và mình đến nơi này, đó là thời độ hiểm họa, mà Hòa thượng cũng nói rõ: Q Theo chúng tôi không theo, mà chống chúng tôi cũng không chống. U Nhưng họ nói không có con đường thứ ba. Rồi cho tôi khi vận động thành lập thống nhất, tôi chỉ nói tâm trạng của Hòa thượng. Ông rất căng thẳng. Nghĩa là Ông không muốn làm nữa, dẫu áp lực như vậy của chính phủ hoàn toàn Ông không muốn làm. Có hôm tôi dậy lúc 3g30. Hôm đó một thức dậy, thì thị giá lên thua và tôi Q On dậy lúc 2g00, Ông chờ thầy, và Ông mới thấy qua uống trà. U Tôi qua nói chuyện với Ông. Ông bảo muốn rút lui, Ông chịu không nói vấn đề này. Thì tôi có ý kiến. Tôi nói hoặc Hòa thượng tiếp tục làm, hoặc Hòa thượng ra lãnh đạo giáo hội mới. Thì đó là ý kiến của tôi chứ tôi không xin Hòa thượng, mà tôi có xin cũng chưa chắc Ông nghe, Ông có quyết định của Ông chứ. Rồi rằng Ông còn thắc mắc chuyện này, mà ở đây có thầy Thái Hòa chắc nhiều lần có nghe Ông nói, tôi sẽ chịu nhọc cho mấy thầy làm việc. Rồi thì, trong thời kỳ thảo luận bàn về hiến chương, Hòa thượng hay về bàn với tôi và thầy Thái. Trong đó có một điều khoản thế này: GHPGVN là thành viên của MTTQVN. Cả tôi với Ông và thầy Thái thấy không thể chấp nhận được. Vì trên lý thuyết, Mặt Trận Tổ Quốc là một tổ chức chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà Phật giáo không làm chính trị. Nếu về đó nó trở thành một tổ chức chính trị chứ không còn là giáo hội Phật giáo, nên Hòa thượng cương quyết chống. Họ thuyết phục rất nhiều. Ban đầu là thành phố, không được. Sau họ lại là Ngô Ba Thành, là luật sư, lên thuyết phục, nói lý với Hòa thượng. Sau Ông kể lại với tôi, Ngô Ba Thành lên đây nói với Ông về chuyện đó. Ông bảo mình thì không cần luật sư Ngô Ba Thành rồi, người ta là luật sư mà, nhưng Ông nói như vậy: Q Trong Mặt trận có hội liên hiệp phụ nữ, liên hiệp thanh niên... mà giáo hội tu toàn là cao Tăng, đại đức mà kiến chúng tôi ngồi chung với mấy bà thì làm sao chúng tôi ngồi? U Ba Ngô Ba Thành không trả lời được. Ông đơn giản lý luận chúng tôi thôi. Nhưng mấy thầy biết, qua cách lý luận đó mấy thầy thấy cái vị trí giáo hội như thế nào. Ông không cần luật mà Ông nói một cách cụ thể, để tranh luận mà. Cho nên, cần phải biết cái vị trí của GHPGVN như thế nào, nó chỉ là một hiệp hội, tuy cũng dùng hai chữ Giáo hội như bên đây thôi. Nhưng họ có nhiều cách đánh tráo. Khi dịch ra tiếng Anh người ta không dịch Giáo hội - nó trong tiếng Anh không có chữ Giáo hội, mà dùng chữ Association, một hiệp hội, như Association of women: Hội liên hiệp phụ nữ; ngang nhau! Một Giáo hội với hội Liên hiệp phụ nữ, Liên hiệp công nông v.v... ngang nhau. Như vậy thì nói mình lãnh đạo tinh thần à? Ông chủ tịch Giáo hội cũng như là chủ tịch hội phụ nữ trong Mặt trận ngồi ngang nhau, thì nói ông lãnh đạo tu sao được? Hòa thượng Ông thấy kiến, Ông không chịu. Thì họ không nói nữa. Sau ra Hà Nội họp, họ vấn đề nghị lại, nhưng Ông chống tới cùng, và nói nếu không được thì thôi Ông từ chức. Bên Mặt trận, Ban tôn giáo, thuyết phục không được, chính phủ thuyết phục không được, Đảng cũng không được. Ông cương quyết. Đó là giai đoạn căng nhất của Hòa thượng. Mà Ông già rồi. Mà mình biết, Ông là người chọn chức tu hành không kết thúc đoạn chính trị, không có một khả năng chính trị nào hết. Ông không có khả năng đại phò... (TUỆ SỸ, ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI VỚI THẾ HỆ TĂNG SỸ TRẺ)



SUY NGHĨ VỀ HƯỚNG GIÁO DỤC ĐẠO PHẬT CHO TUỔI TRẺ

TUỆ SỸ

Phật giáo Việt Nam đang chứng kiến những xáo trộn và khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử. Các mô hình tổ chức, những lễ tiết sinh hoạt, từ mà chay, cuối hồi các thứ, được cố gắng rập khuôn theo mô hình phương Tây một cách vội vã đã làm moi mòn phẩm giá của dân tộc. Thêm vào đó, dưới tác động của xã hội tiêu thụ, và sức ép của quyền lực chính trị làm nảy sinh những tâm trạng bệnh hoạn do bỏi quan điểm thế quyền và giáo quyền thiếu nền tảng giáo lý.

Tình trạng đó tất nhiên đã có những tác động tiêu cực lên đường hướng giáo dục thanh niên Phật tử Việt nam.

Ngày nay, nói đến tuổi trẻ Việt nam, có lẽ nên tượng hình như hai đường thẳng mà điểm hội tụ là một điểm trong xã hội tiêu thụ. Đó là hai bộ phận tuổi trẻ trong nước và ngoài nước. Tuy tất cả cùng được giáo dục theo mô hình giáo dục phương Tây, nhưng do khác biệt định chế xã hội dựa trên quyền lực chính trị chứ không phải do xu hướng phát triển tự nhiên. Đó là sự

khác biệt giá tạo như vùng sinh, không biết đâu là chỗ chắc thật để bám vào mà thoát thân. Tuổi trẻ Việt Nam đang bị bật rẽ, do đó có nguy cơ mất hướng, hay thực sự đã mất hướng. Tuổi trẻ của đạo Phật Việt Nam cũng không ngoại lệ, và không dễ dàng vượt qua tình trạng mất hướng này. Ở đây tôi nói mất hướng là nhìn từ điểm đứng dân tộc. Tuổi trẻ ở nước ngoài chỉ cần quên, hay tạm thời quên, nguồn gốc Việt Nam của mình, thì hướng đi cho nhân cách được xác định ngay từ khi vừa bước

chân vào cổng Đại học. Nói cách khác, tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại không phải hoàn toàn bị bật rẽ, nhưng ở trong tình trạng di thực. Quyết phương Nam đem trồng trên đất phương Bắc, có thể ngọt hơn, có thể chua hơn, và cũng có thể éo uột vì không hợp phong thổ. Tuổi trẻ trong nước là thân cây còn dính chặt với gốc rễ trên bản địa. Nhưng để sinh tồn, và muốn phát triển nhanh chóng, bị sức hút của sự thăng tiến tác động từ bên ngoài, nên có nguy cơ bật rẽ. Đại bộ phận tuổi trẻ Việt Nam ngày nay biết rất ít về quá khứ ông cha mình, đã suy nghĩ như thế nào để bắt kịp những giá trị tâm linh phổ quát của nhân loại.

Tuổi trẻ của đạo Phật Việt Nam tuy có thể được tin tưởng là còn cố bám chặt lấy gốc rễ truyền thống để vươn lên, nhưng do sự thiếu trách nhiệm hoặc thiếu nhận thức về hướng đi của thời đại của những người đang đứng trên cương vị giáo dục, vô tình chẳng khác nào bậc sĩ không còn biết liệu pháp nào hay hơn

là cho uống thuốc ngủ để người bệnh quên đi những nhức nhối của thời đại mà tuổi trẻ cần phải biết để chọn hướng đi tương lai cho đời mình. Mặt khác, do sức ép chính trị mà tuổi trẻ cần phải được tập hợp thành lực lượng tiên phong và hậu bị để bảo vệ chế độ, do đó việc giảng giải đạo Phật cho tuổi trẻ không được phép vượt qua các cổng chùa. Bên trong cổng chùa, tuổi trẻ chỉ được giảng dạy những ý nghĩa vô thường hay vô ngã không như là quy luật vận động để tồn tại, phát triển và hủy diệt của thiên nhiên và xã hội, mà như là một bức tranh toàn xám của cuộc đời được tô trét bởi những người mà tuổi đời đã mệt mỏi với những thành công và thất bại đã làm thui chột ý chí.

Trong một xã hội hội mà các giá trị tâm linh truyền thống đang bị băng hoại, một số thanh niên tác quái tại các đô thị lớn dựa vào quyền lực chính trị của cha chú, hay tiền của bất chính của bố mẹ; một số khác miệt mài học chỉ để làm thuê, làm nhúng người nô lệ kiểu mới



Ảnh: Lê Văn Bửu

trung thành với những ông chủ giàu sụ. Một số khác, cam chịu thân phận nghèo đói, thất học, cam chịu tất cả nhục nhả của một dân tộc nghèo nàn lạc hậu. Trong tình trạng đó, sự hiện diện của các đoàn sinh GDP7, những đơn vị tập hợp các thanh niên biết tìm lẽ sống cho bản thân, thật sự là một thách thức xã hội, mà quyền lực chính trị cảm thấy như một đe dọa nếu không vận dụng được để phục vụ cho tham vọng đen tối, mà vì tham vọng ấy có khi sẵn sàng mài quốc cầu vinh. Như thế thì, tất nhiên là ảo tưởng khi nói rằng, chúng ta chỉ tập hợp tuổi trẻ để dạy đạo, không cần biết cái gì khác nữa. Nói thế chẳng khác nào lừa những nai con vào một chỗ để cho cọp dữ dễ dàng thao túng.

Tất nhiên, đất nước cần tuổi trẻ để xây dựng. Đạo pháp cũng cần tuổi trẻ để thể hiện bản hoài tiếp vật lợi sinh của mình. Theo bản hoài đó, giáo dục đạo Phật cho tuổi trẻ không chỉ có mục đích chiêu dụ họ vào trong bốn vách tường nhà chùa để cách ly những

phong trà, hộp đêm, những môi trường cám dỗ, sà đoạ. Tuy nhiên, cơ bản giáo dục đạo Phật vẫn phải là rèn luyện đạo đức, phát triển trình độ nhận thức tâm linh.

Trước hết, hãy nói về rèn luyện đạo đức. Ở đây hoàn toàn không có vấn đề nhồi nhét những tin điều đức lý. Nghĩa là, không nói với tuổi trẻ không được làm điều này, không được làm điều kia. Tuổi trẻ có thể làm bất cứ điều gì mà họ tự thấy thích ứng với thời đại. Nhưng không để cho tuổi trẻ bị lời cuốn bởi những yếu tố độc hại của thời đại, không bị lệch hướng nhận thức bởi các phong trào thời thượng, do đó cần thiết lập một không gian an toàn, và di động. Không gian an toàn đó là bố đề tâm. Tĩnh di động, đó là vô trụ xứ của Bồ tát. Chúng ta cần nói thêm hai điểm này.

Lớn lên tại các đô thị phồn vinh, rồi bước vào xã hội với học vị cao, mức sống ổn định, một bộ phận tuổi trẻ ít khi trực tiếp sống với những đau khổ của các bạn trẻ khác ở những vùng đất tối

tăm xà lạ. Thiếu đồng cảm về những khổ đau của đồng loại, do đó cũng thiếu luôn cả nhận thức về thực chất của sự sống, không thể hiểu hết tất cả ý nghĩa thiết cốt của khát vọng sinh tồn. Cho nên, đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ, phải có nghĩa là đưa tuổi trẻ đến giáp mặt với thực tế của sinh tồn. Đó là làm phát khởi bỏ đề tâm nơi tuổi trẻ: "Nói nào hiem nạn, tôi nguyện sẽ là cầu đò. Nói nào tối tăm, tôi nguyện sẽ ngọn đuốc sáng." Đây có thể là ước nguyện xà vôi, thậm chí sáo rỗng đối với một số người. Nhưng đó chính là một đất kim cương để trên đó tuổi trẻ tự vạch hướng đi cho mình, tự quy định những giá trị sống thực cho chính đời mình.

Về tĩnh di động, đó là tĩnh mở rộng, không tự câu thúc vào trong một không gian xã hội chật hẹp, để có thể có tầm nhìn xà hơn, vượt ngoài thành kiến và truyền thống khép kín của xã hội mình đang sống. Nói cụ thể hơn, tuổi trẻ được giáo dục để luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng lên

tiếp theo trang 11

NGUYỄN LƯƠNG VY

HÁT KHÉ BÊN MỒ

I.
Vé đừng bên mồi em
Hình như em đi vắng
Hình như bóng huệ trắng
Đang gọi bóng mây xa
Hình như trưa vụt qua
Hình như thấy mưa khóc
Dưới mồi chưa khô tóc
Trên đời chưa phai màu
À ừ em đi đâu
À ừ vang tiếng hù
Con diên vô sở trú
Con diên vô sở cầu
Câu thơ bám huyết đau
Câu thơ trào huyết nhò
Mồi còn xanh hơi thở
Trưa còn xanh chiêm bao
Mây trắng bay trên cao
Hay em là mây trắng?
Con diên gạo thỉnh vắng
Con diên gạo đời diên...

II.
Vé đừng bên mồi em
Nắng rên trên lá cỏ
Nghĩa địa rên ngất gió
Vút cánh én kêu thương
Lập xuân trên đời nương
Con bò già chớp mắt
Vườn xưa chưa kịp nhốt
Tiếng khóc thuở ban đầu
À ừ âm trời sâu
À ừ đời lạnh cóng
Tuổi thơ chưa khuất bóng
Tuổi già mẹ khóc con
Ta gặm câu thơ mòn
Chữ vô hồn vô nghĩa
Khói nhang rung mồi địa
Em bay đi xa rồi
Trời đất vốn mồi côi
Vốn mịt mù huyền mộng
Tiếng mưa tru bi thống
Hay tiếng em gọi ta?

III.
Vé đừng bên mồi mà
Đáp lời sau tiếng gọi:
Điều linh trọn một gói
Em mang theo cho vui
Kiếp người trọn một nùi
Em mang theo đỡ nhớ
Trời cao kia ấm ớ
Đất thấp kia ồm ớ
À ừ đời bo bo
À ừ người với ngọc
Khóc em lệ chẳng róm
Mà sao đắng hết lời
Mà sao khô hết mồi
Cúi đầu nghe có hát
Hăm một ngày thịt nát
Băm tám năm diên tâm
Diên vì thời dã man
Diên vì bất chủ nghĩa
Xoa mồi em hủ vĩa
Chúc em bay thật xa...

Quán Ruộng, 21.01.2014
Cùng thất 21 ngày, em trai
Nguyễn Lương Nhựt, tuổi
Giáp Ngọ (1954), nguyên sĩ
quan QL/VNCH, Sư đoàn
7 bộ binh (khóa 7/73 Thủ
Đức.) Bệnh tâm thần phân
liệt từ 1978, từ trần ngày
31.12.2013.



CÓ CHỖ - ALL RIGHTS RESERVED



NGUYỄN MAN NHIÊN

NHỮNG MẢNH RỜI CỦA KHÍ

xem triển lãm

Họ hàng nhà khí kéo nhau đi xem triển lãm tranh. Xem xong, khí đầu đàn trình trọng ghi vào sổ cảm tưởng: "Chà ra cái khí gì hết!"

vỡ mộng

Bàn thảo gói đi đã lâu...
Bỗng một ngày đẹp trời khi nhận được mấy dòng hỏi thăm của nhà xuất bản, đại loại rằng, thi, là...

phải công nhận bạn khí viết rất "hăng", mặc dù..., thực ra... cũng "thường thường" thôi, nhưng mà cũng "đáng khích lệ"... Từ đó khi ta bỏ hăm giấc mơ trở thành nhà văn lớn, chỉ còn đeo đuổi chút mục đích trở thành nhà văn vừa-và-nhỏ mà thôi!

thi trung hữu họa

Nhưng khi không làm thơ được, khi bèn chuyển sang vẽ. Bạn

bè văn nghệ đến nhà chơi, khen hết mực: "Tranh cậu có chất thơ, tuyệt lắm! Cứ cái đà này chẳng mấy chốc cậu sẽ trở thành danh họa!". Ngặt nói tranh bày ở ga-lo-ri ngày này qua tháng khác vẫn không bán được cái nào!

Lại nữa, bài vô khí gói đi đều nhận hỏi thăm rất chu đáo của tòa soạn, đại để cảm ơn rồi nhận xét: "Thơ bạn có chất... tranh, tuyệt lắm! Mong tiếp tục cộng tác!". Phien

một nói là chờ hoặc vẫn không thấy báo nào đăng!

thơ với thần

Gặp ông bạn nhà thơ ở ngã tư đèn xanh đèn đỏ, hỏi thăm dạo này làm gì, hăm hóm hồ khoe hóm rầy có công ăn việc làm "ổn định" rồi, đâu còn thời gian để thơ với thần nữa!

Lại gặp một ông bạn nhà thơ khác, hỏi không đi dự hội thảo thơ à, hăm bức dọc: "Ông nói sao vậy, bỏ nhìn mặt tôi giống thừng vô công rồi nghệ lắm ơ!"

Lạ nhỉ!!!!???

cái thừng róc

Nhân lúc rảnh rỗi, khí ta bèn sục vào thăm nhà bạn trên facebook. Đến nơi, bỗng giật mình vì thấy chữ nghĩa, hình ảnh của mình giăng đầy trước cổng nhà bạn như bướm bướm.

Vào sâu bên trong, chỉ thấy nhà cửa trống huếch trống hoặc không một bóng người. Bèn hỏi bạn vì sao nên nói...

Bạn cũng thật lòng tâm sự, rằng từ lâu ngôi nhà nho nhỏ xinh xinh của bạn đã trở thành cái thùng rác chật ních "tư tưởng" của khí ta rồi, còn chỗ đâu để mà bày biện chuyện này chuyện kia nữa!

Nghe xong, mớ hỏi mớ kẻ chầy dầm dề, nước mắt nước mũi ràn rụa, khí bèn hú lên ba tiếng nghe thảm thiết rồi bỏ đi mất dạng.

Từ đó, giới giang hồ trên facebook tuyệt nhiên không còn thấy khí ta tag cho ai nữa!

HIỆN TƯỢNG XUỐNG CẤP VÀ NHU CẦU CẢI CÁCH CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

nào sự chuyển động của một tiến trình giáo dục theo hướng thoái trào.

Việt Nam đã thông báo về sự bắt đầu chuyển động của một cuộc "Cách tân giáo dục để đáp ứng với những yêu cầu của thời đại mới." Dấu cho có muộn còn hơn không nhưng sự thành bại còn tùy thuộc vào việc làm cụ thể của giới cầm quyền có trách nhiệm. Những hình thức diễn văn và khẩu hiệu để trang hoàng không thật với chính mình, đối trá nhau và lừa mỵ quần chúng cần phải phân định rõ ràng với thực tâm, thực chất và nhu cầu đối mới.

Sau đây là một vài ý kiến mà tôi đã viết trên báo Xuân Lao Động năm 2014.

Trong đợt nghiên cứu và thăm dò của PEW, một trung tâm nghiên

cứu hàng đầu của Mỹ tại Washington DC, trong mùa Xuân 2013 về tình hình cải cách giáo dục toàn cầu trong thời đại mới thì đã có 127 trên tổng số 195 quốc gia tiến hành cải cách giáo dục trong thập niên đầu thế kỷ 21. Động cơ và lý do của nhu cầu cải cách và canh tân giáo dục rất đơn giản và hiển nhiên: Thời đại mới có những nhu cầu và thách thức mới. Trong lúc giáo dục là phương tiện cốt lõi để đào tạo con người trong thế hệ mới nên phải chuyển mình theo hướng tiến phù hợp với tình hình mới là điều kiện tất yếu.

Ba mươi tám năm (1975-2013), thời gian trung bình của một thế hệ, vấn đề cải cách giáo dục Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu chuyển động. Nhận định và viễn kiến có thể khác nhau, nhưng

nổi ưu tư và lòng mong muốn thì thật tương đồng: Mỗi ưu tư chung là chương trình giáo dục và đào tạo Việt Nam chưa phát huy tác dụng cụ thể và thiết thực. Nền giáo dục Việt Nam, cả hình thức lẫn nội dung, quá nặng về tính chất "biểu kiến", nghĩa là dày bề mặt mà mỏng chiều sâu nên không đáp ứng nhậy bén được nhu cầu phát triển và ứng dụng tri thức vào những vấn đề quốc tế dân sinh của toàn đất nước trong thời đại kinh tế thị trường và toàn cầu hóa hiện nay. Những nguyên lý giáo dục để ra để đối trị cấp thời với hoàn cảnh chiến tranh và tình trạng sản xuất tập thể, kinh tế bao cấp trong quá khứ - vô hình chung - vẫn còn năng lực quán tính tạo ra sự cản nặng nề. Do đó, chức năng sáng tạo và chủ động

là xương sống của tinh thần giáo dục lành mạnh không có điều kiện phát huy. Hệ quả khó tránh khỏi là hiện tượng học từ chương, suy tôn bằng cấp, tri thức theo đuôi và tốt nghiệp thiếu khả năng ứng dụng nên không được sử dụng đúng mức.

Mong muốn chung là cần có một cuộc cách tân giáo dục nghiêm cần và toàn diện.

Duyệt xét và cải cách chương trình giáo dục cũ. Áp dụng một chương trình giáo dục mới phù hợp với nhu cầu văn hóa, xã hội và giáo dục hiện đại. Tái huấn luyện và đào tạo lực lượng giảng dạy. Cần xây dựng và phát huy một không gian nghiệp vụ lành mạnh với sự giám thiếu hay tách rời ảnh hưởng và sức ép chính trị trực tiếp trên giáo dục.

Thiết lập quan hệ với các đại học nước ngoài. Mời giáo sư và chuyên viên ưu tú giảng dạy và tăng cường chương trình trao đổi sinh viên quốc tế.

Giới hạn và chỉ đạo chặt chẽ hay hủy bỏ các chương trình học

chuyên tu, tại chức. Thành lập những hội đồng giám khảo các ngành chuyên môn ở tầm mức quốc gia để duyệt xét các tiểu luận tốt nghiệp thạc sĩ và luận án tiến sĩ để tránh tình trạng tiêu cực lạm phát bằng cấp và hạ thấp giá trị học vị.

Cách tân giáo dục là cái cách hệ thống giáo dục, có can đảm loại bỏ và sửa đổi tất cả những gì còn vướng mắc để giải quyết nhằm khắc phục những ưu tư và canh tân để đề ra những phương thức đúng đắn nhằm đạt những mong muốn rất cơ bản như đã trình bày ở phần trên. Khuyến hướng cách tân giáo dục Việt Nam là một nhu cầu cấp thiết của đất nước trước những thách thức thời đại và yêu cầu chính đáng mang tính quyết định cho tương lai dân tộc. Vấn đề quá hiển nhiên và đã chín muồi nên im lặng là buông xuôi và đầu hàng, phó mặc cho thói quen và định kiến đồng vai trò quyết định. Đại chúng ao ước từ lâu đã đành, nhưng giới lãnh đạo cũng bắt đầu lên tiếng. Ngày 31-7-2013, tại

tiếp theo trang 3

TRẢ TỰ DO CHO GIÁO DỤC

khảo thi có thể do Bộ lập ra cũng có thể giao cho tư nhân (thu phí từ các thí sinh). Có thể có vài, ba trung tâm, nơi nào có uy tín, các trường đại học sẽ sử dụng kết quả thi nhiều hơn, thí sinh sẽ đăng ký thi nhiều hơn.

Với mô hình này thì bộ máy "quản lý giáo dục" sẽ giảm tới mức tối đa, các chức năng phân loại, đánh giá chất lượng trường, ngay cả chức năng thanh tra giáo dục cũng có thể được tiến hành thông qua hiệp hội các trường ở trong và ngoài nước.

Trà Các Cơ Sở Giáo Dục cho Giáo Hội

Không nên coi đây là chính sách mới vì nó chỉ là một phần trong chính sách "xã hội hóa giáo dục" mà "Đảng và Nhà nước" đã chủ trương[2]. Năm 2005, Chính phủ đề ra các mục tiêu tham vọng, tới năm 2010, tỉ lệ học sinh ngoài công lập phải đạt: Nhà trẻ 80%; mẫu giáo 70%; trung học phổ thông

40%; trung học chuyên nghiệp 30%; các cơ sở dạy nghề 60%; đại học, cao đẳng khoảng 40%.

Tuy nhiên, tới năm 2011, theo số liệu thống kê của Bộ, tỉ lệ học sinh ngoài công lập cao nhất (ở bậc mẫu giáo) cũng chỉ đạt 48,2%; thấp nhất (ở bậc trung học cơ sở) chỉ đạt 0,6%; bậc đại học chỉ có 13,2%; cao đẳng gần 20%. Không chỉ vì thủ tục hành chính quan liêu, một trong những nguyên nhân khiến cho tỉ lệ "xã hội hóa" chưa cao là bởi các tôn giáo, nguồn lực tiềm năng nhất, chưa được tham gia đầu tư giáo dục (từ bậc phổ thông cơ sở).

Ở miền Nam trước ngày 30-4-1975, số di hệ thống công lập khá mạnh là nhờ các trường tư thục đã gánh cho Chính phủ một phần quan trọng[3]. Phần lớn các trường tư thục là do các hiệp hội, đặc biệt, các tôn giáo đầu tư[4]. Sau ngày 30-4-1975, Chế độ mới đã công hữu hóa

1.087 trường tư, trong đó gồm tất cả trường học của Giáo hội công giáo và các trường Bồ Đề của Giáo hội Phật giáo.

Một nhà nước pháp quyền không thể "bảo kê" cho một tôn giáo nào, kể cả những tôn giáo đã đồng hành kể từ khi lập quốc. Không thể không coi gần 6 triệu giáo dân đang sống ở Việt Nam (6,87%) là công dân. Có thể, nếu trao các cơ sở giáo dục cho tôn giáo sẽ làm tăng tỷ lệ công dân "có đạo" trong tương lai. Nhưng điều đó chỉ giúp cho có nhiều hơn những người Việt Nam được học về luân lý.

Nên nhớ, các cố đạo là cha đẻ của chữ Quốc ngữ. Một chế độ tự tin không sợ sự đa dạng trong văn hóa và giáo dục. Không có Nhà nước nào có nhiều công cụ để trừng trị những ai muốn dùng trường học để "kích động bạo lực" hay "chia rẽ khối đoàn kết dân tộc" như Nhà nước hiện hành.

Hơn 90% các cơ sở giáo dục của Giáo hội nằm ở những thành phố lớn. Đa số đều là những trường lớn. Nếu những trường lớn này được trả lại cho giáo

hội (công giáo và phật giáo) hoặc tư thục hóa thì nguồn ngân sách, thặng dư tập trung cho những vùng mà người dân có khả năng chi trả cho con em mình, chia sẻ cho những vùng mà con em của chúng ta đang cần những bữa "com có thịt", đang cần những mái trường không rách, dột.

Đề Các Trường Đại Học Tự Chịu Trách Nhiệm

Một cơ sở giáo dục không thể tồn tại nếu người lập ra và quản trị nó không coi đó là một hoạt động kinh doanh văn hóa là sử dụng lợi nhuận để ăn chia hay đầu tư trở lại cho giáo dục.

Chúng ta chưa có nhiều những cơ sở giáo dục phi lợi nhuận. Một trong những lý do là gần như những người không nghĩ tới lợi nhuận rất khó xin giấy phép mở trường. Chính phủ cần có nghị định hướng dẫn, bắt cử ai mở trường (kể cả trường đại học) đều chỉ cần đăng ký với bộ máy hành chính địa phương theo thủ tục hình thành doanh nghiệp (loại có điều kiện).

Thật phi lý khi việc

phong hàm giáo sư, phó giáo sư lại lệ thuộc vào cái gọi là "hội đồng quốc gia" bao gồm những người có những chuyên môn khác nhau, đa số rất xa lạ với chuyên môn của người mà họ ngồi xét duyệt. Bộ phải để cho các trường chịu trách nhiệm về các sản phẩm của mình. Chính Bộ trưởng Phạm Vũ Luận cũng biết rằng, bằng giá chỉ có thể chui vào "nhà nước" chứ "thị trường lao động" không bao giờ chấp nhận. Thị trường biết sự khác nhau giữa một "tiến sỹ Yale" với "tiến sỹ La Sella"; giữa một "giáo sư Bách khoa" với một "giáo sư hàng huyện".

Tuyển sinh là công việc của nhà trường. Bộ đặt ra điểm chuẩn là vừa lạm quyền vừa vô trách nhiệm con em và xã hội. Về nguyên tắc, một một người đã học 12 năm mà không đủ khả năng học đại học thì hệ thống giáo dục phổ thông tồn tại để làm gì. Kỳ thi chỉ là cách để các trường tên tuổi tìm kiếm cho mình những sinh viên giỏi.

Với cách thi như hiện nay, không phải những ai trượt đại học đều vì học lực. Đùng để các em bỏ lỡ cơ hội vào

tiếp theo trang 10



ALL LE VÂN BƯỞI

“Thế hệ Chiến tranh Việt Nam của giới đàn anh đang lui tụt. Thế hệ đàn em hậu chiến đang vươn lên thay thế từng bước trách nhiệm xây dựng và vai trò lãnh đạo đất nước. Nhưng vấn đề cách tân giáo dục cũng chỉ mới ở mức độ một câu hỏi đặt vấn đề hơn là một câu trả lời có nội dung ứng dụng được. Đã đến lúc cần chấm dứt tình trạng nhìn thực tế qua ảo tưởng rồi đem ảo tưởng làm thực tế.”

tiếp theo trang 7

HIỆN TƯỢNG XUỐNG CẤP VÀ NHU CẦU CẢI CÁCH CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

hội nghị nâng cao chất lượng giáo dục tại Hà Nội, bà Phó chủ tịch Nước Nguyễn Thị Doan đã lên tiếng rằng “khâu quản lý thi cử và quản lý chất lượng người thầy đã bị buông lỏng cần được chấn chỉnh”. Ngày 19-9-2013, thủ trưởng bộ Giáo dục Đào tạo Việt Nam Nguyễn Vinh Hiển đã thông báo việc hoàn thành sửa đổi dự thảo Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Điểm then chốt cần nghi ngại ở đây là lá bùa “Định hướng Xã hội chủ nghĩa.” Đó là một cụm từ tối tăm, mơ hồ, sáo mòn mang tính bùa chú nặng nề kinh điển hơn là thực dụng. Nếu càng đi sâu vào sự phân tích chi li, càng nhận ra ảo tưởng xa vời của nó. “Định hướng” mà không có chỗ dựa và cũng chẳng có một nội hàm tri thức nào có giá trị thực tiễn làm căn bản cho bước tiến giáo dục trong thời đại mới là

một sự lệch hướng hay mất phương hướng mà thôi.

Bản chất của giáo dục nói chung là một hệ thống phương tiện đào tạo và huấn luyện thế hệ trẻ thành những người công dân có năng lực phục vụ, sinh tồn, phát huy và lãnh đạo xã hội trong một môi trường văn hóa, chính trị và kinh tế cụ thể nào đó. Bởi thế, mỗi hình thái chính trị xã hội có một nguyên lý giáo dục riêng. Dạy học ở nhà trường Mỹ, tôi không hề nghe ai hô hào cải cách, nhưng chương trình, nội dung và phương tiện giáo dục thay đổi nhanh chóng từng năm học; thậm chí, thay đổi từng học kỳ, học khóa. Nếu có một sự xuống cấp, một hiện tượng thoái trào trong nội dung giáo dục ở cấp thành phố, hay tiểu bang xảy tới là tức thời được đưa ra công luận mổ xẻ và sửa sai ngay. Có lẽ nhờ vậy mà dòng lịch sử trẻ trung của Mỹ đã đưa chất lượng giáo dục lên hàng ưu thế với 2683 trường đại học năm 2013. Cụ thể là trong số 20 trường đại học được xếp loại

hàng đầu thế giới, Mỹ chiếm 17 trường, Anh chiếm 2 trường (Oxford và Cambridge), Thụy Sĩ chiếm 1 trường (Zurich).

Khi còn đứng trên bục giảng ở trong nước, nhất là sau năm 1975 khi cả thầy trò đều phải lao đao với miếng cơm manh áo, hề nghe nói đến tri thức nước ngoài, từ Mỹ, từ Pháp, Liên Xô, Nhật Bản, Đại Hàn... về nước, mình vẫn có cái mặc cảm tự ti thua kém. Nhưng đến khi có cơ hội chen vai thích cánh bình đẳng với cộng đồng thế giới, cả khi ngồi trong lớp học và lúc đứng trên bục giảng, đã bao lần tôi xúc động với lòng tự hào dân tộc là dân Việt minh không hề thua kém tri thông minh, óc nhạy bén và nghệ thuật sống còn khéo léo, phản ứng quyền biến linh động trong mọi hoàn cảnh so với các dân tộc khác. Tuy nhiên, trong một số lớp học tôi phụ trách có sinh viên Việt Nam mới qua Mỹ du học đều có một khuyết điểm rất lớn là tinh thụ động. Các em học hành rất siêng năng, chăm chỉ, làm bài tập ở nhà

cũng như ở lớp nghiêm túc nhưng rất hiếm khi có em nào tham gia vào các sinh hoạt kể cả nội khóa và ngoại khóa. Nội khóa thì âm thầm ôm sách học gạo đạt điểm cao chứ không tham gia sinh hoạt của lớp. Ngoại khóa thì các em không có khả năng chơi thể thao, âm nhạc, sinh hoạt dã ngoại. Lúc đầu tôi cứ nghĩ sinh viên Việt Nam thụ động là do trở ngại về ngôn ngữ và văn hóa. Nhưng sau khi trao đổi, chia sẻ và phân tích với các em, tôi mới thấy rõ đó là do hậu quả của một chương trình giáo dục còn nhiều khiếm khuyết từ trong nước. Trong đó, sự áp đặt và không chế của những nguyên tắc chính trị lỗi thời, ảo tưởng đã kéo lùi bước tiến của tri thức, giáo dục.

Năm 2011, bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam cho biết là có hơn 100.000 sinh viên Việt Nam từ trong nước đi du học tại 49 nước trên thế giới. Tại Mỹ có 14.888 sinh viên Việt và 90 phần trăm trong số đó là du học tự túc. Con số này đang trên đà tăng nhanh. Xin đừng biến đây thành một cuộc “tự nếm giáo dục” ở ạt của thế hệ con em thuộc gia đình quacom chức, đại gia tham nhũng, gian thương sống phê phồn... trên đầu trên cổ người dân lương thiện đang còn chịu

khó khăn thiếu thốn trăm bề.

Hơn ba mươi năm qua đến hiện tại, các nhà lãnh đạo giáo dục Việt Nam luôn luôn định vị hướng đi của nền giáo dục nước nhà phải gắn liền với “định hướng Xã hội Chủ nghĩa”. Với con số 90 phần trăm du học tự túc trong hoàn cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay, có vẻ như đây là chỉ dấu của một hiện tượng phát triển nghịch lý và ngược chiều giữa “định hướng Xã hội Chủ nghĩa” và thực tế xã hội (?!).

Thế hệ Chiến tranh Việt Nam của giới đàn anh đang lui tụt. Thế hệ đàn em hậu chiến đang vươn lên thay thế từng bước trách nhiệm xây dựng và vai trò lãnh đạo đất nước. Nhưng vấn đề cách tân giáo dục cũng chỉ mới ở mức độ một câu hỏi đặt vấn đề hơn là một câu trả lời có nội dung ứng dụng được. Đã đến lúc cần chấm dứt tình trạng nhìn thực tế qua ảo tưởng rồi đem ảo tưởng làm thực tế. Sự dụng mà không tiến dụng, ứng dụng mà không vô dụng, thực dụng mà không lạm dụng là nguyên tắc dùng người và dùng phương tiện trong giáo dục ngày nay.

Sacramento, mùa
Xuân năm 2014
TRẦN KIÊM ĐOÀN

PHỤ NỮ VÀ SỨC MẠNH CỦA GIÁO DỤC

liên tiếp rồi những dải nắng vàng ấm áp lóng lánh kim nhũ xướng các đóa hoa sắc màu phụ nữ. Trước đó là giải thưởng cao quý của Hàn Lâm Viện Thụy Điển cho nữ nghị sĩ Thái Lan Prateep Ungsongtham Nata, sau là giải Nobel văn chương cho nữ sĩ Elfriede Jelinek người Áo.

Lòng tôi bỗng rộn một giấc mơ, biết đâu tương lai giải văn chương không về tay một người phụ nữ Việt Nam. Tại sao không chứ? Ôc tôi bắt đầu phân tích và suy nghĩ không ngừng. Tôi tự hỏi những yếu tố nào đã đưa người phụ nữ này đến thành công. Đọc tiểu sử của Jelinek, tôi khám phá ra nhiều điều quan trọng cùng tài năng thiên phú đã kết hợp tạo nên những nét tài hoa của người nữ sĩ. Tuy nhiên giáo dục là điểm then chốt trong suốt cuộc đời học, làm việc và sáng tác của bà. Là con của một học giả, Jelinek được

đi học từ nhỏ. Bà được học thêm dương cầm, đàn organ, cùng kỹ thuật sáng tác ở Vienna Conservatory. Lên đại học, ngoài âm nhạc là chuyên ngành, sân khấu và lịch sử nghệ thuật cũng là môn bà ghi danh theo học. Bà mê thi ca và làm thơ từ thuở bé. Bà nhận giải thưởng thơ văn "The Young Austrian Culture Week Poetry and Prose Prize", lần đầu tiên năm 1969. Sau đó bà liên tiếp nhận được nhiều giải thưởng về kịch bản, truyện phim, cũng như thơ, văn khác. Jelinek còn là một phê bình gia tranh đấu cho nữ quyền và chống lại những bất công xã hội. Ngôi bút sắc sảo của bà đã đối đầu với những vấn đề xã hội phức tạp, tệ nạn như tình dục, bạo lực và áp bức của chế độ. Bà còn chỉ trích những khuôn sáo hạn hẹp thành kiến của kỹ nghệ giải trí truyền thông và đánh thức sự ngủ yên của công lý và luật pháp trong các

vấn đề kỳ thị giới tính.

Trong tác phẩm Lust(1989), Jelinek đã phê bình hành động bạo hành tình dục như một khuôn mẫu chết cứng trong thành kiến văn hoá xã hội. Tác phẩm Unterhaltungsroman (2000) là một nghiên cứu thực nghiệm về tính "máu lạnh" trong quyền lực của nam giới. Tất cả những bài viết, tiểu luận, tác phẩm của bà là biểu trưng cho sự tranh đấu và hoạt động tích cực liên tục. Jelinek là một hình ảnh năng động sáng chói của người dân nước Áo. Giáo dục là một trong những điều cần yếu làm nên sự thành công này.

Chúng ta có thể nói, giáo dục là trung tâm điểm của sự phát triển. Nó tăng năng lực cho con người, làm quốc gia hùng mạnh và nó cũng là chìa khoá cho mục tiêu phát triển hàng ngàn năm trở về sau. Đối với phụ nữ, giáo dục càng quan

trọng hơn. Nó đem lại những lợi ích kinh tế, xã hội, làm giảm khả năng sinh sản, gia tăng dinh dưỡng, sức khoẻ và nâng cao tinh thần dân chủ của một gia đình.

Ở Ấn Độ các nhà nghiên cứu đã quan sát 5 thế hệ liên tiếp của một gia tộc và khám phá ra giáo dục đã thay đổi đời sống của người phụ nữ. Kết quả là họ kết hôn muộn hơn, có ít con hơn, kiến thức của họ về sự chăm sóc sức khoẻ con cái dồi dào, kể cả những phương thức ngừa thai. Giáo dục cũng gia tăng vị trí và tiếng nói của người phụ nữ trong một gia đình. Phụ nữ có cấp sách tới trường khoảng từ 6 tới 10 năm có 47 % cơ hội được quyết định mọi việc trong nhà hơn là phụ nữ ít học không được đi học. Ở các nước nghèo chậm tiến, giáo dục giúp các trẻ vị thành niên nghèo chống lại được sự cám dỗ, thu hút của con đường mại dâm lúc nào cũng chờ chực khắp nơi.

Thí dụ điển hình là câu chuyện của một nữ nghị sĩ Thái Lan, bà Prateep Ungsongtham Nata, mới được Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao giải thưởng cao quý vì bà đã giúp

đỡ các trẻ em nghèo và thất học. Bà mở trường học, tài trợ và giúp phương tiện cho các trẻ vô gia cư và nghèo đói có cơ hội đến trường. Ở Âu châu người ta tặng danh hiệu "Thiên thần của các ó chuột" cho bà. Bà kể lại, lúc còn bé, bà không được đi học. Khi gia đình khá một chút đã cho bà cấp sách tới trường. Bà say mê học và học rất giỏi. Nhưng sau đó bà không còn cái may mắn này. Ngày nào bà cũng nhìn những đứa trẻ may mắn được đi học bằng cặp mắt thèm thuồng. Để mưu sinh, đứa bé gái ham học này làm việc ngày, đêm. Nó phải chui vào góc kẹt các con tàu (nơi mà người lớn không chui vào được) để cạo ri sét. Và chúng quanh nó những mù Tú Bà, chủ chùa lúc nào cũng chực sẵn chờ có dịp là đưa những em bé nghèo đói này vào con đường mại dâm. Nhờ đã được đi học, bà ý thức và tránh xa sự cám dỗ của họ. Sau này bà phấn đấu, trở lại trường và trở nên vị nghị sĩ đáng kính của Thái Lan.

Bà ý thức được giáo dục quan trọng đến đời sống con người

tiếp theo trang 12

INTERNET NHƯ MỘT THỜI TUỔI TRẺ

khoa điện toán ngày nay đã vượt qua thời của chúng tôi rất xa về mọi mặt. Các cô cậu bây giờ chỉ cần ba mươi phút là có thể làm xong cho mình một blog đơn giản miễn phí hay vài giờ là xây xong cả một trang nhà thật đẹp bằng Joomla, WordPress, PHP-Nuke với một chi phí tượng trưng vài dollars một tháng. Các phương tiện kỹ thuật phục vụ Internet mỗi ngày một hiện đại hơn, tốc độ nhanh chóng hơn và cách truy cập cũng dễ dàng hơn. Dù sao, giống như những người lớn tuổi, tuy sống giữa lòng đô thị rực sáng ánh đèn-ông, nhiều khi cũng nhớ lại thuở còn đất trời nhau đi dưới ánh trăng vàng trên con đường đất hẹp.

Tôi làm cho một công ty tài chánh. Trách

nhệm của tôi là bảo quản sự chính xác và an toàn của các cơ sở dữ kiện. Tháng Tám vừa qua, ông xếp gọi tôi ghé ngang văn phòng để nhận một tấm bằng thưởng lệ dành cho các nhân viên làm việc lâu năm. Bằng nào cũng như bằng này đều in sẵn những lời ca ngợi sáo rỗng, ngoài trừ tên tuổi và thời gian làm việc. Thời gian của tôi là 15 năm. Nếu cộng với những năm ở Sun Microsystems và vài công ty nhỏ khác, tôi đã sống và làm việc trong môi trường điện toán được 22 năm. Đó là chưa tính mấy năm dài ngồi trước máy màn hình VT100 trong phòng điện toán ở các trường đại học.

Chúng tôi, những nhân viên kỹ cựu, có vài phút hiếm hoi để ôn lại những kỷ niệm

làm việc với nhau của những ngày đầu tại công ty này. Những đêm thức trắng để viết những chương trình điện toán nối kết các nhóm máy nhỏ vào một trung tâm điều khiển chung và xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu đầu tiên phức tạp. Chúng tôi cười thoải mái khi nhắc những công việc hôm nay dễ như một trò chơi nhưng ngày đó là cả một đề án lớn. Văn phòng chật hẹp của tôi trong tòa nhà đông đảo, chen chúc nhau bấy giờ, ngày xưa rộng mênh mông, chỉ mới mình tôi và bién. Cứ vài giờ làm việc, tôi lại bước ra phía cánh cửa kiếng rộng cuối phòng để ngắm vịnh Boston. Bién Boston vào buổi sáng sớm đẹp như một bức tranh với những đoàn tàu đánh cá đang gióng buồm ra

khơi, những chiếc tàu nhỏ sơn nhiều màu sắc sẽ đưa du khách đi xem cá voi, nhưng cũng có những ngày mưa bão, những chiều tuyết rơi mù mịt, đã làm lòng tôi nôn nao khi nhớ lại những ngày còn "thuyền ơi thuyền hãy theo gió lênh đênh" trên Thái Bình Dương bát ngát.

Nhưng Internet không chỉ giới hạn trong công ty tài chánh này thôi, không phải chỉ là nghề nghiệp để kiếm cơm như phần lớn đồng nghiệp, với tôi, còn là một môi trường, một cộng đồng, nơi tôi đã học những điều hay, nơi tôi có những người bạn chân tình, nơi tôi viết những bài thơ trên vùng đất tự do, nơi tôi và bạn bè đi xin từng chữ ký để ủng hộ những nhà dân chủ bị tù đày trong nước hay chống Trung Quốc

khi họ muốn công ty Creston ở Denver để thăm dò dầu khí ở khu vực Hoàng Sa, nơi tôi đi quyên góp từng đồng bạc cho bà con bị khước từ quyền tỵ nạn ở Galang, Sungai Besi, nơi có cả những con mưa rào và ánh trăng soi. Nói chung, từ khi học môn điện toán đầu tiên 1983 cho đến bây giờ, Internet là một phần quan trọng trong đời sống của tôi. Internet có từ lâu lắm nhưng chỉ đến 1982 nguyên tắc nối kết các mạng độc lập thành một hệ thống liên kết (Internet Protocol hay thường được gọi là TCP/IP) giữa các máy điện toán mới chính thức ra đời. Từ đó đến nay, dù các phương tiện vi tính mỗi ngày càng trở nên tiện dụng, gọn gàng, thu nhỏ nhưng TCP/IP vẫn là

tiếp theo trang 12



Sếp theo trang 7

TRẢ TỰ DO CHO GIÁO DỤC

đời. Đừng để các em sớm rơi vào một môi trường xã hội có quá nhiều tệ nạn.

Hiện chỉ mới có 40% học sinh tốt nghiệp phổ thông được học trong các trường đại học hay cao đẳng. Phụ huynh của 60% học sinh còn lại sẽ yên tâm hơn nếu, nhưng ai chưa thể đi làm ngay, có một môi trường nhà trường dùng chăm trong vài năm, trước khi con em họ chọn đúng ngành học và tìm được việc làm thích hợp.

Đừng tuyệt đối hóa môi trường đại học mà nên coi đó là một chặng đường chuẩn bị của các em. Nên để cho các trường đại học được mở để dành hơn. Đừng buộc các nhà đầu tư giáo dục phải có những điều kiện quá gắt gao. Thật phi lý khi yêu cầu những người mở trường đại học phải có 5 hecta đất trở lên bởi có những sự nghiệp

giáo dục lớn lại chỉ bắt đầu từ một phòng học nhỏ.

Đừng đòi hỏi giáo viên phải có bằng thạc sĩ, tiến sĩ mà hãy để các trường tìm đúng những người mà sinh viên của họ cần. Đừng sợ các trường đại học "mọc ra như nấm". Người học và thị trường lao động sẽ điều chỉnh chất lượng và phân loại các trường.

Lịch Sử và Chính Trị Là Các Môn Khoa Học

Với một quốc gia như Việt Nam thì việc tiếp tục dạy "chủ nghĩa Marx - Lenin" là cần thiết. Các thế hệ tiếp theo cần biết "ý thức hệ" đã dẫn dắt dân tộc ta đi qua những "bước ngoặt" nào. Vấn đề là "Marx - Lenin" phải được tiếp thu không phải như một "giáo lý" mà phải như một môn khoa học và trở thành một phần của bộ môn triết học.

Thủ tướng cũng không

nên quá lo ngại khi đụng chạm đến việc dạy và học "Marx - Lenin". Vấn đề quan tâm lớn nhất trong Đảng hiện nay là quyền lực chứ không còn là lý luận. Ông có thể gặp phản ứng gay gắt một cách công khai nhưng ông sẽ có sự ủng hộ ngầm của tất cả học sinh, sinh viên và đặc biệt là của một thế hệ cán bộ ở hàng trung, cao cấp.

Cũng cần khảo sát để biết sinh viên đang "tiêu hóa" lịch sử Đảng và "triết học Marx - Lenin" ra sao. Thủ tướng nên bỏ thời gian chạy lên khuôn viên Học viện Chính trị Quốc gia. Không có sân trường nào có nhiều xe hơi hơn nơi đây. Ở đâu học sinh bị buộc phải có bằng chứng nhận cho một thư kiến thư mà cuộc sống không còn cần ở đó các "cơ chế" sẽ vận hành bằng tiền bạc. Đa số cán bộ trong Đảng sẽ bỏ phiếu cho Thủ tướng nếu nhờ ông mà từ nay họ không phải xa nhà cả năm, "hầu hạ" các thầy để lấy bằng "cao cấp lý luận" trước khi đi bặt.

Nhà trường hiện đại không thể khép kín như một giáo đường.

Anh không thể xây dựng một nền giáo dục mà không biết rằng học sinh, sinh viên từ lâu đã không chỉ học từ thầy mà còn có thể học từ internet. Lịch sử và chính trị là những môn khoa học, không thể tiếp tục bắt người học đơn nhem theo cách của một tin đồ.

Nếu trong một môi trường giáo dục mà học sinh không thể tư duy độc lập và tập được khả năng suy xét (critical thinking) thì cho dù cả nước tốt nghiệp đại học và hàng triệu người có bằng tiến sĩ, dân trí ở đó cũng không thể được tính là cao được.

Cải cách giáo dục vì thế không thể lấy mục tiêu cho kỳ đại hội đang tới gần mà phải đặt nền móng cho tương lai của nhiều thế hệ.

HUY ĐỨC

[1] Sáng 25-2-2014 Thủ tướng chủ trì phiên họp của Hội đồng quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực, tại phiên họp, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình bày dự thảo quyết định về việc thành lập Ủy ban quốc gia đổi mới giáo dục. Thủ tướng thống nhất thành lập Ủy ban.

[2] Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao ban hành ngày 18/5/2005: "Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề NCL; chuyển một số cơ sở công lập sang loại hình NCL. Hạn chế mở thêm các cơ sở công lập ở những vùng kinh tế phát triển. Không dạy tại các cơ sở bán công, các lớp bán công trong trường công".

[3] Vào năm 1964 có trường tư thục giáo dục 28% trẻ em tiểu học và 62% học sinh trung học. Đến niên học 1970-1971 thì trường tư thục đảm nhiệm 17,7% học sinh tiểu học và 77,6% học sinh trung học. Tính đến năm 1975, Việt Nam Cộng hòa có khoảng 1,2 triệu học sinh ghi danh học ở hơn 1.000 trường tư thục ở cả hai cấp tiểu học và trung học.

[4] Từ năm 1961-1975, Giáo Hội Công Giáo tại miền Nam có 145 trường trung học với 62.324 học sinh và 1.060 trường tiểu học với 209.283 học sinh (niên tại giáo phận Sài Gòn có 56 trường trung học với 30.748 học sinh và 338 trường tiểu học với 91.870 học sinh). Tính đến năm 1970 trên toàn quốc có 137 trường Bồ đề, trong đó có 65 trường trung học với tổng số học sinh là 58.466.



Ảnh: KHANG DUONG

tiếp theo trang 5

SUY NGHĨ VỀ HƯỚNG GIÁO DỤC ĐẠO PHẬT CHO TUỔI TRẺ

đường. Đến bất cứ nơi nào trên trái đất này, nơi mà đâu đó được sống thực hơn, hạnh phúc được trải nghiệm chân thực hơn. Trong một ý nghĩa khác, tính di động như vậy đồng nghĩa với tính phiêu lưu. Từ khi sống tại những đô thị được xem là ổn định, nhân loại đã dập tắt đi tính phiêu lưu nơi tuổi trẻ, nhưng khơi dậy tính du lịch nơi người lớn đi tìm những lạc thú mới để thay đổi khẩu vị thường nhật.

Tinh thần vô trụ xứ tất nhiên có nhiều điểm khác biệt. Vô trụ xứ nói, không trụ sinh tử, không trụ Niết bàn. Đó là tinh thần khai phóng, không bị buộc chặt vào bất cứ giá trị truyền thống nào. Tuổi trẻ cần được học hỏi để sống với tinh thần khai phóng và bao dung, để tự mình định

chuẩn xác giá trị các nền văn minh nhằm loại, tự mình chọn hướng đi thích hợp trong dòng phát triển hài hòa của tất cả các nền văn minh nhằm loại, tuy khác biệt tín ngưỡng, khác biệt tập quán tư duy, khác biệt cả phong thái sinh hoạt thường nhật.

Về sự phát triển trình độ nhận thức tâm linh nơi tuổi trẻ, ở đây chúng ta nói đến sự học tập thông qua Kinh điển truyền thống. Tam tạng Thánh điển là kho tàng kiến thức bao la. Dựa trên những lời dạy căn bản của đức Phật về giá trị của sự sống, bản chất của đau khổ và hạnh phúc, trên đó nhiều quy luật về thiên nhiên, về xã hội, về tâm lý, ngôn ngữ, của con người lần lượt được phát hiện qua nhiều thời đại trong nhiều

khu vực địa lý có truyền thống lịch sử khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, trong toàn bộ lịch sử các nền văn minh nhằm loại, đang tồn tại hay đã biến mất, không một học thuyết nào mà không từng bị nhệch thức của người đời sau vượt qua. Có học thuyết bị vượt qua và bị đào thải luôn. Có học thuyết bị vượt qua, rồi được phục hoạt. Nhưng có rất ít học thuyết được phục hoạt mà bản chất không bị biến dạng. Biến dạng cho đến mức nếu so sánh với quá khứ, nó như là quá khứ. Giáo lý của Phật khẳng định quy luật vô thường, nên vấn đề là khế lý và khế cơ, chứ không phải là vấn đề bị hay không bị vượt và đào thải.

Tuổi trẻ học Phật không

có mục đích trở thành nhà nghiên cứu Phật học, mà học Phật là tự thực tập khả năng tư duy bên cạnh, linh hoạt, để có thể nhìn thẳng vào vào bản chất sự sống. Cho nên, sự học Phật pháp không hề cản trở sự học thế gian pháp; kiến thức Phật học không xung đột với kiến thức thế tục. Duy chỉ có điều khác biệt, là học Phật khởi đi từ thực trạng đau khổ của nhân sinh để nhận thức đâu là hạnh phúc chân thật.

Bi và Trí là đôi cánh chắc thật sẽ nâng đỡ tuổi trẻ bay liệng vào suốt không gian vô tận của đời sống.

TUỆ SỸ

Phổ Đồng Mấy lần đau?

Từ âm vọng,
của nguồn xưa muôn thuở
Hạt bụi này,
lầm lóc mấy lần đau?
Đi và đến,
chưa một lần thấy cù
Môi hồng loam,
ánh hiện bóng chiếu xiêu

Ta tam rã,
như tuyết mùa bão nổi,
Lại biến thành,
lầm khòí mỏng mong manh
Lưu lạc mãi,
tuổi đời đau camh cánh
Chuyện qua đi,
chuyện ngày cù đâu rồi?

Hoàng hôn xuống,
bình minh nào náu được
Bến trắng ngàn
không chỏ nổi sao băng
Lời hẹn ước,
ta đành mang rạo bân
Đổi tóc màu,
kéo lại bước thời gian?

Đời lỡ hẹn,
nay thôi đành cảm nin
Ở nơi này,
và tất cả mai sau
Giờ chấp nhận
như trái sầu bông chín
Đủ sắc màu
và đủ cả vui đau!



tiếp theo trang 9

Ảnh: SÔNG BHA THẠO

PHỤ NỮ VÀ SỨC MẠNH CỦA GIÁO DỤC

như thế nào nên đã và đang tiếp tục giúp đỡ nhiều trẻ em thiếu phương tiện được đến trường.

Người phụ nữ có giáo dục có thể làm giảm sự nghèo đói bằng sự gia tăng lợi tức gia đình. Kinh nghiệm quá khứ cho thấy, những phụ nữ nghèo, con cái của họ cũng nghèo theo và sự nghèo đói thường kéo dài qua thế hệ kế tiếp. Gia đình nghèo thường không đủ tiền cho con ăn học, và nếu có sự chọn lựa, phải

nam thường được ưu tiên. Hầu như các phụ nữ trong tầng lớp bán cùng đều thất học.

Theo quan niệm từ ngàn xưa (kể cả Tây phương) phải nữ thường chỉ được lui tới giới hạn trong phạm vi gia đình hơn là ngoài xã hội. Trong xã hội cổ Hy Lạp, Hipparchia, một triết gia đã phát biểu "Nhiệm vụ của người đàn bà hay người vợ là quán xuyến mọi việc trong nhà". Ở Đông phương, dưới sự chi phối của

tam giáo, vai trò quản gia của người phụ nữ được đặt lên hàng đầu bằng giáo điều "Tam tòng, tứ đức". Có lẽ vai trò làm vợ, làm mẹ quá quan trọng và chiếm nhiều thời giờ khiến người phụ nữ không còn cơ hội để đi học. Đồng thời, những định kiến văn hoá, tôn giáo, xã hội tạo những trở lực lớn cho việc người phụ nữ bước ra ngoài xã hội.

Ngày nay, đôi khi chúng ta cũng lấy làm khó hiểu về việc tại sao

người phụ nữ không được đi làm, đi học và phát biểu ý kiến của mình trong nhiều quốc gia trên thế giới. Nó là hệ quả của thành kiến cổ còn ảnh hưởng đến bây giờ. Nó tương tự như lời Aristotle đã nói: "Thật là tiện lợi cho việc loài người thống trị loài vật... cũng giống như giữa các giới tính, đàn ông là thượng đẳng trong khi đàn bà là hạ đẳng, đàn ông kẻ thống trị, đàn bà người bị trị." Khái niệm này đã cắt nghĩa và chứng minh

tại sao trong quá khứ người nam nắm trọn quyền lực. Bây giờ có nơi đã bỏ quan niệm này, có nơi còn giữ. Trong khi ngược lại triết gia Plato bảo: "Nam và nữ đều có cùng một khả năng cảm nhận và học hỏi vì thế phải được giáo dục, huấn luyện và làm cùng một việc như nhau. Do đó, đàn bà phải được nắm quyền như đàn ông". Quan điểm này của Plato tạo sự bất lợi cho xã hội thời cổ nên ít có nơi theo nhưng cũng

tiếp theo trang 9

INTERNET NHƯ MỘT THỜI TUỔI TRẺ

nguyên tắc chuẩn cho tất cả các chương trình điện toán được viết ra dù đó là một trò chơi dành cho trẻ em hay một chương trình điều hành phi thuyền con thoi phức tạp.

Năm 1983, khi Internet đang trở thành một phương tiện dân sự, cũng là năm đầu tiên tôi bước vào ngành điện toán. Câu chuyện học điện toán của tôi cũng rất tình cờ. Sau khi rút ra khỏi ngành điện tử mà tôi nghĩ là không có tương lai ở đại học Massachusetts, tôi lang thang đi tìm một con đường sống. Mục tiêu rất rõ ràng: một ngành nghề trong phạm vi kỹ thuật,

được cần nhiều trong tương lai và được trả lương tốt.

Một buổi chiều trên hành lang Boston University, tôi gặp một người Việt khoảng 40 tuổi đang ngồi đọc báo. Những năm đầu thập niên 1980 người Việt ở Boston rất ít nên gặp một người Việt đã mừng rói, được hướng dẫn việc học hành là một may mắn lớn. Tôi bước đến làm quen. Anh ta cũng giống tôi, thuộc loại người ham nói, vui tính, dễ bắt chuyện và dễ làm quen. Anh sang Mỹ từ 1975 và đang theo đuổi chương trình Cao Học Hệ Thống

Thông Tin (Master of Information Systems) ở trường này nên tỏ ra lịch lãm về nhiều lãnh vực. Khi biết tôi học kinh tế ở Việt Nam, anh cười có vẻ vừa cảm thông nhưng cũng vừa thương hại. Bàn thăm anh trước 1975 cũng đã học kinh tế thương mại tại Việt Nam. Anh khuyên tôi đừng nghĩ đến mấy môn kinh tế học theo kiểu từ chương ở Việt Nam nữa mà nên đi tìm một ngành khác để tiến thân. Khi được hỏi về các ngành học có tương lai và được trả lương hậu, anh giới thiệu báo báo anh vừa đọc, trong đó tác giả tiên đoán rằng đến cuối thập niên

1990, 65 phần trăm gia đình người Mỹ sẽ có máy điện toán cá nhân. Anh hùng hồn giải thích, để phục vụ cho nhu cầu của mấy trăm triệu máy điện toán cá nhân như thế, ngành điện toán phải là ngành có nhu cầu cao và đương nhiên lương bổng cũng cao theo tỉ lệ cung cầu. Anh cũng không quên nhắc đến cánh cáo, ngành điện toán là ngành hoàn toàn mới, và với vốn liếng khoa học xã hội mà tôi có ở Việt Nam, theo học điện toán là một cách thức lớn lao.

Vâng, tôi biết điều đó. Tôi phải học chỉ vì tôi không có chọn lựa nào khác. Đôi tôi từ lâu đã trải qua bao rặng núi dài, thêm một rặng nữa chắc cũng không sao. Tôi biết mình còn rất nhiều việc phải làm trong đời nhưng trước hết phải ổn định cuộc sống bằng một nghề nghiệp vững chắc. Nhìn từ hướng

tích cực, cái hoàn toàn mới mà người anh kia cảnh cáo chưa hẳn là một thách thức mà cũng có thể là một lợi thế. Trước khoa học điện toán mọi người đều bình đẳng, không phân biệt chủng tộc hay giới tính, đến trước hay đến sau, bần hàn hay ty nạn, tất cả đều bắt đầu ngành học bằng các khái niệm, phạm trù, ngôn ngữ, những Fortran, Pascal, Lisp, Assembly, Prolog mới như vừa khai từ trong thùng. Sinh viên, dù giàu hay nghèo, da trắng hay da vàng, đều không có những tiện nghi riêng cho mình. Có tiền cũng không làm gì được vì ngày đó chưa có máy điện toán cá nhân. Tất cả đều phải đến trường đúng giờ, bị chi phối chung một điều lệ, được nối chung vào một IBM 370 hay một DEC VAX 11/780 nằm đâu đó ở một nơi rất an toàn.

Đúng như anh nói,

có nơi áp dụng, đó là Ai Cập. Người phụ nữ Ai Cập được đi làm và hành xử quyền hạn ngang với nam giới.

Hai quan điểm của Plato và Aristotle đã lưu hành và ảnh hưởng xã hội Tây Phương thời bấy giờ. Nó cũng cắt nghĩa cho chúng ta hiểu ngày nay tại sao người phụ nữ phải đối đầu với vấn đề giáo dục.

Ở xã hội Đông Phương, Không giáo dục quan niệm phụ nữ giữ vai trò phụ thuộc, vì phụ nữ được xem như hạ đẳng, không đủ khả năng để học và hiểu. Đi ngược lại truyền thống này từ phá vỡ kỷ cương và đảo ngược trật tự xã hội. Không Từ còn tuyên bố rằng "Có hai hạng người rất khó đối phó là trẻ em ngỗ ngược, chậm lớn và đần độn". Vì vậy người phụ nữ bị xem thường là đần độn nhỏ nhen, khả năng thu thập giới hạn, không đủ trí tuệ để theo học những chương trình giáo dục cao cấp. Thành kiến này vẫn còn tồn tại đến ngày nay khi đại học Oberlin College (Hoa Kỳ) mở ra những lớp giảng dạy cho phụ nữ (tỏ rõ sự bình đẳng với nam giới) nhưng lại rút ngắn chương trình học và cố ý đơn giản hoá cho dễ học, bởi còn ảnh hưởng định kiến cũ.

Trong xã hội trọng nam khinh nữ, bài học đầu tiên của một bé gái là sự kỷ thị trong chính gia đình của

minh từ cha mẹ cho đến các anh, em trai. "Con gái là con người ngoài (nữ nhân ngoại tộc), trước sau gì nó cũng về nhà người ta." Quan niệm này phân rõ địa vị và cách đối xử đối với người nữ. Việc giáo dục một thiếu nữ không phải là việc cấp sách tới trường mà là việc dạy dỗ người nữ việc quán xuyến gia đình, chăm sóc nhà cửa ngõ hầu hoàn thành trách nhiệm một người con dâu ngoan khi bước vào ngưỡng cửa gia đình chồng. Một thiếu nữ có học vấn cao chẳng những không giúp gì cho bản thân cô ấy mà còn vô tình tự tạo tình trạng ế chồng cho chính mình. Những gia đình theo quan niệm cổ xưa sẽ không rước một nàng dâu có học thức cao về vì họ sợ cô ta sẽ cậy thế giới mà ăn hiếp chồng cũng như hôn lảo, xem thường gia đình chồng. Xưa nay người ngu vẫn dễ sai bảo hơn người khôn. Hôn nhân là một hợp đồng xã hội hợp thức hoá tình trạng nô lệ của người phụ nữ thời cổ. Một thiếu nữ tới tuổi cập kê không ai nhóm ngó là một điều buồn và tủi nhục đối với cha mẹ cô gái và chính cô ta nữa.

Tôn giáo của một vài xã hội chống đối việc giáo dục phụ nữ. Họ sợ giáo dục sẽ nâng cao trình độ phái nữ và sẽ ảnh hưởng tới quyền thống trị của phái nam. Giáo dục phụ nữ đối với họ chỉ là cha mẹ dạy con sao nấu cơm cho ngon,

dọn dẹp nhà cửa cho sạch, học cách đàn hát giúp chống tiêu khiển nhúng nhời ông ta mệt nhọc hay rỗi rảnh.

Ngày nay vai trò giáo dục của cha mẹ đối với con gái rất quan trọng. Giáo dục còn giúp trẻ em nhúng nhời kiến thức và năng lực chúng cần đến trong tương lai. Bậc làm cha mẹ cần nuôi dưỡng, giám sát cùng nỗ lực nâng cao trình độ học vấn của con mình, trai cũng như gái. Sự giáo dục không chỉ ở giới hạn viết và đọc. Nó còn có nghĩa, học để hiểu, để suy xét điều hơn lẽ phải và để có được những căn bản nghề nghiệp ngõ hầu người phụ nữ có thể tự lập, mưu sinh, nuôi sống chính mình bằng một nghề chuyên môn.

Chiều hướng xã hội thế giới đang thay đổi, vai trò phụ nữ cũng trở mình theo. Sự thánh công của phụ nữ tỷ lệ thuận với sự trau dồi học vấn. Nhiều cánh cửa giáo dục cao hơn mở rộng đón nhận những đứa con từng bị ruồng bỏ. Hàng năm số phụ nữ tốt nghiệp đại học ngày càng nhiều. Riêng tại Hoa Kỳ theo vài báo cáo thống kê toàn quốc NLS-72 tiết lộ những bằng chứng rõ rệt về tình trạng thành công khả quan của phụ nữ ở trình độ giáo dục cao cấp. Clifford Adelman, trong một báo cáo 1991, "Women at thirtysomething" cho thấy thành quả của phái nữ gặt được ở bậc trung học cao hơn

phái nam nhưng khát vọng giáo dục lại thấp hơn. Tuy nhiên nếu họ tiếp tục lên đại học thì mức độ gặt hái của họ không thua phái nam, nhận được học bổng nhiều hơn, hoàn thành chương trình cử nhân nhanh hơn, và điểm tốt nghiệp trung bình cao hơn phái nam trong bất cứ lãnh vực nào.

Tại Hoa Kỳ, có những đại học mở riêng cho phụ nữ và giảng dạy kiến thức cùng những kỹ năng chuyên môn thích hợp với phái nữ. Một vài đại học khích lệ tài lãnh đạo của người nữ, cung cấp cho họ nhiều vai trò có trách nhiệm hơn và khuyến khích họ tập trung vào những lãnh vực mà trước giờ người nam thường chiếm đa số.

Thật vậy, sự dục phẩm của phụ nữ trong xã hội ngày nay quan trọng như phái nam. Phụ nữ có mặt khắp nơi trong các lãnh vực nghiên cứu, thiết kế, thương mại, kỹ thuật, khoa học, văn hoá, giáo dục cũng như xã hội. Tuy nhiên, đạt được thành quả trên người phụ nữ đã trải qua cuộc phấn đấu biết bao nhiêu cam go và khó nhọc. Con đường giáo dục không những dẫn người phụ nữ tiến gần đến sự thành công, nó còn giúp họ lột bỏ những mặc cảm thấp kém, hạ đẳng mà thành kiến đã đặt để vào xã hội họ đang sống qua bao thế hệ.

Điều cần nhất là giáo

dục đã giúp họ nhận thức được địa vị và vai trò của họ trong công cuộc chinh mình như Kersey đã nói "Giáo dục cho con người cơ hội để học đọc, viết và quan trọng hơn cả là để tư duy".

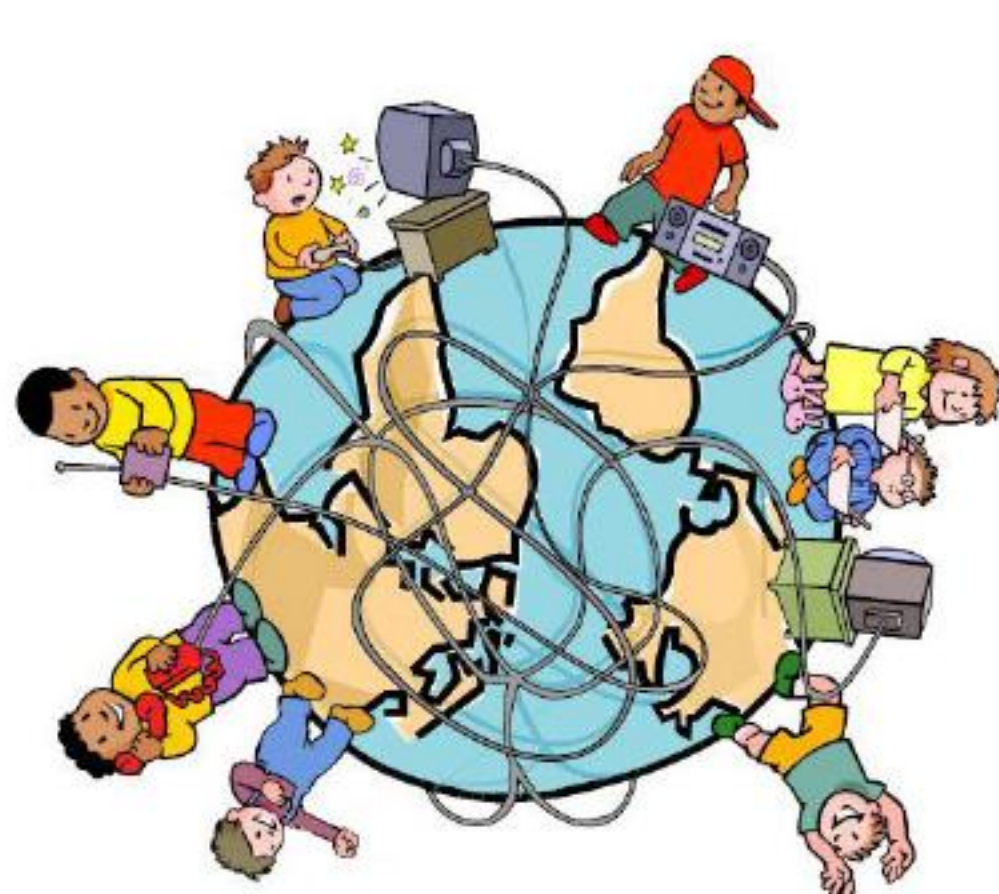
THỊNH THANH THỦY

Tài liệu tham khảo
The Nobel Prize in Literature 2004 / Elfrida Jelinek-Bibliographical notes <http://nobel-prize.org/literature/laurates/2004/>
Perception of Education of Women in the Ancient World- Lilian Quintero Piccione, Peter A. Excursus III: The Status of Women in Ancient Egyptian Society. 1995. Online. Cited 21 Oct. 1997 <http://www.library.nyu.edu/80/class/history/B94/b97women.htm>
A New Focus on Girls' and Women's Education/ Wolf and Karra, "Education's Impact on Girls: Five Generations of an Indian Family," ABEL 1994, p. 31. Summarised in Rawley, C., "Including Girls in Basic Education: Chronology and Evolution of USAID Approaches," ABEL May 1997 for USAID pp. 34-35
Women's Colleges in the United States: History, Issues, and Challenges -Irene Harwarth, Mindi Maline, Elizabeth DeBra <http://www.ed.gov/offices/OERI/PLLI/webreprt.html>
Câu chuyện nữ nghị sĩ Prateep Ungsongthan Nata của giáo sư Lê Tinh Thông- Little Saigon Radio

môn điện toán quả là khó. Trường tôi học, mỗi sinh viên chỉ được phép dùng máy điện toán tám giờ một tuần, ngoại trừ sau mười hai giờ khuya đến sáu giờ sáng thì không tính. Để tiết kiệm thời gian, chúng tôi viết chương trình nhiều lần trên giấy thật kỹ trước khi đánh vào máy. Vì số máy quá ít, thầy dạy các lớp ngôn ngữ điện toán còn lập một chương trình để kiểm soát thời gian sử dụng bằng cách phát cho chúng tôi mỗi người 100 dollars giả. Khi đăng nhập vào máy điện toán lần đầu, chúng tôi sẽ thấy trên góc phải của màn ảnh bên cạnh tên giáo sư, môn học, còn có con số 100 dollars xuất hiện. Số tiền đó sẽ giảm dần theo thời gian sử dụng. Nếu đánh máy theo kiểu nhất dương chỉ như tôi ngày đó thì chỉ trong một vài ngày là hết 100 dollars. Vì phải để dành tiền cho kỳ thi cuối khóa, tôi

không dám «ai tiên của thầy cung cấp. Cũng may, từ 12 giờ khuya đến 6 giờ sáng không tính vào thời gian sử dụng và số tiền cũng không giảm xuống nên thường sau 12 giờ khuya tôi mới đến trường làm bài. Tôi không thuộc loại thông minh. Các bạn đọc một giờ thì hiểu, tôi phải đọc hai, ba giờ mới hiểu, các bạn có gốc toán cần một giờ là viết xong một chương trình, tôi phải viết hai ba ngày mới xong. Sau này vì nhu cầu làm việc, tôi phải đi học các lớp điện toán cao hơn, tuy khó nhưng không còn lo sợ như bốn năm đầu đại học. Nhất là trong mùa thi, đêm ngủ còn thấy mặt ông thầy hăm he đánh rớt.

Không chỉ thế thôi. Đời sống cơm gạo đói no, học hành khó khăn cũng có thể qua đi nhưng đau nhức tinh thần vẫn là nỗi ám ảnh không người trong bực



com chiếu, giấc ngủ, một cơn giông bão và cả khi đang ngồi nghe thầy giảng. Hình ảnh của những em bé mồ côi cha mẹ đang chờ một gia đình Mỹ, Anh, Pháp nào đó bảo trợ ở trại یت یت, hình ảnh những cô gái bị hắt hủi hiếp dâm đang dưỡng thương trong một căn

nhà dầy bóng tối ở góc trại Palawam, hình ảnh của những người còn sống sót trên những chuyến hải hành dài cả hai, ba tháng trời phải ăn thịt nhau để sống, đau đớn gì phải đi trong ý thức. Mỗi ngày đều có người mới đến Boston mang theo những tin buồn về đất

nước, về cuộc sống khó khăn của người dân, về nạn hải tặc đang hoành hành trên biển Đông.

Dù sao, sau vài năm, tôi cũng học xong và thực sự bước chân vào môi trường Internet.

Tiếp theo trang 14

ĐÌNH NGUYỄN

thơ là sóng đẩy phù sa chuyển mình

Đã cất bước đi tận nơi, nên thơ rất tới những câu chày lòng nhau như thế. Tôi đọc bài thơ của anh thật chậm rãi, và đọc rất nhiều lần vì thích vẻ Đẹp trong thơ:

Em đừng chớ nắng chiều
trái trên mặt con sông lưng lũng chày
Đừng đưa tay giữ cho mầm nước yên lặng
trên một ao làng soi bóng dừa xanh
Chăm chậm thôi đừng gọi hàng cau mọc màu
bằng tiếng hát bay cao vút trên ngò vè tươi mượt
Đừng đưa tôi về cánh đồng mùa gặt vàng
lúa chín rợp hương quê
Tôi đã chìm vào những con sông
cao làng mái xưa đình cổ
Tôi miên man trước bình minh dậy nắng
hồn thật sâu đất biển quê mình
Tôi hùng tung giọt nắng chày tràn qua đôi tay trắng
trên đỉnh đèo núi cao hùng vĩ
Tôi tắm giữa dòng suối hiền hòa
thơm tràn rừng núi mạch quê chưa
...

Đẹp, đã đắm, mà còn hùng hực nữa:

Nguồn ngọn chia xa ngày trên cả Nam quan
niều bước
Chưa đi rồi con về nuôi chí lập thân
Lam sơn thuở trước

Em đưa tôi về làng nơi sinh ra người con
có dòng họ truyền
từ người đi chuyện quốc gia xưa
Phù sa bãi bồi đắp bồi nuôi ta lớn lên
ăn hạt gạo thơm nhớ vun tằm tấc đất
Sao nỡ bán đi bao đời tiền tổ giữ gìn!
Hồn vọng phu ngóng chờ người chinh chiến
núi con đây...
Sông cùng con đây
112 cửa sông Việt đổ về phía biển
Kỳ Cùng ơi, Sêsan ơi, Sêrêpôk ơi
vẫn chảy ngược dòng!
Người cùng con đây
...

Đẹp và nồng bỏng! Từng câu chữ bài thơ nhẹ như hạt mưa đầu mùa chạm xuống mặt sông, loang dãn ra thành triệu vòng sóng trắng, kinh động phù sa.

Lung liêng ngày lung liêng môi xinh
máu nắng long lanh trong mắt em
giữ tôi yên lành trong mạch sống nguồn
con nóng năm trái ngọt
Khe khe gọi lời tình ru nhau
đêm sông tràn ngập nửa hồn đầu cát
Mỗi một bước đi là một nhát chày sâu
từng vết thương ngày trên thịt da mình
là máu thịt quê hương

tiếp theo trang 13

INTERNET NHƯ MỘT THỜI TUỔI TRẺ

Như một nhà văn đã viết "hạnh phúc bắt đầu từ thói quen", tôi đã quen và yêu thích ngành điện toán.

Câu chuyện Internet trong cộng đồng Việt Nam bắt đầu vào tháng 8, 1988 khi một sinh viên Việt Nam đang theo học tại Boston University, qua trung gian email đã có dịp làm quen với một sinh viên Việt Nam khác đang học tại University of California at Irvine (UCI). Ngay sau đó, một số sinh viên khác từ các trường ở Florida, Học Viện Kỹ Thuật MIT cũng lần lượt làm quen nhau. Họ và một số bạn khác đã ra trường, thành lập một nhóm nhỏ những người Việt đầu tiên trên mạng lưới Internet. Nơi gặp gỡ được đặt tên là VietNet, có khi viết còn được viết là Viet-Net. Đó là nhóm sinh hoạt trên Internet đầu tiên của người Việt hải ngoại. Một trong những người trẻ trong nhóm tên là Dung Trung theo học tại Bos-

ton University. Trong thời gian con ở Boston, Trung đi làm cho những công ty đang thời nhàn (startup) với một số lương rất khiêm nhường. Sau đó Trung về California lập nghiệp và thành công khi làm sóng Dot-com lên cao điểm.

Những người bạn khác trong thời kỳ sơ khai của Internet Việt Nam đã trở thành những chuyên gia điện toán hàng đầu không chỉ trong cộng đồng người Việt mà còn cho các công ty lớn và các cơ quan Liên Bang Mỹ. Họ đã góp phần lớn trong việc áp dụng ngôn ngữ Việt Nam vào lãnh vực điện toán. Những nỗ lực ban đầu của nhóm Tiêu Chuẩn Hóa Tiếng Việt (Vietnamese Standardization Working Group) đã giúp cho tiếng Việt được các cơ quan tiêu chuẩn điện toán quốc tế công nhận. Thế hệ Internet ngày nay có thể không biết những Bùi Minh Cường từ NSC,

Tin Lê từ Sony, Hùng Hó từ USC, Trần Văn Hải từ Mitre, Việt Anh từ MIT, Nhân Trần từ VPS, Phương Nguyễn từ IBM, Nguyễn Doãn Vương từ Adobe, Kim Trần từ AT&T v.v., là ai, nhưng chính những bậm đi tiên phong đó đã đóng góp rất nhiều vào việc xây các kho tài liệu kỹ thuật, viết những bài báo giới trị về Internet, làm ra những font chữ tiếng Việt vẫn còn phổ biến rộng rãi đến hôm nay. Họ không phải bao giờ cũng đồng ý nhau nhưng những bước chân của họ là những bước khai phá đầu tiên vô cùng quan trọng cho các thế hệ trẻ ngày nay trên hành trình đi vào Internet.

Hai nhóm kỹ thuật trong giai đoạn này là TriChlor Group và Hội Chuyên Gia. TriChlor Group do Kỹ Sư Bùi Minh Cường và một số chuyên viên điện toán Việt Nam thiện nguyện thành lập. Mục đích chính của TriChlor là phát triển

và phổ biến các nhu liệu Việt Ngữ dựa trên tiêu chuẩn viết tiếng Việt VISCI (Vietnamese Standard Code For Information Interchange). Trong lãnh vực văn hóa, anh Bùi Minh Cường và Nhóm TriChlor đã chuyển một số thi phẩm của các thi sĩ tiên chiến nổi tiếng như Nguyễn Bình, Quang Dũng, Xuân Diệu, và các áng văn chương bất hủ như Chinh Phụ Ngâm qua dạng điện tử được gọi là Thi Tập Điện Tử. Nhóm TriChlor cũng phát thành một CD-ROM về truyện sử Việt Nam. Hội Chuyên Gia Việt Nam, ngoài bộ chữ tiếng Việt quen thuộc VPSWIN vẫn còn được dùng, đã phát triển nhiều nhu liệu có ý nghĩa về mặt văn hóa như Ca Dao, Đối Vui Để Học, Thơ Hồ Dếnh, Văn Việt Ngữ, Quê Tôi, Việt Nam Nước Tôi, cách sửa dấu Hoi Ngã v.v.. Cả hai nhóm, tuy được thành lập bởi các kỹ sư có trình độ kỹ thuật rất cao nhưng luôn cố gắng tận dụng các phương tiện kỹ thuật để phát huy văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.

Thời gian từ tháng 8 năm 1988 đến đầu năm 1992, VietNet là một môi trường tích cực

và hữu hiệu cho giới trẻ Việt Nam khắp nơi trên thế giới quen biết và học hỏi lẫn nhau. Trong cộng đồng của khoảng 600 người Việt, trong đó có tôi, đã tạo nên một sinh hoạt Việt Nam đa diện và thân tình. Tham dự viên cư ngụ khắp nơi trên thế giới, từ California miền Nam đến tận các tiểu bang Đông Bắc như Massachusetts, Maine, từ Hoa Kỳ cho đến tận các quốc gia cực Bắc như Ai Cập, Na Uy, Phần Lan hay các quốc gia thuộc châu Đại Dương như Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi. Thành phần tham dự viên của VietNet là sinh viên theo học chuyên ngành điện toán từ các đại học lớn hay các chuyên viên kỹ thuật làm việc cho các công ty chuyên về điện toán như Motorola, IBM, Apple, Sony, Adobe, Xerox.

VietNet phục vụ như là một nhịp cầu trao đổi các ý kiến và ưu tư của người Việt về nhiều mặt trong cuộc sống mới. Vì số người rất ít nên chúng tôi rất gần gũi nhau. Mỗi tiểu bang có một nhóm VietNet nhỏ và rất thường hẹn nhau đi chơi chung. Khi chúng tôi đi công việc hay du lịch đều có các thành viên VietNet tại địa



Ảnh: UYÊN NGUYỄN

Ngày rạng ánh hồng có đầy qua hết con giòng
Mưa bão tôi mất người ruộm lệ
Sẽ xé nát tôi bằng lời nguyện thề
Nước nhà ơi tình yêu ơi chảy cả lòng nhau
Ngủ đi em, ngủ đi em...
nghe anh hát bài ru tình trên đầu ngọn sóng...
Để dành nước mắt cho ngày sau
non sông cười rơi lệ khóc non sông...
(Đình Nguyên, Ngủ đi em và thức dậy với non sông)

Tho anh bấy giờ nghe như những hạt nước nhỏ li
ti trong trận bão táp, biến thành kim tấp vào thán

phạm quê hương đủ làm buốt đầu. Hay như giọt
nước mắt thương thân, mèm, mả của như con tim
của bao kẻ còn nặng tình với non sông.

Tho Đình Nguyên Đẹp, lũng liếng như hạt mưa đầu
tiên vừa chạm xuống mặt sóng, loang ra thành
sóng, cho đến một lúc phù sa sẽ chuyển mình.

Ngày 7 tháng Ba, 2013

UYÊN NGUYỄN

phương đón tiếp miềm
nó và giúp đỡ những
điều cần thiết. Đồng
nhất vẫn là Bắc Cali-
fornia, nơi có Thung
Lũng Silicon và tổng
hành dinh của các
hãng điện toán lớn
nhất thế giới. Mỗi ngày
trung bình chúng tôi
nhận được khoảng 70
email được hai máy
trung chuyển, một ở
California và một ở
Massachusetts, gởi
đến mỗi thành viên
của nhóm. Ngoài sinh
hoạt xã hội, giáo dục,
các cuộc tranh luận
chính trị sôi nổi giữa
các khuynh hướng
chính trị khác nhau,
nhiều khi mang nặng
tính cách ý thức hệ
cũng đã xảy ra trên
diễn đàn VietNet này.
Cách viết duy nhất
được dùng trong Viet-
Net là VIQR, ví dụ bút
hiệu tôi sẽ được viết
là "Tran^ ' n Trung
DDao". Ngày đó,
dạng VIQR là phương
tiện thích hợp nhất và
cũng là duy nhất được
dùng trong việc trao
đổi email mà không
cần chuyển đổi. Dạng
VIQR có thể khó viết
cũng như đọc đối
với đọc giả hôm nay
nhưng chúng tôi viết
rất nhanh và đọc rất
dễ dàng. Những email
viết không có dấu
thường bị phê bình,
không được trả lời, mà
nhiều khi còn bị đem
ra thêm dấu vào để

chọc quê. Thành viên
VietNet, trong lúc đa số
còn trẻ, một số không ít
đã từng là giáo sư đại
học tại Việt Nam. Dù
đồng ý hay không về
quan điểm, vốn liếng
tiếng Việt của những vị
cao niên cũng đã giúp
rất nhiều cho các thế
hệ trẻ có cơ hội trao
đổi Việt Ngữ.

Ngày đó chưa có Ho-
tmail, Gmail, Yahoo
mail hay yahoogroups,
nên email mà chúng
tôi dùng là email của
hãng. Trong cộng
đồng nhỏ hẹp nhưng
vô cùng sinh động đó,
không có chủ tịch hay
phó chủ tịch, không
có sự phân công trách
nhiệm rõ ràng nhưng
mỗi thành viên đều
biết việc phải làm.
Trong lúc một số lớn
tập trung vào các vấn
đề kỹ thuật Internet,
tiêu chuẩn hóa tiếng
Việt, soạn thảo các bộ
chữ, nhiều nhóm nhỏ
khắc lại chủ tâm vào
các sinh hoạt dân chủ
nhân quyền, xã hội
từ thiện hay văn học
nghệ thuật hay nhiều
khi chỉ vui chơi. Lịch sử
VietNet để lại tên tuổi
rất nhiều thành viên
mà mỗi khi nghĩ đến
họ không thể nín cười.
Họ trẻ trung, sinh động
nhưng cũng đầy kiến
thức trong nhiều lãnh
vực. Không chỉ chuyên
môn hay tinh bạm thời
mà ngay cả một vài

cuộc tình thơ thiết dẫn
tôi hôn nhâm cùng bất
nguồn từ những cuộc
hẹn hò kín đáo trong
"cộng viên VietNet"
này.

Về thơ văn, khoảng
một hay hai tuần tôi
gởi tặng cho các bạn
một bài thơ. Bài thơ
đầu tiên tôi gởi ra
VietNet là bài Những
Ngày Ở Lại Sài Gòn.
Bạn bè rất thích đọc,
không hẳn vì thơ hay
nhưng chắc chắn là
vi gắn gũi. Phần lớn
chúng tôi là dân vượt
biên tỵ nạn, mùi nước
biển như vẫn chưa tan
hết trên da thịt còn
sạm nắng nên dễ bị
xúc động trước những
câu chuyện về ghe,
biển, đảo, cây đa cũ,
gốc dừa xưa, người
yêu, bạn bè và cha
mẹ. Nhiều khi bạn rợn
không viết được bài
nào thì bị bạn bè gởi
email qua nhắc nhở.
Tho tôi viết từ những
câu chuyện thật, của
tôi, của đồng bào tôi
và đất nước tôi. Phần
lớn những bài thơ còn
sống đến hôm nay
như Đối Cả Thiên Thu
Tiếng Mẹ Cười, Em
Bè Việt Nam và Viên
Sỏi, Người Con Gái
Việt Nam Trên Đại Lộ
Sri Ayutthaya, Bà Mẹ
Điên, Bài Thơ Tháng
Tư v.v., đều viết trong
thời kỳ VietNet. Nhiều
khi tôi chỉ mong chúng
trở thành một quá

khứ xa xôi, nghĩa là
khi đó đất nước đã
đổi thay, không còn
những người con gái
bám dầm trên đất Thái,
sống lây lất ở Miền,
không còn lý do cho
những bài thơ như thế
được nhắc lại trong
những bản tin, bài
viết hay đọc lên trong
những ngày hội họp.

Và cứ thế đến cuối
năm 1992, khi số thơ
tôi gởi ra đã khá nhiều,
một người bạn gợi ý
nên in những bài thơ
viết đó thành một tập
để phổ biến rộng rãi ra
bên ngoài cộng đồng
VietNet nhỏ hẹp của
chúng tôi. Ý kiến của
cô được đồng đảo bạn
bè ủng hộ và như thế
tập thơ Đối Cả Thiên
Thu Tiếng Mẹ Cười
là tập thơ đầu tiên
được in và phát hành
trên Internet do công
sức của những người
bạn thân thiết nhưng
không biết mặt nhau.
Và cho đến bây giờ,
mấy chục năm sau, tôi
vẫn chưa có may mắn
gặp cô bạn từ NSC,
người đã góp phần
quan trọng nhất trong
việc in tập thơ Đối Cả
Thiên Thu Tiếng Mẹ
Cười. Ngày đó chưa có
Unicode, các font chữ
Việt còn rất ít. Khi in
tập thơ, anh Bùi Minh
Cương, một người bạn
và cũng là một trong
những sáng lập viên
của nhóm VNKEY đã

viết một chương trình vi
tính để tạo ra font chữ
mới và chúng tôi dùng
font chữ đó để trình
bày tập thơ. Bạn tôi
cũng là người đã cảm
nên đặt tên cho font
chữ một tên rất buồn là
U Họa.

Nhờ VietNet mà các
tham dự viên có dịp
đọc các bài viết ng-
hiêm túc có nghiên cứu
của các tham dự viên
trong diễn đàn, cũng
như đọc các bài trích
đăng từ các học giả
ngoài diễn đàn Viet-
Net. Dĩ nhiên, Internet,
như một cộng đồng,
cũng không tránh khỏi
một số hiện tượng tiêu
cực thường có trong
các quan hệ xã hội và
quan hệ con người,
đặc biệt đối với tâm lý
của người Việt sau một
cuộc chiến tranh dài
dằng mấy chục năm
trời.

Với con số 600 người,
việc chuyển email do
các máy trung chuyển
trở thành một vấn đề
khó khăn và chậm
chạp. Với sự chấp
thuận của đa số tham
dự viên của VietNet,
VietNet hội nhập vào
soc.culture.vietname-
ese (SCV), lúc đó đã
tồn tại song song với
VietNet. Ngoài trừ một
số rất ít tham dự viên
vẫn phải nhận email

Tiếp theo trang 30



TÔN TRỌNG

Tiếng nhạc không lời đưa tâm tư anh lên cao dần, cao mãi, qua những ngọn đồi cỏ xanh mượt lên đến ngọn trúc gió thổi vi vu rồi đến một vùng mây trắng. Càng lên cao, người anh càng nhẹ dần đi. Cõi thình không mở ra bất ngát. Khi tiếng nhạc dừng, anh cảm giác như mình bị rớt xuống khỏi thiên đường. Sao có một thứ làm bằng chất liệu trần gian này mà đưa con người đến sự tiêu điều thoát tục như thế chứ? Một lần khác anh gió trang văn, ngôn từ luôn qua góc ngách tâm tư đưa anh chìm xuống thật sâu, rất sâu tận tối tường như tận cùng của sự chịu đựng để mở ra một luồng ánh sáng chói lóa. Cảm giác như đã thực sự chạm vào vĩnh cửu. Anh hay bị rợn ngợp như thế trong nghệ thuật. Mỗi lần như thế anh lại yêu công việc của mình hơn. Anh viết, anh



ALL KHANG DUONG

suỵ ngắm. Anh được là mình, sống cuộc đời của mình trong từng phút giây hiện hữu. Sự nhọc nhằn khi hoàn thành xong một tác phẩm được thay bằng sự trống trải và một cảm giác thanh thoát mở ra êm dịu. Anh cũng nhẹ dần người đi. Cho dù điều anh viết người chưa hiểu, ít người quan tâm; tác phẩm của anh chìm lìm dưới đáy hồ như viên sỏi nhỏ không tằm tích, như đám mây bay qua bầu trời không dấu vết thì nó vẫn còn nguyên đó, không bị tước đoạt bởi năm tháng tàn phai. Có duyên ngày nào đó sẽ được tạc thành, người ta cuối cùng sẽ hiểu. Anh tôn trọng và tận tụy với công việc của mình. Có lẽ trong một thế giới lý tưởng, người ta sẽ vô cùng trân trọng những văn nghệ sĩ chân chính. Vì đó là những cá nhân dùng sự sáng tạo của mình để thanh tẩy chính mình và người khác, đưa thân xác phàm trần hữu hạn chạm vào ngưỡng cửa của thần linh.

Sài Gòn, ngày 6/3/2014

HOÀNG LONG

NHÀ BÁO VŨ ÁNH, CỰU CHỦ BÚT NHẬT BÁO NGƯỜI VIỆT, QUA ĐỜI

Thứ Sáu, 14 tháng Ba, 2014, thọ 73 tuổi. Hiên thê của ông, bà Yến Tuyết, xác nhận tin này.

Nhà báo Vũ Ánh sinh ngày 5 tháng Năm, 1941 tại Hải Phòng. Ông là nhà báo kỳ cựu của làng báo Việt Nam trước 1975 cũng như tại Quận Cam từ khi ông sang Mỹ theo diện H.O. vào năm 1992 sau 13 năm bị giam cầm

trong các nhà tù tại Việt Nam. Thời Việt Nam Cộng Hòa, ông tham gia hệ thống truyền thanh quốc gia vào năm 1964, lúc 23 tuổi.

Ông đi lên từ vai trò phóng viên chiến trường, làm trưởng Phòng Bình Luận, và trở thành Chánh Sở Thời Sự, bộ phận quan trọng bậc nhất của Đài phát thanh Sài Gòn.

Vũ Ánh là một trong số ít các nhà báo chúng kiến những giây phút cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa vào trưa ngày 30 tháng Tư, 1975, khi Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng trên Đài Phát Thanh Sài Gòn.

Ông là người viết tin nhanh, gọn, dễ hiểu - những yếu tố quan trọng của truyền thông

đại chúng. Ông cũng có tài viết bình luận và nhận định thời sự nhờ theo dõi sát các diễn biến thời cuộc hàng ngày. Sau khi miền Nam sụp đổ, ông bị bắt đi tù "cải tạo" 13 năm. Trong lúc ở tù, ông làm tờ báo "chui" có tên Hợp Đoàn. Vì hoạt động này, ông bị cầm biệt giam với tổng thời gian đến sáu năm.

Ra tù, ông làm nhiều nghề khác nhau tại Sài Gòn, từ xe gỗ, dạy Anh Văn, cho đến đập xích lò.

Ông sang Mỹ định cư theo diện H.O. vào năm 1992.

Định cư tại Hoa Kỳ, ông làm việc cho nhiều cơ quan truyền thông khác nhau. Ông từng là Chủ Bút Nhật Báo Viên Đông do nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang sáng lập.

Khi làm việc tại nhật báo Người Việt, ông đảm nhiệm vị trí Tổng Thư Ký, sau đó là Chủ Bút, trong nhiều năm. Ngoài ra, ông từng cộng tác và là trụ cột của nhiều cơ quan truyền thông Việt ngữ tại Quận Cam, trong đó có nhật báo Việt Herald, đài phát thanh VNCR, đài truyền hình

SBTN.

Những năm cuối đời, ông cộng tác và đặc biệt năng nổ tuần báo "Sống," do một số nhà báo trẻ chủ trương. Cuộc hẹn hàng tuần của ông để ăn trưa cùng các đồng sự tại "Sống" đã không thể diễn ra.

Vũ Ánh là một nhà báo yêu nghề và say mê với công việc. Ông qua đời tại phòng làm việc tại tư gia; bài báo cuối cùng của ông mang tựa đề "Hà Nội vẫn chưa đủ niềm tin coi trời báo chí," được gửi đến Nhật Báo Người Việt lúc 11:37 phút sáng của ngày cuối cùng trong cuộc sống ông. Bài báo được đăng trong trang A1 của số báo hôm nay, trên mục "Số Tay" hàng tuần.

Nhà báo Vũ Ánh là người cương trực nhưng rất thân thiện với đồng nghiệp, bằng hữu, và có tình thân nặng nề đồng nghiệp trẻ tuổi.

Ông cũng là một nhà báo chống Cộng triệt để theo cách suy nghĩ và quan điểm độc lập của riêng mình.

N.T. & Đ.B.

6 giờ chiều thứ Sáu, nắng đã chuyển sang màu hổ phách sau những rừng cây bên kia đường và đường như không gian nơi tôi ngồi im vắng hơn. Cùng lúc này, điện thoại của một thân hữu gọi đến cho hay, em rể của tôi, nhà báo Vũ Ánh đã mất rồi. Tin bàng hoàng, tin ngỡ ngàng và hẳn nhiên là không thể nào tin được bởi nhiều lý do. Tôi điện thoại liên tiếp cho cô em gái, Yến Tuyết vợ của Vũ Ánh, nhưng không được trả lời. Tôi gọi số ở nhà đôi lần và cuối cùng nghe tiếng cô cháu gái nói trong nghẹn ngào: Bố con mất rồi cậu ơi... Chỉ có thể, ngẫm, vội, như sự ra đi của em tôi...

Chào ơi một thoáng mây trời, tan theo nắng vội chẳng lời tiễn nhau...

Mới hôm Chủ Nhật, anh chị em gặp gỡ, hàn huyên chuyện trên trời, dưới nước. Chuyện thời sự, sẽ chia những âu lo cho sự nổi trôi của quê hương dân tộc. Trong những lần như thế tôi thường ngồi lắng nghe nhiều hơn là nói. Bởi đâu đó tôi tìm thấy nơi Vũ Ánh cái nhìn sâu

rộng, bao quát hơn về tập đoàn cai trị, lãnh đạo đất nước Việt Nam, nơi mà Vũ Ánh cũng như các sĩ quan QLVNCH ở cái tuổi thanh xuân đã gánh chịu những năm tháng dài tù đầy tận rừng sâu núi thẳm, và chính Ánh từng được những bậm từ yêu mến, xem như là một người tù giam dạ, cương trực.

Thế là mộng vô giữa đường. Thế là chỉ có hai hàng lệ rơi.

Hôm nay, Vũ Ánh đã buông bỏ tất cả những tâm toan hệ lụy, đã để lại những lời khen, chê và những cương toan đó xuống đời, bình yên đi về cõi đến. Tôi không muốn nói đến những thương quý của riêng tôi, một người linh trợn lâu năm đối với người tù khổ sai Vũ Ánh bởi vô hình trung tôi lại ngại cơ em tôi trong lúc em đã rời bỏ đời sống đầy ghen ghét, ngờ ghen, xa lìa âm oán vội vàng không lời từ giả. Giữa anh em chúng tôi tuy tuổi tác khác nhau, nhưng vì Vũ Ánh là chồng của em gái tôi cho nên tôi vẫn đóng vai một người Anh lớn.

MÂY ĐÃ NGỪNG BAY

Kỷ niệm và thương yêu thì nói sao cho cùng cho tận. Khuya nay khi ánh trăng còn núp sau những áng mây mờ và bên ngoài khung cửa, mặt hồ vẫn im vắng, tôi nghe dường như tiếng khóc của em gái mình còn thốn thức trên vai lúc chiều vương lại...

Em ơi mình bỏ đời đi hay là đời bỏ mình đi, vậy hả?

NGÔ VĂN QUY



CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin
cùng thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần
Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại, Anh chúng tôi là:

ÔNG VŨ VĂN ANH (Vũ Anh)

Nhà Báo, Bình Luận Gia
Nguyên Quán Hải Phòng, Việt Nam
Sinh ngày 5/5/1941

Đã từ trần lúc 17 giờ 10 phút chiều ngày Thứ Sáu 14/03/2014
(Nhằm ngày 14/2 Năm Giáp Ngọ tại Tư gia thuộc thành phố Garden Grove, CA)

HUÔNG THỌ 73 TUỔI

Linh Cữu được quàn tại Peek Funeral Family, Phòng số 5.
7801 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. ĐT. (714)893-3525

CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ

Lễ Nhập Quan và Phát tang: Sáng Thứ Bảy, ngày 22/03/2014

Giờ Thăm Viếng :

- Thứ Bảy, ngày 22/03/2014: Từ 4 giờ chiều đến 8 giờ tối.
- Chủ Nhật, ngày 23/03/2014: Từ 8 giờ sáng đến 2 giờ chiều

Lễ Di Quan và Hỏa Táng:

- Chủ Nhật 23/03/2014: Lúc 3 giờ chiều

TANG GIA ĐỒNG KHẮP BẢO

Vợ: Ngô Thị Yến Tuyết
Trưởng Nam: Vũ Hùng và vợ
Trưởng Nữ: Susie Harborth và chồng
Thứ Nữ: Vy Spear và chồng
Thứ Nam: Albert Trương
Cháu Nội: Catherine Vũ
Cháu Ngoại: Carsten Harborth and Audrey Harborth

**CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIẾP TANG
XIN MIỄN PHUNG ĐIỀU**

GỪNG GIÀ, GỪNG THANH

TRANGĐÀI GLASSEY-TRẦNNGUYỄN
Riêng tặng VẢ-YT.

Về Nhà báo Vũ Ảnh: Nhà báo Vũ Ảnh đã đột ngột qua đời tại nhà riêng ở Quận Cam, California vào trưa Thứ Sáu, 14 Tháng 3, 2014, thọ 73 tuổi. Sinh ngày 5 tháng Năm, 1941 tại Hải Phòng, ông tham gia hệ thống truyền thanh VNCH từ năm 1964, lúc 23 tuổi. Sau đó, ông nhận lệnh động viên, rồi làm phóng viên chiến trường, trước khi được điều về Phòng Binh Luật hệ thống truyền thanh VNCH, và trở thành Chánh Sở Thời Sự.

Trong thời gian làm việc tại hệ thống truyền thanh, nhà báo Vũ Ảnh đã rất nhiều lần chấp bút cho những bài diễn văn của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đọc trước Quốc Hội, hay trước quốc dân, đồng bào. Vũ Ảnh là một trong số

ít các nhà báo chúng kiến những giây phút cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa vào trưa ngày 30 tháng Tư, 1975, khi Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng trên Đài Phát Thanh Sài Gòn. Ông vào tù Cộng Sản như nhiều quân cán chính VNCH khác, và đã phải chịu tới 13 năm tù. Với tinh thần cam trường và chính khí của người lính, ông cùng một số bạn tù làm tờ báo mang tên Hợp Đoàn, khiến ông bị biệt giam nhiều lần, trong khoảng thời gian kéo dài sáu năm.

Khi ra tù năm 1988, ông phải làm nhiều nghề để kiếm sống và nuôi mẹ già tại Sài Gòn, từ đập xích lò, xẻ gỗ tại ruộng mộc, cho đến dạy Anh ngữ cho người sắp đi định cư nước ngoài. Năm 1992, ông sang Mỹ

định cư tại tiểu bang Virginia theo diện H.O. Năm 1993, gia đình ông chuyển về California, và ông trở lại nghề báo. Ông từng là Chủ Bút Nhật báo Viên Đông, Tổng Thư ký và Chủ Bút Nhật báo Người Việt nhiều năm, và Chủ Bút Nhật báo Việt Herald. Ông cũng cộng tác với nhiều cơ quan truyền thông Việt ngữ khác tại quận Cam như Đài phát thanh VNCR và Đài truyền hình SBTN.

"RÀNH GHỀ CHOI!"

Móng Bốn, Tết Tây. Đây là lần thứ hai, Mẹ con tôi rời rít sang làm phiên Cô Chủ, tận hưởng niềm vui như con cháu ở xa được về 'thăm nhà.' Lần đầu có chồng tôi, nhưng chưa có Bé Ti. 'Ở xa' là vì tuy chúng tôi ở phứt lái xe, nhưng tôi

bận bịu hai con nhỏ, không đến chơi với Cô Chủ thường xuyên được. Mà tôi cũng rất ít có dịp đi thăm người quen trong mấy năm vừa qua vì kham thời gian và hiểm sự khoẻ. Đến thăm Cô Chủ, có cảm giác mình ở xa về, vì ngôi nhà tinh lộng đầy thiên vị ấy thuộc về một cõi riêng của hai tâm hồn rất mực nhẹ nhàng, thân thiện, và tinh hoa. Rất riêng - từ sân vào nhà, từ cung cách của chủ nhân cho đến cách bày trí trong nhà và vườn sau. Xa hẳn cái món xáo của Quận Cam phồn thịnh, náo nhiệt.

Cô đón hai thằng bé từ ngoài đường, đưa chúng tôi vào nhà. Chủ đang làm vườn. Tôi không biết Chủ khoẻ và tháo vát vậy. Cô nói:

- Chủ thích làm vườn. Nhưng chỉ được dọn, không được tĩa.

Đó là vì Cô thích tĩa theo ý Cô, và có lẽ Chủ không khéo bằng Cô chăm. Ầ, lệnh ông sao bằng công bà! Cô Chủ có khối cháu nội ngoại, đứa nào cũng xinh như Ông Bà của chúng. Nhưng mỗi lần mẹ con tôi đến thăm, Cô Chủ vẫn luôn thêm thương đón tiếp. Tôi đưa:

- Hôm nay, Chủ không đi hoang à?

Cô ngạc nhiên:

- Con không biết à? Chủ không thích đi hoang. Chủ hiền lắm! Không hút thuốc, không uống rượu, không đi quán cà phê. Đi ăn tiệc ở đâu, ai mời rượu, Chủ giao cho Cô uống!

tiếp theo trang 24

VĨNH BIỆT CHỦ VŨ ẢNH!

NGỌC LAN

www.nguovietblog.com/ngoclan/

Vừa kết thúc một cuộc phỏng vấn lúc 7 giờ tối thì nghe tin: chú Vũ Ảnh qua đời!

What? Tôi sùng sốt.

Chạy vào phòng Biên Tập, thấy anh Thiện Giao. "Chủ Ảnh mới mất hả anh Giao?" - "Ừ, đang confirm tin này."

Tôi thẩn thờ.

Đi nhiên ngay lúc đó không ai có thể gọi cho cô Yến Tuyết, vợ chủ Vũ Ảnh, được hết.

Chợt nhớ có thể gọi cho anh Ngô Văn Quy, anh trai cô Yến Tuyết. Nhưng 2, 3 lần gọi, anh tắt máy. Tôi bèn nhấn tin "Anh Quy gọi cho em gấp, tui em muốn confirm tin chủ Vũ Ảnh."

Anh Quy gọi lại. Giọng đầy

nước mắt. "Ảnh không thể ngờ được NL ơi!"

Ài mà ngờ được.

Tôi lái xe về nhà. Trong đầu là hình ảnh chủ Vũ Ảnh, người mà ngày còn làm thấy cò, tôi vẫn thường vào phòng chủ xin tiền đi mua chè...

Vừa nhà đến nhà thì nhận được điện thoại của anh Vũ Đình Trọng. "Ảnh đang ở nhà chủ Ảnh." - "Cho em nói chuyện với cô Yến Tuyết."

Cô bắt phone, khóc ơa "Chủ mất rồi con ơi! Cô đi làm về khoảng 5 giờ, thấy chủ nằm té trên sân nhà trong phòng làm việc. Người chủ lạnh ngắt... Có gọi 911..."

Tôi cùng ông xà chạy đến nhà cô. Có anh Trọng và

chị Khánh Hòa bên tuần báo Sống ở đó.

Cô tựa vào vai ông xà tôi nức nò. "Chủ mất rồi H ơi!" Tôi ngồi bên nắm chắc bàn tay cô. Không biết nên nói một lời gì.

Chị Khánh Hòa và anh Trọng kể: từ lúc 11 giờ sáng nay có gọi điện thoại nhắc chủ Ảnh ra ăn trưa với báo "Sống" - như một bữa cơm thăm mặt hàng tuần. Chủ Ảnh đồng ý, nhưng nói sẽ ra trễ 15 phút.

11:37 am, anh Thiện Giao nhận được email bài chủ Ảnh gửi.

Khoảng hơn 12 giờ, mấy anh chị bên "Sống" gọi liên tục nhưng không thấy chủ Ảnh trả lời. Một điều rất lạ. Chị Khánh Hòa báo, "Đến 2 giờ vẫn không thấy anh Ảnh trả lời, chị cứ nghĩ đại

tiếp theo trang 24

HÀ NỘI VẪN CHƯA ĐỦ NIỀM TIN CỎI TRỎI BÁO CHÍ

VŨ ANH
Trích DIỄN ĐÀN THẾ KỶ
& Blog QUÊ CHOA
www.diendantheky.net
www.bolapquechoa.blogspot.com

Nhà báo Vũ Anh vừa đột ngột qua đời tại tư gia ở quận Cam, California, vào chiều ngày Thứ Sáu, 14 tháng Ba, 2014, thọ 73 tuổi.

Nhà báo Vũ Anh tên thật Vũ Văn Anh, sinh ngày 5 tháng Năm, 1941 tại Hải Phòng. Ông là nhà báo kỳ cựu của làng báo Việt Nam trước 1975 cũng như tại Quận Cam từ khi ông sang Mỹ theo diện H.O.

NHÀ BÁO HUY ĐỨC viết: "Ông làm báo năm 23 tuổi, từng là một phóng viên chiến trường, thời Việt Nam Cộng Hòa. Trong ngày 30-4-1975, tuy đang là Chánh Sở Thời Sự (Truyền thanh Quốc gia), từng chấp bút nhiều bài diễn văn cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nhưng ông vẫn ở lại để chung kiến những giây phút cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa... Ông là nhà báo Vũ Anh, sinh năm 1941 tại Hải Phòng. Sau khi đến Mỹ (1992), ông là chủ bút tờ báo Người Việt ở California trong nhiều năm. Nói chuyện với ông, không ai nghĩ, con người cạnh cạnh nói nhớ Nước ấy lại có thể dùng những ngôn từ rất điềm đạm để nói về Chế độ đã từng "cải tạo" mình 13 năm, trong đó riêng thời giam biệt giam tổng cộng lên đến sáu năm. Trưa qua, thứ Sáu, 14-3-2014, sau khi viết bài báo cuối cùng, gửi đi, ông đã có một giấc ngủ dài, vĩnh viễn. Vĩnh biệt "Chú Anh", một nhà báo mà tôi vô cùng kính mến." Vâng, vĩnh biệt chú Anh, cầu cho chú bình an nơi cõi Phật.

Dưới đây là bài báo cuối cùng của nhà báo Vũ Anh, ông mất sau khi gửi bài báo đi chưa đầy 5 tiếng:



LTS. Nhà báo Vũ Anh đã đột ngột từ trần vào trưa ngày thứ Sáu 14 tháng Ba, 2014 tại nhà riêng. Vào lúc 11 giờ 37 phút trưa hôm ấy, ông đã gửi qua email bài viết "Hà Nội vẫn chưa đủ niềm tin cỏi trời báo chí" đến báo Người Việt để đi vào ngày hôm sau (thứ Bảy) như thường lệ.

Có thể coi đây là bài viết cuối cùng của nhà báo Vũ Anh. Và cũng là một "tình cờ định mệnh", chủ đề của bài là tự do báo chí, một vấn đề ông quan tâm hầu như suốt cuộc đời làm truyền thông của ông. Chúng tôi xin đăng lại bài này như một nén hương kính viếng ông, đồng thời bày tỏ, qua ngòi bút của ông, niềm cao ước sơm có tự do báo chí trên đất nước Việt Nam. ĐDTK

Nếu mà ngày nay có người nào có đủ kiên nhẫn ngồi điểm lại những tác phẩm và các giáo trình chính yếu về tự do báo chí tại những trường đại học báo chí ở nước Pháp và ở Mỹ không thôi và bắt đầu từ một giai đoạn nhất định, chẳng hạn như kể từ khi Tổng Thống Thomas Jefferson (1743-1826) viết một lá thư cho James Curie vào ngày 28 tháng 1 năm 1786 cho đến nay, tôi nghĩ rằng ông ta sẽ bị dẫn vào một mê hồn trận và sẽ có thể không tìm được lối ra.

Từ hàng trăm năm tranh đấu của nhiều tác giả trên khắp thế giới cho đến ngày Tổng Thống Thomas Jefferson phải nhìn nhận "Nền tự do của chúng ta (Mỹ) tùy thuộc vào tự do báo chí và điều này không thể bị giới hạn mà không gây tổn thất," con người đã phải đổ ra biết bao xương máu, chất xám, các cuộc vận động, phản đối, thậm chí phải trả những cái giá của tù đầy mới có được sự nhìn nhận tự do báo chí như một đệ tứ quyền sau tam quyền phân lập ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, người Mỹ cũng đã phải mất ít nhất gần 200 năm để tìm ra một định nghĩa thế nào là quyền tự do báo chí tương đối phù hợp với hoàn cảnh của Hoa Kỳ ngày nay. Có rất nhiều chuyện để nói về định nghĩa này, nhưng dù quyền tự do báo chí được nhìn dưới nhãn quan nào đi nữa thì cũng không thể vứt bỏ đi được nền móng của nó. Đó là quyền được phổ biến ý kiến, tư tưởng bằng ấn bản mà không bị nhà nước kiểm duyệt. Riêng đối với dân chúng Hoa Kỳ, họ được hưởng quyền này dưới sự bảo vệ của Đệ Nhất Tu Chính Hiến Pháp.

Tiếp theo trang 6

Còn tại Việt Nam, trước ngày 30 tháng 4, 1975 cũng như sau này, giới báo chí và truyền thông chưa được hưởng quyền tự do lẽ ra họ đã phải có từ lâu rồi. Trước thời điểm này, Việt Nam vẫn còn trong tình trạng bị chia đôi, miền Bắc theo khối Cộng Sản thì dĩ nhiên báo chí và truyền thông là độc quyền của nhà nước. Miền Nam Việt Nam theo chế độ Cộng Hòa và được Hoa Kỳ liệt vào vị trí là "tiền đồn của thế giới tự do." Ở tiền đồn này, có cả báo tư nhân lẫn báo của chính phủ hoặc do chính phủ tài trợ, nhưng tư nhân không được phép có đài phát thanh hay đài truyền hình. Ngoài tình hình vừa kể, từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, cho tới giai đoạn chính phủ quân nhân rồi đến giai đoạn có một chính phủ do cuộc bầu cử năm 1967, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vẫn duy trì một cơ quan kiểm duyệt báo chí và sách. Cơ quan kiểm duyệt báo chí và văn hóa phẩm sau đó được mang một cái tên trá hình là Sở Phối Hợp Nghệ Thuật thuộc Bộ Dân Văn và Chiêu Hồi để bị chỉ trích từ nước ngoài. Dĩ nhiên là so với báo chí

và truyền thông của miền Bắc lúc đó thì sinh hoạt của báo chí truyền thông tại miền Nam Việt Nam dễ thở hơn. Nhưng người Tây phương, nhất là giới báo chí truyền thông Mỹ hoạt động ở Sài Gòn không chấp nhận lối giới thích cũng như so sánh này và cũng chẳng có một trường đại học báo chí nào trên thế giới gọi một nền báo chí truyền thông tại một nước có cơ quan kiểm duyệt sách báo là một nền báo chí tự do cả!

Tôi đưa ra một vài điển hình về sinh hoạt báo chí ở miền Nam Việt Nam trước 30 tháng 4, 1975 mà tôi đã có hơn 11 năm làm việc và sinh hoạt trong ngành để độc giả dễ dàng đối chiếu với sinh hoạt báo chí truyền thông hiện nay tại Việt Nam sau 39 năm cuộc chiến Việt Nam chấm dứt và Hà Nội đã điều hành toàn bộ đất nước. Ngày 10 tháng 3 vừa qua, bộ trưởng Thông Tin và Truyền Thông Việt Nam, ông Nguyễn Bắc Sơn đã cho biết theo thống kê, Việt Nam hiện đang có 838 cơ quan báo chí in với 1,111 ấn phẩm, trong đó có 89 ấn phẩm điện tử và 265 trang thông tin tổng hợp. Nhưng cho tới nay, ở Việt Nam tư nhân không được phép xuất bản

và các tác giả có tác phẩm thuộc bất cứ thể loại nào cũng phải xin phép nhà nước, nếu không có phép thì không thể in tác phẩm của mình được. Trong số các cơ quan báo chí vừa kể, không có một tờ báo nào của tư nhân. Mới đây nhất là vào ngày 11 tháng 3, xuất hiện trong một cuộc hội thảo về tự do báo chí ở Hà Nội, Bộ Trưởng Thông Tin và Truyền Thông Nguyễn Bắc Sơn loan báo quyết định của bộ là tạm ngưng cấp giấy phép thành lập cơ quan báo chí và nói thẳng là chính phủ sẽ giảm bớt số lượng báo đang hoạt động. Trang chủ của Bộ Thông Tin và Truyền Thông trích lời Bộ Trưởng Nguyễn Bắc Sơn cho biết, quyết định trên được đưa ra để chính phủ có thời gian chuẩn bị báo cáo "Quy hoạch báo chí đến năm 2020" trình Bộ Chính Trị. Ông nhấn mạnh đây cũng là dịp để "rà soát, giảm bớt những tờ báo hoạt động không đúng tôn chỉ và mục đích." Nói về bản quy hoạch báo chí đến năm 2020, Bộ Trưởng Nguyễn Bắc Sơn nhấn mạnh đây sẽ là một cuộc cách mạng trong hoạt động báo chí và nếu được phê duyệt sẽ giúp hướng tới việc định "số lượng báo chí hợp lý, chất lượng cao hơn, phục

vụ tốt hơn nhu cầu xã hội." Dĩ nhiên, giới làm báo, làm truyền thông kể cả những blogger không dễ gì tin vào những lời của ông Sơn. Sinh ra, lớn lên, học hành và vào nghề ở Việt Nam, những nhà báo thuộc thế hệ "báo cấp" hay thế hệ "mở cửa" ở Việt Nam ngày nay đều đã hiểu rất rõ thế nào là một tờ báo hoạt động không đúng tôn chỉ và mục đích. Từ bao lâu nhóm từ này đã được nhà cầm quyền sử dụng để năng quan điểm, để chụp mũ cho những quan điểm ngược chiều với quan điểm của đảng, nhà nước và chính phủ. Bởi vì không lẽ các tờ báo như Thanh Niên, Tuổi Trẻ chỉ phục vụ và nói về thanh niên và tuổi trẻ chứ không đề cập đến vấn đề chống tham nhũng hay của quyền? Không lẽ tờ báo với cái tên chẳng hạn như Người Cao Tuổi thì lại chỉ nói tới những vấn đề của người già chứ không được thắc mắc về số tài sản kếch xù của những ông Phó Tổng Thanh Tra Nhà Nước như vừa rồi họ đã làm? Và câu hỏi được đặt ra: Liệu tờ Người Cao Tuổi có làm đúng mục đích và tôn chỉ của tờ báo không? Thực ra, ông Nguyễn Bắc Sơn đã có một kết luận rất

rõ cho công tác mà ông gọi là công tác quản lý báo chí của bộ, đó là báo chí "cầm tập trung tuyên truyền hiệu quả đường lối của đảng và nhà nước" và "vào cuộc tuyên truyền đấu tranh với các đối tượng sai trái và thù địch." Đây, nói dòng nói dài thì cuối cùng Hà Nội chỉ muốn nếu tờ báo nào có sai tôn chỉ mục đích nhưng cũng một lẽ phải với nhà nước và chính phủ thì cũng không bị rút giấy phép, ngược lại tờ báo nào dù có làm đúng tôn chỉ mục đích mà cứ lâu lại nhập bọn với bên lẽ trái thì cũng vẫn có thể bị trừng phạt như thường.

Tuy nhiên, Tiến Sĩ Huỳnh Văn Thông, khoa trưởng khoa Báo Chí thuộc Đại Học Quốc Gia ở Saigon dường như không đồng ý lắm với nội dung những lời tuyên bố của Bộ Trưởng Nguyễn Bắc Sơn khi ông cho rằng trên thực tế quốc gia nào cũng có những khó khăn về mặt an ninh và chính trị nên không có vấn đề tự do báo chí tuyệt đối và phải có những "vùng cấm thông tin" và "vùng nhạy cảm" phải định nghĩa rõ ràng và nhậm diện được vùng cấm đó. Lên tiếng với đài BBC Việt ngữ vào ngày 11 tháng 3, ông Sơn nhấn

"Trong những cuộc nói chuyện với một vài bạn đồng nghiệp cũ trước 1975, nay vẫn còn theo đuổi chút đỉnh việc viết lách thì được biết mối quan tâm chính của họ vẫn là "giới báo chí và truyền thông Việt ngữ liệu đã vận dụng được hiệu quả Đề Nhất Tu Chánh Án bảo vệ quyền tự do ngôn luận hay chưa" Họ cho rằng, báo chí và truyền thông Việt ngữ trong lúc này không thể xa rời được đạo luật trên như thời gian cách đây mười mấy năm. Chính đạo luật này giúp báo chí Việt ngữ sống còn và củng cố thêm sức mạnh. "Chúng ta không thể làm gì được cho nền dân chủ và tự do ngôn luận cho Việt Nam nếu như chính chúng ta không biết thừa hưởng được sức mạnh tuyệt vời ấy mà những thế hệ trước ở Mỹ đã dày công xây dựng." - **VŨ HUY THỰC** (Vũ Ánh), Thư Kỳ Tòa soạn Báo Người Việt – Về Buổi Khai Mạc Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại, 2003.

"Lịch sử cận đại của cuộc chiến tranh Nam-Bắc Mỹ, Tổng Thống Abraham Lincoln khi chiến thắng Nam quân sau trận Gettysburg đã ra lệnh cho tướng Grant phải đứng ra để chào kính viên tướng Nam quân lên ngựa sau khi họ đã ký vào văn bản đầu hàng của Nam quân. Nhưng để hàn gắn, Tổng Thống Abraham Lincoln không phải ra lời xin lỗi Nam quân vì thực sự chiến thắng của Bắc Quân không phải là lỗi của ông. Nhưng hành động cấm tất cả binh lính dưới quyền Tổng Tư Lệnh Abraham Lincoln không được truy bức những cựu thù là một cách hàn gắn rất thông minh và văn minh khi bên chiến thắng chìa bàn tay ra trước" – **VŨ ÁNH**, Vài suy nghĩ về "Bên Thắng Cuộc" của Huy Đức

mạnh rằng nếu các nội dung, chủ đề không được phân chia rõ ràng bằng một "ranh giới" được định nghĩa về phương diện pháp lý thì chuyện nhạy cảm hay không nhạy cảm về thông tin là vấn đề khá khó xử trong nhiều trường hợp." Chủ trương vùng cấm thông tin thực ra chỉ là một quan điểm đã xưa cũ về thiết quân luật và tuyền bố tình trạng khẩn trương trước Đệ Nhất và Đệ Nhị Thế Chiến tại Âu Châu. Nhưng ngay cả khi có thiết quân luật và kiểm duyệt báo chí, nhà cầm quyền cũng không thể chi tiết hóa thế nào là những nguồn tin vi phạm an ninh quốc gia. Cho nên, khi truy tố một nhà báo ra trước tòa về tội xâm phạm an ninh quốc gia thì vấn đề giải thích luật pháp bằng những án lệ được ra. Chính việc giải thích luật pháp này đã khuyến khích những nhà lãnh đạo chủ trương độc tài đưa ra những cấm đoán khắt khe để bảo vệ quyền lực của mình. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày, quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận trong nhiều trường hợp bị giới hạn bởi luật hình sự qui định các tội danh như phỉ báng, vu khống, hành động tục tĩu, kích động nói

loạn, ghét người thiểu số, vi phạm bản quyền và tiết lộ những tin tức được xếp vào loại mật sẽ không được quyền tự do ngôn luận bảo vệ (ở Mỹ những tội danh này không được Đệ Nhất Tu Chính Án Hiến Pháp về quyền tự do ngôn luận bảo vệ).

Vừa rồi, một nhà báo gốc Việt ở Luân Đôn, ông Nguyễn Giang, trưởng Ban Việt Ngữ của đài BBC đã viết một bài báo khá súc tích đề cập tới tình thần coi mò, nghiệp vụ được đánh giá là cao của khối phòng viên Việt Nam khi săn tin về việc tìm kiếm chuyến bay MH370 của hãng hàng không Malaysia mất tích mà cho tới nay vẫn chưa tìm ra tung tích. Theo lời tác giả, chính giới báo chí Việt Nam là những nguồn tin đầu tiên cung cấp cho cả thế giới để họ ào ào kéo tới Việt Nam và Malaysia để săn tin. Họ khoi mào cho một công tác cứu hộ quốc tế mà Hà Nội giữ vai trò tiên phong và rất coi mò trong việc giúp đỡ báo chí quốc tế tham dự vào việc tường thuật công tác này y như một đất nước mà báo giới không hề bị trói chân, bịt miệng. Tác giả cho rằng chính vụ cứu nạn này mà Việt Nam đã để lại nhiều ấn tượng khá tốt với

dư luận quốc tế. Báo giới Việt Nam lần đầu tiên đã chứng tỏ cho thấy là họ xứng đáng được hưởng một nền tự do báo chí. Tác giả Nguyễn Giang đã viết như vậy và ông nhấn mạnh: "Như tôi đã có lần viết, trong ngoại giao, gồm cả đối ngoại bằng truyền thông, hệ thống ở Việt Nam luôn có tiềm năng làm được nhiều điều tốt vì ra bên ngoài là có cạnh tranh và phải bám theo các chuẩn (định) quốc tế. Ở trong nước, như một số blogger đã nêu, nếu chính quyền cũng chú ý ở mức độ tương tự tới các vụ tai nạn của công dân Việt Nam thì sẽ được tiếng là không nhất bên trọng, nhất bên khinh bởi nạn nhân MH370 toàn người nước ngoài. Về quản lý báo chí, nếu sự coi mò, nhạy bén và thẳng thắn như vậy được áp dụng đều đặn thì chắc chắn nhiều vấn đề khác, từ ngư dân gặp nạn trên biển tới các án chống tham nhũng hay nhảm quyền... đều hoàn toàn có thể được dư luận trong và ngoài nước nghi nhận công bằng và chính xác. Vì về lâu dài, bản chất của dư luận là không thiên vị với bất cứ ai. Vấn đề trong quản lý báo chí là nhà chức trách có dám tin hăm vào điều đó hay không."

Nói tóm lại, từ những loam báo của Bộ Trưởng Thông Tin và Truyền Thông Nguyễn Bắc Sơn và một số phản ứng của những giới chức đang làm công việc đào tạo người làm báo, truyền thông cho Việt Nam và của nhiều tác giả trên những mạng xã hội ở trong cũng như ngoài nước, người ta vẫn thấy sự giằng co giữa những người làm công tác quản lý báo chí và giới làm báo về quyền tự do báo chí trong đó một câu hỏi lớn được đặt ra. Liệu việc coi trời cho báo chí và truyền thông Việt Nam có đe dọa vị trí của đảng CSVN, đảng đang độc quyền điều hành nhà nước và chính phủ không? Hay là chỉ bót xen hoặc chặt đứt hăm số lượng các tờ báo có thể tạo ra dư luận đe dọa đến thượng tầng lãnh đạo của Việt Nam rồi vạch ra một đường biên nhất định nào đó? Hoặc phải trở lại tình hình khắt khe như thời chưa mở cửa? Đùng như lời tác giả Nguyễn Giang, về lâu về dài bản chất của dư luận là không thiên vị ai, nhưng vẫn còn một hoài nghi mà trong tiểu sử của mình, Joseph Pulitzer, một nhà báo đã được lấy tên cho giải thưởng báo chí cao quý nhất của Hoa Kỳ đã có lần

viết ra: Liệu người ta định đến mức nào của trình độ hiểu biết và giáo dục trong khối quần chúng để dư luận có thể loại bỏ sự thiên vị? Nhưng không may, Hà Nội hiện nay vẫn giữ tập quán cũ nhìn đâu cũng thấy kẻ thù của mình nên họ không thể hiểu được rằng tự do báo chí sẽ củng cố quyền lực của họ mạnh mẽ hơn. Nhìn vào tình trạng không có tự do báo chí của Việt Nam, nhìn lại mạng lưới báo chí, truyền thông Việt ngữ, các mạng xã hội ở hải ngoại, nhất là Hoa Kỳ, người ta không thể phủ nhận được rằng việc chấp nhận một luồng dư luận, hay tư duy hoặc những phương thức khác nhau để cùng tiến tới một mục tiêu chung vẫn còn là một thử thách lớn trong cộng đồng người Việt Nam chỉ vì một thiếu sót không tin rằng việc chấp nhận thảo luận hòa bình hay một luồng dư luận đối nghịch để cân bằng (balance) sẽ giúp chúng ta xứng đáng được gọi là người tự do và từ đó cộng đồng có thể sẽ mạnh hơn.

VŨ ANH

Nhà báo Vũ Anh là người cương trực nhưng rất thân thiện với đồng nghiệp, bằng hữu, và có tinh thần nâng đỡ đồng nghiệp trẻ tuổi. - **NGUYỄN TUYẾN & ĐỒNG BÀN, NGƯỜI VIỆT**

Tất cả những bài anh viết đều không chứa đựng sự chua chát, đều không có nét căm hờn, mà chỉ là những con chữ biểu hiện của sự thật, của con người tôn trọng sự thật và lúc nào cũng ước mơ sẽ nói được sự thật. - **NGUYỄN VĂN KHANH, RFA, Anh Vũ Anh và Tôi**

GỪNG GIÀ, GỪNG THANH

Tôi trêu:

- Sao Cô may thế! Tim ở đâu ra người như Chú!

Vũ Ảnh. Một người đàn ông hiếm hoi. Chắc tại vậy, nên Cô Yến Tuyết cũng chiều ra mặt. Mua xe mới toanh cho Chú đi, dù Chú không nghĩ tới. Mỗi ngày Cô đều nấu thức ăn ngon cho Chú, dù Cô vẫn đi làm toàn thời gian. Đến thăm một đôi uyên ương hoạt động tư tưởng và chủ nghĩa, nên Mẹ con tôi mang biếu Cô Chú mấy quyển sách bằng Anh ngữ, về Thiên và liên quan đến lịch sử Việt Nam. Chú thích thú nói:

- Quyển này, Chú thấy họ quảng cáo dữ lắm, nhưng chưa đọc.

Tôi đắc chí vì đã chọn đúng quà. Tôi nói:

- Chú đọc, rồi cho con

biết nhậm xét của Chú.

Cô đang học Thiên, nên thích sách này. Cô nói:

- Cô có đọc quyển này tiếng Việt, nhưng chưa đọc tiếng Anh.

Tôi đáp:

- Nhiều khi đọc bằng tiếng khác, lại có cảm nhận khác, và ngộ ra những điều mới đó Cô.

Chú với tay mượn sách. Cô giả vờ nhắm mắt:

- Thấy chưa, sách gì Chú cũng thích!

Tôi nhắc Cô:

- Cô đừng để Chú giành đọc trước nghe! Chú chỉ được đọc quyển cuốn kia thôi!

Chúng tôi ra vườn sau. Nắng tháng Giêng nhẹ chầy. Gió lơ lửng. Cô chạy vô garage, đem

đồ nghề dụ con nít ra. Bộ mini golf. Cái xe gắn máy cỡ nhỏ. Thấy Bé Con chơi cái gì thích, Cô cũng bảo:

- Bà cho con đó! Con đem về nhà chơi đi!

Tôi phải cảm, vì sợ lần sau đến, không có cái để Bé Con chơi, thằng bé lại bắt tôi bóng, thì tôi mất cơ hội thủ thi với Cô. Lần đầu chúng tôi đến, Cô Chú cho Bé Con cả chiếc xe đạp tí hon còn chưa bóc hiệu mang về. Nó vừa về tới nhà thì hớn hờ đập quanh sân. Trên có xe có ba nút, Bé Con tha hồ bóp còi inh ỏi và mô nhạc xập xình. Thích vô tận. Lần này, chúng tôi về, Cô còn nắm nịu, dúi theo mấy quyển sách cho trẻ con. Có cho Bé Con áo dài, vì thằng bé đi đâu cũng mặc áo dài Việt Nam. Tôi dạy con cúi đầu chào và cảm ơn Ông Bà. Chú đưa tay ra, bắt tay với nó. Tôi bảo

Bé Con ôm hôn Ông Bà, nó xà tôi liền. Chú ngồi trên ghế, nhắc thằng bé lên, hôn vào hai má nó. Nó cười to. Chú dặn tôi:

- Rảnh ghé chơi!

Tôi vừa cười vừa nói:

- Hi hi, con mà được rảnh thì hơi lạ đó Chú ơi!

CHUA KỊP GHỀ...

Thật ra, thấy Chú rù ghé chơi, tôi cũng thích lắm. Việc sắp xếp ghé thăm Cô Chú thì không khó lắm, vì cuối tuần vợ chồng tôi chỉ chăm sóc con cái là chính. Nhưng tôi rất sợ làm phiền người khác. Dù biết rằng Cô Chú thân tình, nhưng cứ nghĩ mình đến, cũng làm mất nửa ngày của gia chủ, lại ngại trong lòng. Nhưng tôi thật sự yếu cái không gian của Cô Chú. Ngày hôm đó, lúc đứng giữa vườn, tôi đã nói với Cô:

- Có ời, chắc Cô Chú phải cho chồng con đến đây chụp ảnh nghệ thuật. Còn con, con sẽ xin một writing residency với Cô Chú, để đến đây ở một tuần, mỗi ngày ra vườn ngồi viết.

Cô hưởng ứng liền:

- Được đó! Con tới đi!

Cô mới sắm bộ bàn ghế mây, mới toanh, thật điệu, để ngoài vườn. Tôi chỉ cần ngồi ở đó mà viết. Thật ra, tôi mà tới thì chắc tui tít với Cô đã hết ngày, mà Chú có ở nhà thì lại càng mau hết hơn! Nên chuyện đến vườn Cô Chú để viết thì chắc... hơi khó! Cùng ngày lúc đó, tôi nghĩ đến mái ấm của Cô Chú, nghĩ đến mối tình keo sơn đã qua biết bao gian đoạn từ những trái ngang của lịch sử, và đến đoạn cuối này thật đẹp, thật thơ. Còn một tháng rưỡi nữa là lễ tình nhân. Tôi nghĩ ngay, sẽ viết một bài về Cô Chú cho ngày đó. Tối đó, tôi chọn cái tựa "gừng già, gừng thanh," và viết ngay phần cuối của bài này. Nhưng ngày tình nhân đã bay vèo ngang cái chrome book của tôi trên đôi cánh Cupid, mà tôi còn chưa viết xong. Nay viết phần đầu, nối với phần sau, làm nên hương tiền Chú.

Khuya thứ Sáu 14 rạng ngày thứ Bảy 15 tháng Ba 2014, thức dậy sớm để làm việc như mọi khi, thấy điện thư của Tuần báo Sống báo tin Chú đi, tôi không

VĨNH BIỆT CHÚ VŨ ẢNH!

chắc anh Ảnh bị xe đụng..."

Cô Yến Tuyết thất thảm, "Sao cô không có một linh cảm gì hết! Ngoài trừ sáng nay đi làm, cô còn chộc chủ về sự phát âm chữ n và l, cô chộc chủ 'đúng là người Hải Phòng' rồi cô hôn lên má chủ một cái, chủ hôn lại cô. Và cô ra xe đi".

Khi về đến nhà, thì... Ngày mai hy vọng kết quả giáo nghiệm từ thi sẽ cho biết chủ mất vào lúc nào và vì lý do gì...

Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh buổi tối cuối cùng chủ làm việc ở tòa soạn NV. Đó là một ngày căng thẳng liên quan đến chuyện "cái chậu rửa chén."

Khi đó tôi vẫn hầy còn là một thầy cô. Tôi không được tham dự những cuộc họp của ban biên tập khi đó. Tôi

chỉ nhớ, sau cuộc họp muộn ngày hôm đó, tôi bước ngang phòng chủ, nhìn thấy chủ thu dọn đồ đạc. Chủ ngẩng lên nhìn tôi cười...

Một thời gian không lâu sau, chủ mở một trang blog trên Yahoo! 360. Những thành viên có mặt trong friend list của chủ chỉ vồn vồn có vài người, trong đó có tôi. Nếu tôi nhớ không lầm, blog đó của chủ chỉ có khoảng 3 bài, 2 bài nói về những suy nghĩ của chủ đối với những người đang biểu tình báo NV khi đó, và 1 bài chủ viết về chuyện con chó chủ nuôi bao năm qua vừa mới chết.

Và tôi nhớ, trong bài viết về con chó, chủ báo đó là lần đầu tiên chủ khóc, sau khi khóc mẹ chủ mất...

Tôi lại nhớ những lần tôi "gom tiền" đi mua chè. Tôi vào phòng chủ, khi đó chủ đang là chủ bút, còn tôi chỉ

là một đứa mới vào làm công việc "thầy cô" không bao lâu. "Chủ cho con tiền mua chè!" - "Ồ, bao nhiêu?" - "Dạ, \$5" Chủ móc túi đưa tiền... Tôi vẫn nhớ nhiều cô chủ làm việc chung ngoài bàn kỹ thuật lúc ấy hay nói "Con nhớ này dám đi thu tiền luôn cả chủ Ảnh!" - "Ồ, mua cho mọi người cùng ăn, chủ có phải mình con ăn đâu. Sếp lớn phải đưa tiền nhiều hơn là đúng rồi!" Tôi nhớ mình trả lời như vậy...

Giờ thì chủ đi rồi. Tôi sẽ không còn nhìn thấy nụ cười tươi rói của chủ, cũng câu hỏi "Sao, công việc thế nào rồi? NL viết được lắm đấy!"

Mọi người sẽ nhớ chủ lắm, chủ ơi!

NGỌC LAN



Ài! YẾN NGUYỄN

muốn tin. Vì Chú mới bắt tay tôi hồi 11 tháng Giêng 2014 tại chương trình 35 Năm của Nhật báo Người Việt. Tôi còn hỏi, Chú đã đọc sách sử tôi biểu chưa. Chú nói:

- Đọc rồi. Nhưng trong đó, có nhiều điều cần phải coi lại! Không hẳn như tác giả viết.

Tôi định sẽ đến chơi và nghe Chú nói về những điều Chú nghĩ là không chính xác trong quyển sách đó. Thời gian kéo kiệt với Chú, tâm nhấm với thế hệ chúng tôi. Bây giờ, ai sẽ nói cho thế hệ chúng tôi những điều cần phải coi lại, khi những nhà sử học thực thụ đã sống trong lịch sử và đứng giữa lịch sử như Chú cứ lăm lăm lướt bầy «...? Tôi ngưỡng mộ bài Chú viết trong Báo Xuân của Giai

Phẩm Xuân Sống 2012. Chú kể lại "Mùa Xuân trong Biệt thự số 5," khơi mạch cho tình người giữa những đôn mặt nhất của trại tù cải tạo. Với tâm tình nhấm bần trong bài viết, Alpha Non-Nước-Hồng-Hà - tên theo đặc lệnh truyền tin của Chú - đã coi trời cho những uất nghẹn của dân tộc. Buông «a mà không buông lời. Để những ngày Chú bị biệt giam được chuyển mình, cất cánh. Để dân tộc hoá kiếp, đầu thai, làm kiếp mới, tốt đẹp hơn.

Bây giờ, có "rãnh ghé chơi," tôi cũng không còn gặp Chú. Trước này, nhà Cô Chú '«a' nhà chúng tôi vì thời gian của chúng tôi eo hẹp, thì này, '«a' thêm một chút, vì Chú đã dọn qua một không gian khác. Rất «a. Cô Yến Tuyết ơi, Cô hãy

giữ lòng mãi ấm với tình yêu của Chú. Có nói gì thì cũng phù vân. Nhưng xin Cô đừng quý ngà. Cô nhé!

gùng già, gùng thanh

Mảnh vườn bao quanh ngôi nhà «inh «ấm, như chiếc khăn choàng quanh bờ vơi người con gái mảnh mai. Giám dị.

Trong ngôi nhà đó, Có Chú chung nhau những trang báo, tập thơ, và đời thanh tịnh.

Ngoài vườn, những bức phù điêu long lanh ấm lạnh. Những băng ghế «inh «ấm đầy nghệ thuật quyến gọi tình yêu. Những cây nêu Mỹ vươn tay mùa nắng, «õe lộc đỏ, rù hương thanh bình xuống tượng Phật. Những ấm trà ủ ngầm năm văn hóa Đông

phương nương mình theo hàng cột ở hiên sau. Hòn non bộ róc rách, hút hết căng thẳng đời thường.

Phía trước nhà, Có Chú trang hoàng theo lối Mỹ. Tôi gọi là 'hài hoà văn hoá,' tiến Tây hậu Ta. Cả hai cùng chăm sóc vườn. Cô lo mỹ thuật. Chú lo bảo trì.

Có hiếu khách, ra tận ngõ đón. Chú hiến hoà, cắm giấy của khách cất vào trong nhà. Những nghĩa cử thật nhẹ nhàng, kín đáo, thanh tao, âm thầm. Người đến khó quên, người về tâm ở.

Có Chú đã qua nhiều chóng gai, ngăn cách. Để một phẩm ba đẹp nhất của cuộc đời được lắng dịu bên nhau giữa khu vườn này. Một phẩm thưởng của

Trời Đất.

Chú thích đọc sách, làm vườn, viết lách, và làm truyền thông. Có vấn còn đi làm. Chú không chịu nghỉ hưu. Hưu, mà vẫn làm việc. Việc mà người ta gọi là 'vác ngà voi.'

Gùng già, gùng thanh. Thanh nên bền, chặt, một chữ đồng.

Nên đi vay, VAY. Một chữ 7. 7 là Tinh, là Thanh, là Ta, là Tất cả. VAY một chữ 7. VAY7.

VAY7. Vì Anh Yêu Tôi. Vì Ấy Yêu Tôi. Vạm Ẩn Ý Tim. Vì Ảnh Yêu Tuyết. Vũ Ảnh Yên Tuyết.

**TRANGĐÀI
GLASSEY-
TRẦNNGUYỄN**

ANH VŨ ÁNH VÀ TÔI

NGUYỄN VĂN KHANH, RFA
www.rfa.org/vietnamese/

"Lính mới"

Tôi gặp anh lần đầu cách đây cũng hơn chục năm. Lúc đó tôi còn là thông tin viên ở Washington D.C. của Nhật Báo Người Việt, vài tháng lại được anh Đỗ Ngọc Yến hay anh Lê Đình Điều gọi về California họp hành.

tiếp theo trang 30





Anh nằm xuống, quá đột ngột! Vì trước đó không có dấu hiệu tật bệnh.

Chiều hôm qua ngồi với anh Ngô Văn Quy ở hàng hiên Royal, thì anh Lê Giang Trầm gọi điện thoại báo tin. Trong lúc nói chuyện với anh, tôi với sang nói lớn để anh Quy nghe được: "Anh Vũ Anh mất rồi!"

Quy chung hững, ngả người ra sau thành ghế, thốt thành tiếng. Rồi bất chợt nhớ việc cần phải làm, anh vớ lấy điện thoại trên bàn gọi cho em gái, chị Ngô Ánh Tuyết. Đầu dây im bặt, vọng lại chỉ có tiếng máy ghi lời nhảm. Mãi hơn mười lăm phút sau, cô cháu gái mới gọi lại, anh Quy vừa nói chuyện với cháu, vừa té chạy ra xe...

Nửa tiếng sau chủ Huy Phương hay tin, cũng gọi đến hỏi. Rồi trước lúc cúp máy, chủ nói như thể tham thân: "Ông đi sao mà sướng quá. Chẳng bệnh tật đau đớn gì"

Khuya, tôi ôm gối chằm ra sofa nằm, bần khoăn. Có thật Anh đi như vậy là sướng? Người có trách nhiệm chẳng bao giờ bỏ lại đồng đội, như Anh chưa bao giờ rời bỏ ngòi bút, dù có lúc buộc phải rời bàn viết.

Người ta cứ tưởng dứt được bút mực đi, bàn viết đi, thì thằng nhà báo, nhà văn, thi sĩ không làm được gì nữa. Nhưng sự thật không phải vậy. Người ta có thể mất một ngày, một tháng, một năm để dẹp hết những tờ báo, bắt hết những người cầm bút, trói hết họ lại. Nhưng khiến thằng nhà báo, nhà văn, nhà thơ khuất phục ngồi yên, thì không dễ. Ngay như lúc anh vừa xuôi tay, là biết đâu, người ta hiểu nhà báo phải giá, phải chết. Nhưng giá trị ngòi bút lướt dài trên trường lịch sử. Không ít anh em trẻ lắm báo, và cả những người từng gắn gũi với Anh, đang nhớ và nhắc lại giá trị bất biến: không ai có quyền thiết lập một chế độ kiểm duyệt, dù là vô hình, đối với truyền thông báo chí ở Hoa Kỳ, có

CHIỀU NGHE ÁNH SÉT CÚOI NGÀY

NGUYỄN VIỆT

VÀI DÒNG VỀ NHÀ BÁO VŨ ÁNH - Tên thật là Vũ Ánh, sinh năm 1941, còn có bút hiệu khác là Vũ Huy Thục. Trước năm 1975, từ 1964 phục vụ tại Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia đến sáng ngày 30-4-1975, với các chức vụ: phóng viên mặt trận 7 năm, rồi trưởng phòng Bình Luận, Chánh Sự Vụ Sở Thời sự Quốc tế và Quốc nội cho đến 10 giờ sáng 30-4-1975. Ngoài ra, tác giả còn cộng tác với các nhật báo Dân Ý, Báo Đen và Sông Thần vào những năm chiến tranh. Sau 30-4-1975, đi tù cải tạo dưới chế độ Cộng sản 13 năm, trong thời gian này bị nằm "chuồng cọp" mất 5 năm liên tiếp vì chống lại chế độ lao tù và ấn hành tờ Hợp Đoàn (báo chui trong trại giam). Được thả về gia đình với 5 năm quản chế, mưu sinh bằng lao động chân tay cho đến khi được định cư ở Mỹ theo diện HO năm 1992. Sang Mỹ, tác giả trở lại nghề báo và truyền thông: Nhật báo Viên Đông Kinh Tế Thời Báo (TTK), Nhật Báo Người Việt (TTK và Chủ Bút), cộng tác với nhật báo Việt Herald. Đồng sáng lập đài Văn Nghệ Truyền Thanh (VNTT), Việt Nam California Radio (VNCR) và làm việc ở đó 10 năm, cộng tác với Đài Truyền Hình SBTN, hiện cộng tác với Tuần báo Sống, trong vai trò Cố vấn Biên tập. (Trích Diễn Đàm Thế Kỷ)

ÁNH SÉT NGUYỄN

thế hiệu là ở bất cứ nơi đâu. Làm báo, mà khiến người ta nhớ kỹ những điều mình viết, thì không chỉ đơn giản là làm báo.

"Trong những cuộc nói chuyện với một vài bạn đồng nghiệp cũ trước 1975, nay vẫn còn theo đuổi chút đỉnh việc viết lách thì được biết mỗi quan tâm chính của họ vẫn là "giới báo chí và truyền thông Việt ngữ liệu đã vận dụng được hiệu quả Đề Nhất Tu Chánh Ấn báo vệ quyền tự do ngôn luận hay chưa" Họ cho rằng, báo chí và truyền thông Việt ngữ trong lúc này không thể xa rời được đạo luật trên như thời gian cách đây mười mấy năm. Chính đạo luật này giúp báo chí Việt ngữ sống còn và củng cố thêm sức mạnh. "Chúng ta không thể làm gì được cho nên dân chủ và tự do ngôn luận cho Việt Nam nếu như chính chúng ta không biết thừa hưởng được sức mạnh tuyệt vời ấy mà những thế hệ trước ở Mỹ đã dày công xây dựng." - Vũ Huy Thục (Vũ Ánh),

Thư Kỳ Tòa Soạn Báo Người Việt - Về Buổi Khai Mạc Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại, 2003.

Nói Ánh làm báo giỏi, vẫn chưa đủ. Nói Ánh chống cộng cũng không đúng. Ánh chống mọi thứ bất công trên cuộc đời này. Ánh đứng về lẽ phải, chịu đọa vì lẽ phải.

Học viết báo như Ánh, rất dễ. Nhưng học cho hết tinh thần trách nhiệm, cái đức nhẫn nại, buông xả của Ánh, tôi tin, đó mới là điều làm nên nét cách của Nhà Báo Vũ Ánh.

Chôn bụi, Little Sài Gòn, 14 tháng Ba, 2014.
Kính tiễn nhà báo Vũ Ánh (1941-2014), một bậc thầy.

NGUYỄN VIỆT

VĨNH BIỆT VŨ ÁNH

NGUYỄN THANH KHIẾT
www.dienclamtheky.net



Ảnh: KHANG DUONG

A nh từng hứa về thăm trại cũ
lên đồi vĩnh biệt đốt một nén nhang
sao đành đi lúc chiều chưa tàn
mà khăn gói vẫn đầy nguyên kiếp nạn

Nhớ mưa
dưới cái nóng hạ Lào cháy khô thung lũng
cúm chữ U máu mù ủa cổ chân
anh hiện ngang gò sắt mà cơ
trên xiềng xích đọc vang bài Bắc Tiến

Sáu năm biệt giam
ba muỗng nước, ba muỗng cơm
chưa lấm lung lay ý chí
một đời anh - một đời sĩ khí
bước thấp, bước cao cần nhục mà đi
ngọn bút hiện ngang
thầy lấm tên mũi đạn
giữa trại thù nét mực chưa phai
bây giờ
tờ Hợp Đoàn để lại cho ai?

Vũ Ánh ơi!
trên sân tù lạnh lẽo
áo lính sờn vai
hơi thuốc thối bay qua đồi vĩnh biệt
anh khóc cho thằng nằm lại bỏ vợ
đã lỡ không được chết dưới cờ
lùi thủ như anh - lên đường ra trận
mười ba năm - năm gói nệm một
bây giờ - thôi đã trắng tay thưa

Tiền anh đi
- mười ba năm tù
- sáu năm biệt giam
- ba lát khoai khô
- công mấy hạt cơm gạo mốc
một thời lấm liệt
trước gông cùm kim kẹp
còn ai ngồi nhắc, có ai thương?

Vũ Ánh ơi!
con tầm gà chết ở cuối đường to
Chi Hòa, 720, Z30D, A20
những trại thù anh từng qua
lớn ngón sâu lung
vẫn còn đây bấy xiềng xích
ôi! Trường Sơn có nghe chăng
giữa khuya đau lòng tiếng anh than
chỉ cả năm mưa - theo tới ngày tàn
trong thiên hạ ai chia bụi xé ngọt?

Và lớp lớp người đi - người đi trước
nợ nần gom đầy - chỉ một anh mang
lũ bộ dòi rứt rĩa tam hoàng
anh vẫn lóm còm
một thân đứng dậy
mà thôi
hãy quên đi những gì không đáng nhớ
cầm trên tay thanh kiếm gãy năm nào
về lại đây - trở lại đèo cao
đôi vĩnh biệt bạn bè vẫn đợi
cứ mưa bút
- cho ngày đang tới
- cho Trường Sơn rung lá như mưa
- cho Trà Bưng lúc mưa là mưa
- cho bút pháp đi vào thiên cổ
nhớ mà chi
một lần qua sông Dịch
lưỡi guom cùn bỏ lại dưới trăng tan

Vũ Ánh ơi!
bài thơ xưa gói anh ngày bóng xế
còn trên tay dù đã ố vàng
cứ cầm như - như một nén nhang
tiền anh đi - dù xa ngàn dặm

A20 NGUYỄN THANH KHIẾT
15-03-2014

Bất chợt trong một buổi chiều, nghe tin một người ra đi khỏi thế gian này, đôi khi không còn là chuyện quá lớn.

Một sinh linh rời bỏ con đường vô cùng để vào cõi khác, vẫn có thể là lẽ thường của hàng triệu người vẫn đang nắm tay nhau, mỗi ngày, nhẹ nhàng bước vào bằng an.

Nhưng với nhà báo Vũ Anh, dường như lại là chuyện khác.

Mim cười, phẩy tay và bước đi - như một thói quen hàng ngày của ông - lần này lại là một chuyến đi mà ông như đã rút theo đó phần máu thịt không cùng của cộng đồng người Việt hải ngoại. Gần 40 năm cùng với đồng bào sống trong tự do, nhà báo Vũ Anh đã sống, đã cống hiến tất cả tâm trí của mình để cùng cộng đồng đó luôn trở thành là sự kiêu hãnh, là sức mạnh ý chí của một dân tộc, cũng như đã trở thành nỗi tức giận và kính sợ của những kẻ thù của tự do.

Người Đức có ngọc ngữ "Mỗi người già là một thư viện. Vì vậy, khi mỗi người già mất đi, thế giới này lại mất theo đó một phần tri thức của nhân loại". Câu nói này có lẽ đúng với nhà báo Vũ Anh. Trong những câu chuyện kể về ngày tháng cũ, trong những im lặng để nghĩ về một cách đối phó với cuộc đời biến động... nhà báo Vũ Anh đã để lại

Little Saigon, đột nhiên, có lần tôi nghe ông hỏi "Cậu nghĩ Việt Nam sẽ có đổi thay không?". Câu hỏi làm tôi ngạc nhiên. Giữa ông với tôi là một khoảng cách quá lớn. Là một nhà bình luận thời sự và có đủ dữ liệu sống về một chế độ mà ông từng đối mặt, nhưng ông vẫn háo hức chờ một câu trả lời từ tôi. Thật lạ lùng, tôi nghe trong thanh âm đó, là nhịp đập của trái tim luôn đau đáu về quê nhà của mình, thanh âm như một nhà báo không bao giờ chịu ngưng nghỉ ngòi bút và tư duy của mình. Thanh âm như ngọn lửa đốt cháy trái tim tôi, một người trẻ hơn ông gần 30 năm, nhưng trái tim có đôi khi đã lạnh nhạt trước thời thế.

Những con người như nhà báo Vũ Anh đã dựng nên một niềm hy vọng mới cho người Việt lạc loài. Họ đã nắm tay nhau và dựng nên một Việt Nam khác, sừng sững và tự hào cho dân tộc Việt sau biến cố 1975. Tôi vẫn nhớ đến câu hát lạ lùng của Trầm Tử Thiêng "một Việt Nam bên ngoài Việt Nam" và liên tưởng đến những cái tên như Đỗ Ngọc Yến, Việt Dũng, Nguyễn Đức Quang, Phạm Nhật Nam, Mai Thảo, Du Tử Lê, Tạ Chí Đại Trường...v.v, và còn rất nhiều người nữa. Họ là những viên gạch nền để dựng nên một Việt Nam bị tráng bên ngoài Việt Nam. Họ tận hiến cho tổ quốc nhỏ để chờ đợi ngày về. Và ngay cả khi cái chết đến, những viên gạch đó cũng hóa thành bất tử trong những miếu đền của phẩm lịch sử dân tộc lưu vong mà không bao giờ chấp nhận vong bản.

TRONG TRÍ NHỚ CỦA MỖI NGƯỜI

TUẤN KHANH



Ảnh: UYÊN NGUYỄN

những bản ghi chép quý báu về nghề nghiệp, về tinh thần báo chí tự do trung dung, cũng như về một nhân cách với đời. Những người yêu quý ông sẽ nhớ mãi về ông, và ngay cả những kẻ ganh ghét với ông cũng sẽ không bao giờ có thể quên ông.

Trong một lần trò chuyện đời thường với ông ở

Trong trí nhớ, mọi thứ sẽ còn mãi mãi. Không cần tụng ca và không cần sao rỗng. Hãy dành một phần trong kỷ ức của mình cho những con người đó, mà hôm nay lại có thêm cái tên Vũ Anh. Rồi trong trí nhớ của mỗi người, chúng ta sẽ lại nhìn thấy nhau với những điều đẹp nhất cho những ngày sẽ tới.

INTERNET NHƯ MỘT THỜI TUỔI TRẺ

qua trung gian các máy trung chuyển, đã số tham dự viên đã hội nhập dễ dàng vào môi trường mới của SCV. Một buổi chiều, chúng tôi bịn rịn chia tay nhau và sáng mai thức dậy sẽ vào SCV thay vì VietNet.

SCV là một trong khoảng 3000 nhóm thuộc Usenet được lưu chuyển trên Liên Mạng (Internet). Usenet là một tập thể những người trao đổi nhau các tin tức bắt đầu dưới nhãn hiệu được gọi là các nhóm tin (newsgroups). Ngày đó Usenet là môi trường gần như duy nhất cho mọi người trên khắp thế giới có thể trao đổi tin tức với nhau một cách tự do, và một trong những nhóm tin đó là soc.culture.vietnamese. SCV là một VietNet trên một tầm vóc rộng rãi hơn và đông đảo hơn nhiều. Việc liên lạc với SCV cũng dễ dàng và nhanh chóng hơn vì không nhất thiết phải

qua trung gian email mà có thể đọc trực tiếp bằng các nhu liệu khác do trường học và công ty cung cấp. SCV đông đảo hơn nhiều nhưng vì thế đã loãng đi các không khí thân mật và ấm cúng của thời VietNet. Nhiều bạn bè của tôi và chính tôi dần dần cũng ít thích tham gia SCV. Chúng tôi lập ra những nhóm riêng để sinh hoạt với nhau và chỉ xuất hiện trên SCV khi cần phải phổ biến các tin tức cần thiết. Cá nhân tôi, từ chuyên kỹ thuật, kinh tế, chính trị, nhãn quyn, ty nạm cho đến chuyện văn thơ, chuyện gì cũng có dính vào một chút. Ngoài việc làm cho hăng, tôi điều hành nhiều nhóm chuyên môn và cũng vừa sáng tác thơ văn. Khả năng trong số chúng tôi là những quản trị viên hệ thống điện toán (Unix System Administrator) của các công ty lớn nên chúng tôi còn xử dụng, dùng ra là lạm dụng, các phương tiện

của công ty vào các mục đích riêng. Gần năm năm làm việc cho Sun Microsystems, tôi điều hành các nhóm sinh hoạt bằng các máy lớn của công ty, mỗi ngày nhận và gửi ra mấy trăm email mà không bị các xếp trên dòm ngó.

Từ năm 1994 trở về sau, Liên Mạng (Internet) đã trở nên thông dụng và nhiều phương tiện dẫn đến Liên Mạng, một trong những phương tiện đó là Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web gọi tắt là WWW). Sự xuất hiện của Mạng Nhện Toàn Cầu được đánh giá như một cuộc cách mạng đã diễn ra trong lãnh vực thông tin. Cộng đồng người Việt trên Liên Mạng đã tỏ ra rất bén nhạy trước kỹ thuật mới này. Hàng chục trạm cung cấp (web server) đã được thành lập để cung cấp tin tức thời sự, sinh hoạt văn học, đấu tranh chính trị, quảng cáo

thương mại v.v.. Con số trang nhà (homepage) cá nhân cũng đã tăng một cách nhanh chóng. Với sự ra đời của Mạng Nhện Toàn Cầu sinh hoạt trên Liên Mạng hoàn toàn đổi khác. Thành phần tham dự viên cũng phát xuất từ nhiều góc khác nhau, ngành nghề khác nhau và nhiều thế hệ, tuổi tác khác nhau. Liên Mạng không còn là nơi gặp gỡ của tuổi trẻ thôi mà là của mọi giới, mọi thành phần xã hội. Các hội đoàn, các tổ chức, các tạp chí, các tôn giáo đều có trạm cung cấp trên Liên Mạng. Ngoài ra các nhóm chuyên biệt dựa vào sở thích và nhu cầu cũng đã ra đời. Về văn học các nhóm như Poetry Digest, Thơ Văn, Ô Thuốc, Nắng Mới ở Âu Châu, Âu Co, Về Nguồn, Xứ Việt, Nam Việt v.v.. nối tiếp nhau xuất hiện. Mỗi nhóm sinh hoạt riêng và dựa vào trạm cung cấp riêng được xây dựng công phu. Với khả năng kỹ thuật xuất sắc của cộng đồng người Việt, họ đã tạo dựng những trạm cung cấp phong phú về nội dung và đẹp mắt về hình thức.

Trong số các tạp chí điện tử chuyên về văn học cũng được lưu

hành đều đặn hàng tuần trên Liên Mạng (Internet), nổi bật nhất là tạp chí điện tử Văn Học Nghệ Thuật (VHNT) đặt cơ sở trên trạm saomai.org/vhnt ra mắt số đầu tiên ngày 17 tháng 7 năm 1995. Tạp chí Văn Học Nghệ Thuật do nhà văn trẻ Phạm Chi Lam điều hành. Không giống như các tạp chí điện tử khác chỉ phổ biến giới hạn trong vòng thân hữu, VHNT đã mở ra một không gian sinh hoạt văn nghệ rất rộng, không chỉ dành cho các thế hệ sinh ra và lớn lên ở hải ngoại mà còn cho cả các nhà văn, nhà thơ đã có chỗ đứng trong văn học từ trước 1975. Hành trình của VHNT đã được hai nhà văn Lương Thu Trung và Phùng Nguyễn trình bày một cách chi tiết trên damau.org. Thời gian đó tôi đang theo đuổi một số đề án riêng với các bạn khác nên không trực tiếp tham gia VHNT, tuy nhiên thỉnh thoảng tôi vẫn gửi Phạm Chi Lam những sáng tác tôi nghĩ là thích hợp với VHNT. Dù không góp mặt thường xuyên, Phạm Chi Lam và tôi rất quý mến nhau và rất thường email qua lại. Trong một số báo VHNT Phạm Chi Lam đã giới thiệu tôi một

ANH VŨ ÁNH VÀ TÔI

bàn chuyện. Trong một lần về tòa soạn, một trong hai anh giới thiệu tôi với anh Vũ Ánh, báo "đây là người mới nhất của mình", ý muốn báo anh là "linh mới" của tờ báo.

Tôi nhớ như in anh cười rất tươi, vừa bắt tay tôi vừa báo "mới từ DC xuống hả", nói thêm "tôi có nhiều người bạn thân trên đó lắm", nói xong anh kể một dọc những tên tuổi của làng báo Việt Nam ngày xưa, trong số đó có ông vẫn theo nghề cũ như anh Phạm Trầm làm việc ở Đài VOÀ, cũng có những ông buông bút từ ngày lên đường vượt biển. Anh cũng báo với tôi là từng có lúc sống ở Virginia, "bên đó lạnh quá, tôi chạy sang bên này thời tiết ấm hơn".

Là "linh mới" nhưng tay nghề anh thì quá siêu. Từng làm việc với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa lúc mới hơn 20 tuổi, từng làm tôi trưởng phòng bình luận của Đài Phát Thanh Sài Gòn, từng được Phù Đổng Rừng gọi vào xem lại, thêm thắt cho một số bài diễn văn Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đọc... là những gì tôi được nghe về anh. Một trong những người hết lòng ca ngợi anh là anh Lê Thiệp, bằng chứng có lần anh Thiệp báo tôi khi tôi chụp chúng vào nghề: "làm phát thanh mà sắc nước được như thằng Ánh không phải là dễ". Sau đó, cũng vẫn anh Lê Thiệp báo tôi khi tôi vừa bắt đầu làm việc với Đài

Á Châu Tự Do (RFA) "nếu chủ giới thì kéo thằng Ánh về D.C. Kéo nó về chủ học hỏi được nhiều lắm, mà tôi lại có thằng bạn ở gần".

Những gì anh Lê Thiệp nói cộng với những lời giới thiệu của anh Yến, anh Diệu, của cả anh Nguyễn Đur Quang khiến tôi phải chú ý đến ông "linh mới" của tờ báo Người Việt. Điều khiến tôi chú ý nhất là hình ảnh một ông nhà báo trung niên không lúc nào rời khỏi bàn viết, ăn cơm xong bao giờ miệng cũng ngậm cây tằm, tay cầm ly nước trà còn bốc khói. Phải kể thêm ở đây là thời đó anh Yến, anh Diệu chiều tôi lắm, mười lần như một, lần nào tôi xuống California hai anh cùng gọi tất cả mọi người trong tòa soạn cùng đi uống cà phê, ăn sáng chung với nhau. Cả tòa soạn lù lút dần nhau đến một quán nào đó ngồi tám gấu, chỉ một người từ chối không đi, lấy cớ "các ông đi đi, tôi ở nhà trông chừng cho". Người đó là anh Vũ Ánh.

Phải mất ít nhất gần một năm sau khi hai anh em bắt đầu thân nhau, anh mới báo với tôi "cậu xuống đây

bao nhiêu lần mà tôi không bỏ việc đi uống cà phê với cậu được, thôi hôm nay cậu làm hộ tôi 2 cái tin để tôi về sớm, tôi với cậu đi kiếm cái gì ăn". Trong bữa ăn đầu tiên và khá vội vàng đó -vì anh còn phải về nhà- tôi mới biết một điều: mỗi ngày anh được tòa soạn giao viết 5 cái tin, viết chưa xong anh không rời chỗ đi đâu cả. Chuyện này tôi có kể cho một số đàn anh nghe, còn nhớ anh Phạm Trầm báo "thằng đó xưa nay vẫn thế", anh Thiệp thì cười thật to báo "chú phải biết bạn tôi toàn những người làm việc chăm chỉ như ông Vũ Ánh thôi", ngày cả anh Thiên Ân của đài VOÀ cũng cười, hãnh diện nói đùa "thằng Ánh nó lòi chủ mày đấy, đừng có tin nó".

Thân với anh, nhưng chưa bao giờ tôi nghe anh kể về thời còn quyn còn chức, chỉ thấy anh nói về chuyện sau 1975, từ chuyện làm mò tìm đường kháng chiến đến chuyện ngồi tù "tuồng một gông" chỉ vì ở trong trại giam vẫn tỉnh những chuyện lấp bể và trời. Nếu có hỏi thêm nữa, anh chỉ trả lời "vận nước mình

nói trời nên tôi với cậu cũng nói trời", chưa hề nghe anh chỉ trích, tham phiên một cái. Đã có lần tôi hỏi anh điều này, thắc mắc tại sao không nghe anh phê bình những người đã để cho mất nước, cũng chẳng bao giờ thấy anh kể lại những phút cuối cùng khi anh gặp ông Dương Văn Minh hôm 30 tháng Tư 1975, anh trả lời "con người ai cũng có chỗ hay, chỗ xấu. Mình là nhà báo, mình phải nhìn ra cả cái hay của họ, chứ không phải chỉ nhìn thấy cái xấu". Anh bảo tiếp "nếu cậu muốn tôi phê bình họ thì tôi sẵn sàng phê bình: họ đã cố gắng lắm, đã chịu đựng nhiều lắm, tôi cảm họ nên tôi biết rõ điều đó. Chỉ tiếc là cố gắng, chịu đựng đến mấy vẫn không làm được điều họ muốn làm". Nghe anh nói như vậy, tôi biết mình nên chấm dứt câu chuyện ở đó, dù đến giờ tôi vẫn còn ấm ức với câu trả lời của anh.

"Ông bụt"

Nhưng cũng qua câu trả lời đó, tôi mới thấy hình ảnh của một "ông bụt" trong con người của anh. Tất cả những bài anh viết đều không

cách ăn cần, tôi xin chép ra đây như một kỷ niệm chứ không phải để khoe khoang: "Trần Trung Đạo là một tiếng thơ rất đặc biệt trên mạng thông tin. Thơ anh xuất hiện từ lâu, từ khi VietNet mới được thành lập, từ khi tôi chưa bao giờ được biết đến có một cộng đồng điện tử của chúng ta trên toàn cầu. Nhắc đến anh Trần Trung Đạo, không một "netter" nào yêu văn thơ mà không biết đến. Tôi biết đến thơ anh

hồi muộn, nhưng lại hân hạnh được anh gia nhập, đóng góp bài cho diễn đàn vnt này thêm phần phong phú. Thơ anh có nét hùng, có nét man mác của một hình ảnh rất thẩm thuộc, hình ảnh quê hương trong từng chữ từng câu. Thơ anh chuyên chở niềm cho chúng ta nỗi niềm trơ vơ tình yêu, tình quê hương, tình nhân loại, tình người, và những nỗi niềm mất mát... những điều không một ai có được vẹn toàn, ở đời

sống lưu vong này." Khi tôi chép lại những dòng này thì Phạm Chi Lan, người bạn của tôi không còn nữa, chị không phải lo âu cho số VHNT sẽ phát hành sáng thư Hai tôi, không còn phải mơ được sống trong một ngày nắng đẹp bên kia cánh cửa sổ bệnh viện và không còn đau như, Phạm Chi Lan đã trở về như Đinh Yên Thảo viết "vội vãng đã khởi đầu" trong nhẹ nhàng thanh thản.

Nhiều người gọi Internet là thế giới ảo vì không ai biết ai, không ai gặp ai, ngay cả tên tuổi cũng là giả, vãng, nhưng liệu chúng ta gặp nhau mỗi cuối tuần, gọi thăm nhau mỗi tháng, thì đó là thế giới thật hay sao. Chưa hẳn. Trong hai mươi năm sinh hoạt trong Internet, tôi có rất nhiều bạn, có những người tôi chỉ gặp một lần rất vội vãng ở Dallas như Phạm Chi Lan và có rất nhiều người

tôi chưa từng gặp và biết có thể sẽ không bao giờ gặp. Điều đó không quan trọng, trong tâm hồn tôi vẫn có một chỗ trầm quý dành cho họ và nghĩ đến họ chạnh lòng như nghĩ đến chính tôi, bởi vì nói cho cùng, gần hay xa, thực hay ảo là chuyện của tâm và biên giới giữa hai trạng thái là một sợi chỉ rất mong manh trong ý thức của con người.

TRẦN TRUNG ĐẠO



chưa dừng sự chưa chắc, đều không có nét cằm hên, mà chỉ là những con chữ biểu hiện của sự thật, của con người tồn tại sự thật và lúc nào cũng ước mơ sẽ nói được sự thật. Điều đó được anh thể hiện rất rõ trong bài nói chuyện anh đọc tháng Sáu năm ngoái nhấm dịp kỷ niệm sinh nhật Tuần Báo Sống, trong đó anh nói ở tuổi đã trên 70, ước mơ của anh vẫn là ước mơ của một nhà báo với cái nhìn trong sáng, mong mọi đóng góp điều đó cho cộng đồng, "xin quý vị giúp chúng tôi làm tròn công việc của một người cầm bút chỉ mong được nói sự thật". Nói rõ hơn: anh luôn luôn xem mình là một thành viên của cộng đồng và là một thành viên có trách nhiệm phải xây dựng một cộng đồng biết lắng nghe tiếng nói của nhau hơn, như có lần anh bảo với tôi "cộng đồng này đâu phải chỉ có đời mình rồi hết", nhắc lại cho tôi nghe lời một nhà báo đàn anh của anh đã bảo từ lúc chưa mất nước "làm gì thì làm, đừng để thế hệ sau này trách mình đã không làm hoặc làm sai".

Chính vì anh yêu cộng đồng mà tôi không có cơ hội học hỏi trực tiếp ở anh. Mười sáu (16) năm trước đây khi Ban Việt Ngữ Đài Á Châu Tự Do bắt đầu phát triển, Anh Giám Đốc Nguyễn Ngọc Bích gọi tôi vào văn phòng bàn chuyện "kiểm thêm người". Không ai báo ai cả anh Bích lần tôi đều nghĩ đến anh Vũ Ảnh, đặc biệt Anh Bích còn nghĩ đến cả vai trò tổng biên tập mà anh Vũ Ảnh sẽ nắm giữ nếu anh nhận lời về lại Washington D.C. Tôi 2 lần xuống tận Orange County thưa chuyện với anh, và cả 2 lần anh đều từ chối bằng câu "cậu cứ về đi, tôi sẽ trả lời sau". Tôi còn nhớ khi về báo tin cho sếp Bích biết, sếp bảo ngay "như thế là anh em mình hỏng rồi". Sau này có một lần tôi hỏi thẳng anh sau không lên D.C. để có anh có em, anh trả lời "tôi mê cái cộng đồng ở đây quá nên không đi được", ngay cả lúc có những người nặng lời chỉ trích anh, anh cũng vẫn bảo với tôi "đi nhiều nơi rồi, chẳng có cộng đồng nào hay cho bằng cộng đồng Nam California".

Tôi thư Sáu, bé bạn ở

California đưa nhau gọi điện thoại báo cho tôi tin anh Vũ Ảnh mất. Bạn bè kể lại khi gọi điện thoại nhắc anh đến giờ gặp nhau ăn cơm trưa thư Sáu hàng tuần, anh còn bảo "cứ ăn trước đi, tôi bận việc phải đến trễ", sau đó tôi dự đoán anh ngồi cầm cùi gó những chữ cuối cùng gửi cho tờ Người Việt. Giữ xong anh nằm gục ngay trên bàn viết và ra đi thật thanh thản. Anh sống với tấm lòng thanh thản và cho đến lúc phải chia tay với mọi người anh cũng thanh thản như thế. Anh vẫn không rời khỏi được cộng đồng mà anh yêu, bài viết cuối cùng cũng là bài viết cho cộng đồng đọc, và tôi tin rằng anh hân hạnh vì đã làm được điều anh mơ ước: kể cả khi phải chết, anh cũng chẳng từ bỏ cộng đồng, nhất định chọn vùng đất Nam California là nơi anh gửi niềm tro tàn.

Tôi không quên lần cuối cùng làm tài xế cho anh lúc anh lên D.C. dự đám tang anh Lê Thiệp. Hôm đó, nghe anh Phạm Trần hỏi "sức khỏe mày thế nào?" và nghe anh trả lời "tim tức tào hơn lung cùng nhưng

chắc không sao đâu, chẳng có gì phải lo cả". Tôi cũng nhớ đến người đàn ông trung niên tôi gặp lần đầu ở tòa soạn Người Việt cách đây đã bao nhiêu năm, nhớ đến người ăn cơm xong miệng ngậm cái tăm tạy cầm ly nước trà nóng. Nhớ đến lần duy nhất anh gọi điện thoại cho tôi lúc tờ Người Việt gặp "biến cố báo Xuân" chỉ để hỏi câu "nếu là tôi thì cậu sẽ làm gì?" Nhớ trưa hôm đó tôi bảo với anh "nếu là em, em sẽ xin từ chức và nhận lãnh mọi trách nhiệm". Không bao giờ tôi quên câu trả lời của anh "tôi cũng nghĩ như thế, gọi hỏi cậu để biết mình làm đúng". Chiều hôm đó anh em đóng nghiệp báo tin cho tôi biết anh từ chức, chỉ xách chiếc túi nhỏ rời khỏi tòa soạn.

Tôi cũng không bao giờ quên bài học duy nhất trong nghề anh dạy tôi: "Mình là nhà báo, mình phải nhìn ra cả cái hay chứ không phải chỉ nhìn thấy cái xấu". Tôi biết mình không có đủ cả tâm lẫn sức để trở thành một "ông bút cầm bút" như anh, nhưng ít nhất ngay trong giờ phút này tôi học được một điều: biết đâu

chúng trong cái mất mát không còn anh Vũ Ảnh ở với mình, lại có điều hay hơn mà mình không biết.

Điều hay hơn đó là gì?

Thư tường tượng ở một nơi chốn nào đó, anh Yên, anh Diệu, anh Nguyễn Đức Quang và anh Lê Thiệp đang ngồi nói chuyện với nhau thì bỗng dưng anh Vũ Ảnh lù lù bước đến. Các anh gặp nhau tay bắt mặt mừng, sau đó thế nào anh Yên cũng bảo "mình có nhau ở đây phải làm một cái gì đi chứ". Lúc đó, tôi tin anh Lê Thiệp sẽ là toáng lên "bây giờ có thêm thằng Vũ Ảnh, mình làm báo lại đi các ông ạ". Chỉ như thế thôi, một tờ báo mới sẽ ra đời, và tôi tin chắc tờ báo đó sẽ mang tên "Tờ Báo Cộng Đồng" vì đó là ước mơ của anh Vũ Ảnh.

Và với tôi, người xứng đáng nhất để giữ vai trò chủ bút vẫn phải là anh Vũ Ảnh.

NGUYỄN VĂN KHANH

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

NGƯỜI VIỆT SHOP
www.nguoivietshop.com



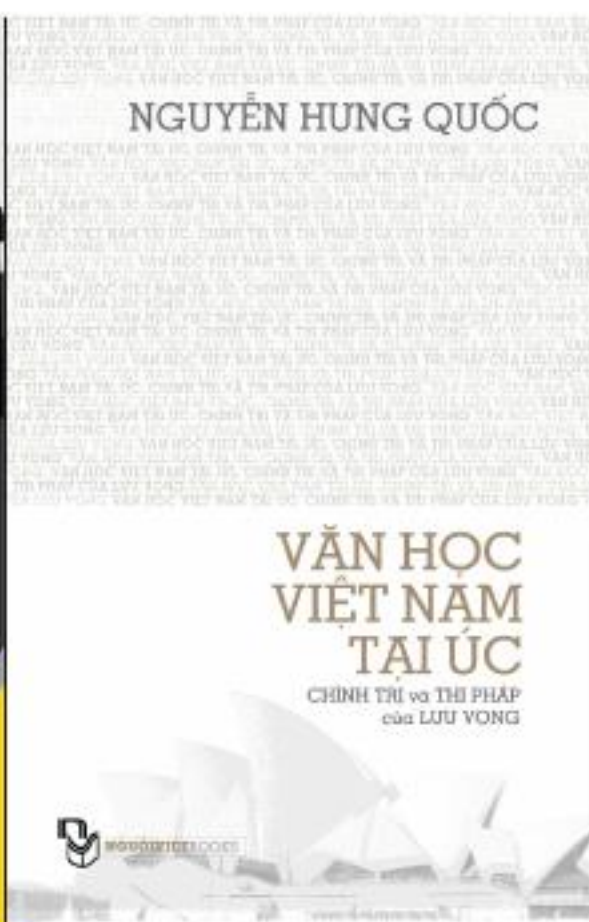
Đây là cuốn sách đầy đủ nhất về phương pháp dạy tiếng Việt cho người ngoại quốc cũng như cho trẻ em Việt Nam ở hải ngoại. Nội dung bao gồm các vấn đề chính: Các lý thuyết, phương pháp và nguyên tắc giảng dạy ngôn ngữ.

Cách thức dạy tiếng Việt, từ việc dạy nói đến việc dạy đọc, dạy viết và dạy tư duy.

Cách thức dạy học một cách sinh động để học sinh thấy hứng thú khi học tiếng Việt.

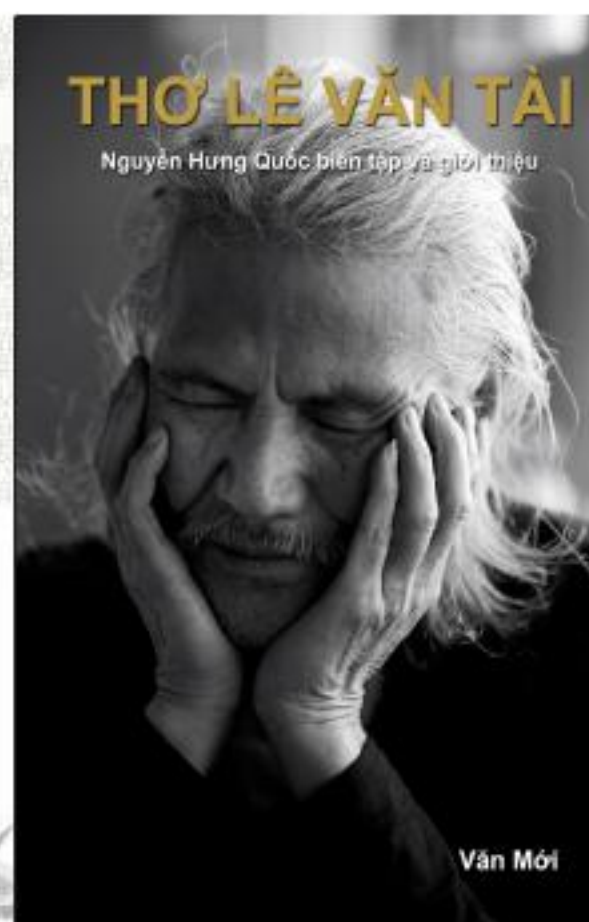
Ở bất cứ lãnh vực nào, tác giả cung đi từ lý thuyết đến thực hành. Về lý thuyết, bao gồm những quan điểm mới nhất; về thực hành, bao gồm những bài làm và bài tập rất cụ thể cho từng nội dung giảng dạy.

Cuốn sách hữu ích không những cho các thầy cô giáo dạy tiếng Việt mà còn cho cả phụ huynh - những người tự dạy tiếng Việt cho con cái ở nhà - cũng như cho những người yêu thích tiếng Việt nói chung.



Sống trên cái gạch nối giữa Việt và Úc, tôi không phải là kẻ rơi bỏ quê hương. Tôi chỉ rơi bỏ một mảnh đất và mang cả quê hương theo với mình: Cái quê hương ấy, với tôi, như vậy, là một quê hương bị giải lãnh thổ hóa (deterritorialized): Nó không có tính địa lý. Nó chỉ còn là một kỷ ức, nhưng, nghịch lý thay, đó lại là một thư kỷ ức có tính địa lý, có thể được gọi là địa dư kỷ ức (geography of memory). Khi được hình dung như một thư địa dư, kỷ ức bỗng có kích thước thật và mềm mọng hơn hẳn: Nó trở thành một thư quê hương khác của tôi.[20] Hệ quả là: Không phải tôi sống với kỷ ức. Mà là sống trong kỷ ức. Kỷ ức không ở trong tôi. Kỷ ức bao trùm lấy tôi. Kỷ ức rộng hơn bản thân tôi. Kỷ ức, với người khác, có tính trừu tượng, với tôi, có tính vật thể; với người khác, là quá khứ, với tôi, vẫn là hiện tại: Tôi sống trong tình trạng xuyên thời gian (trans temporality) và xuyên lịch sử (trans history) liên tục.

Với Việt Nam, trong địa dư kỷ ức và trong tình trạng xuyên thời gian và xuyên lịch sử như thế, tôi vẫn giữ được cái hồn. Nhưng lại không có đất...



Hãy tìm đến với Lê Văn Tài, nhà thơ kiêm họa sĩ Úc gốc Việt. Cũng như tất cả những tác phẩm nghệ thuật sáng giá, tranh và thơ của ông sẽ làm thay đổi cách nhìn và cách đọc của bạn. Lê Văn Tài là một con người vùng vẫy giữa hai bờ, đứng chênh vênh giữa hình tượng và văn bản, giữa bầu trời và mặt đất, để mang màu đen và màu trắng vào nhau. Ông viết và vẽ những hình ảnh đẹp rợn người.

Trong thơ của ông, ông phát ngôn như một sinh vật lạ lung hiện ra trùng điệp trên những tấm bố vẽ của ông, đó là "con chim di cư". Ông gieo những hạt mầm từ Việt Nam lên lãnh thổ của chúng ta. Ngôn ngữ của ông tạo nên một sự giao thoa giữa hai quê hương khi ông mở một lộ trình giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

Đây là lối hành văn chín muồi và đầy trực cảm của một nghệ sĩ đa cảm chắt vào nghiệp viết. Ngôn từ và hình ảnh, ngôn từ và động thái, không lúc nào ngưng di chuyển. Nhưng bài thơ cụ thể vượt ra khỏi thể loại của chúng bởi vì những hình thái mà chúng tạo ra không chỉ đứng yên một chỗ mà lại khiến cho ngôn ngữ chuyển động, xoay vòng.



Art: KHANG DUONG

THE BUDDHA AS A PARENT

by **GIL FRONSDAL**
dịch Việt: **HOÀI HUONG**

Most contemporary Buddhists know that Prince Siddhartha, the Buddha-to-be, left his family in search of liberation on the day his son, Rahula, was born. Many have been perplexed, sometimes outraged, at such a seemingly irresponsible act. What is less well-known, though, is that after his awakening, the Buddha became his son's primary parent for most of the boy's childhood. From the time Rahula was seven, he was under the care of his father, who proved to be a remarkably effective parent: Rahula had reached full awakening by the time he reached adulthood. So we can ask, what kind of parent was the Buddha? What kind of parenting techniques did he use? How did an enlightened teacher convey his spiritual message to his own child?

The scriptures do not offer much detail about the relationship between the Buddha and Rahula, but various hints provide a very interesting picture of how the teacher

guided his son's maturation. While an earlier story describes how Rahula came to practice under his father, most of these hints are contained in three discourses, which, when read together, follow the pattern of the three successive trainings forming the path to awakening: when Rahula was seven, the Buddha taught him about virtue; when he was a teen, the Buddha instructed him in meditation; and when he was twenty, the Buddha taught him liberating wisdom. Rahula's gradual maturation to adulthood thus paralleled his progress along his father's path to awakening.

When my older son turned seven, I began to wonder what kind of spiritual guidance I could offer him and his younger brother. At a minimum, I wanted them to learn enough about the practices and teachings of Buddhism so that as adults they could turn to these resources if they desired or needed to. I also thought it would be wonderful if they could feel at home in

Buddhism so that no matter where they went in life, this home would always be available as a refuge. And finally, because the greatest wealth I know is the well-being, peace and compassion I have found through my Buddhist practice, I've often wondered how I can pass along these riches more broadly to the next generation as a kind of spiritual inheritance. Remembering that Rahula had entered his father's care when he was seven, I searched through the Pali discourses to learn what I could about how the Buddha taught his son.

I found the question of how to leave a "spiritual legacy" beautifully addressed in the story about the way Rahula came to practice under his father. Six years after he left his family, and one year after his awakening, the Buddha returned to his hometown. Seven-year-old Rahula, on the urging of his mother, went to meet his father to ask for his inheritance. If Siddhartha had remained at home, Rahula would

have been in line to inherit the throne. But as a renunciate living a life of poverty, what could the Buddha pass on? In response to Rahula's request, the Buddha said to Sariputta, his right-hand monk, "Ordain him." Rather than receiving the throne, Rahula inherited his father's way of life, a life dedicated to liberation.

While it is unlikely that my son will shave his head and take robes anytime soon, I would still like to expose him to the basic Buddhist principles that have so deeply informed my own life. When I came across the three discourses where the Buddha teaches Rahula, I was surprised that the teachings seemed not only still fresh but also relevant to raising a child in modern America. In fact, these discourses have now become a guide for me as a parent.

VIRTUE

The first story illustrates how Rahula was taught to live a life of integrity. When he was eight, Rahula told

a deliberate lie. The sutta called The Discourse of Advice Given to Rahula at Mango Stone (Middle Length Discourse 61) tells how the Buddha dealt with this. Having first meditated, the Buddha went to his son. Rahula prepared a seat for him and, as was the custom, put out a bowl of water so the Buddha could rinse his feet. After his father cleaned his feet, a little water was left in the bowl. The Buddha asked, "Rahula, do you see the small quantity of water left in the bowl?"

"Yes," replied Rahula.

"As little as this," the Buddha said, "is the spiritual life of someone who is not ashamed at telling a deliberate lie."

I imagine Rahula taking a deep gulp upon hearing this.

The Buddha then threw out the remaining water and said, "Thrown away like this is the spiritual life of someone who is not ashamed at telling a deliberate lie."

The Buddha then turned the bowl upside down and said, "Turned upside down like this is the spiritual life of someone who is not ashamed at telling a deliberate lie."

And to drive the point home, the Buddha then turned the bowl back upright and said,

"As empty as this bowl is the spiritual life of someone who is not ashamed at telling a deliberate lie."

He then taught his son, "When someone is not ashamed to tell a deliberate lie, there is no evil that he or she would not do. Therefore, Rahula, train yourself to not utter a falsehood even as a joke."

This part of the story reminds me that there is force but no inner strength behind angry castigation of children. Calmly, when he thought the time was right, the Buddha made his point without punishment or anger.

After this brief but sharp admonishment for lying, I imagine the Buddha had his son's attention. He then instructed his son to become more reflective about

all his behavior. The Buddha asked, "What is a mirror for?"

"For reflection," replied young Rahula.

The following paraphrase conveys what the Buddha said next:

Whenever engaging in a physical, verbal or mental activity, you should reflect, will this activity bring harm to myself or to others? If, on reflecting, you real-

ize it will bring harm, then such activity is unfit for you to do. If you realize that it will bring benefit to you or to others, then it is something fit for you to do.

It strikes me as key that instead of teaching his son to recognize absolute notions of right and wrong, the Buddha was teaching him to reflect on harm and benefit; this requires both self-awareness and empathy. Grounding moral decisions in what is harmful or beneficial helps protect our ethical life from being guided by abstract and external ideals unrelated to the effects of our behavior. Harm and benefit are also related to a person's sense of purpose. Things we do can either detract from or support the direction in which we want to go.

This teaching reinforces my belief in the importance of cultivating a child's capacity for empathy and an understanding of how his or her actions impact others. The powers of reflection and compassion do not come only from being told to be reflective or compassionate. They come from seeing these qualities modeled in others, particularly one's parents.

The Buddha also told Rahula to notice after doing something whether or not it caused harm. If harm resulted from something Rahula did, he was to find a wise person to confess this to as part of a strategy to do better in the future. From this I have learned the importance of helping a child develop the integrity to admit mistakes. And such integ-

rity depends a lot on how a child's mistakes are received by his or her parents. Again, the parents' ways of being and acting in the world are crucial to how a child's virtue grows: if the parent is someone who can be trusted and who is more interested in helping the child grow than in punishing the child, then the young person is more likely to be honest.

MEDITATION

The second story shows how the Buddha began teaching meditation to Rahula as a way to develop a foundation of inner well-being (Middle Length Discourse 62). This story takes place when Rahula is a young teen. It starts as he sets out with his father on their morning almsround. Rahula was having conceited thoughts about his good looks, which he shared with his father.

Noticing his son's preoccupation, the Buddha said, "When seen with wisdom, the physical body should not be viewed as me, myself or mine." In fact, the Buddha continued, one shouldn't see any feeling, perception, mental activity or consciousness through concepts of me, myself or mine. Hearing this, Rahula felt admonished and returned to the monastery without collecting food for the day.

I take this to be a radical teaching for a young teenager. I can't imagine that as a teen I could have understood what the Buddha was talking about. However, I remember all too well how, at that age, I was preoccupied with my personal

appearance. I have often heard this justified in teens as part of the important developmental process of individuating, of finding themselves. Is it appropriate to admonish a fourteen-year-old for feelings of vanity? Was the Buddha interfering with normal developmental issues that teens should negotiate alone? Without developing a strong sense of self, how can a young person grow into a psychologically healthy adult? What kind of self-concern does a teen need in order to mature?

The Buddha's answer to these questions is seen in what he next did for his son.

The evening after he was admonished, Rahula went to his father and asked for instruction in breath meditation. The Buddha first used analogies to illustrate how to have equanimity during meditation.

He said:

Develop meditation that is like the earth: as the earth is not troubled by agreeable or disagreeable things it comes into contact with, so if you meditate like the earth, agreeable and disagreeable experiences will not trouble you. Develop meditation like water, like fire, like air and like space: as all of these are not troubled by agreeable or disagreeable things they come into contact with, so if you meditate like water, fire, air or space, agreeable and disagreeable experiences will not trouble you.

Then, before actually teaching him breath

meditation, the Buddha told his son to meditate on loving-kindness as an antidote to ill-will, on compassion to overcome cruelty, on sympathetic joy to master discontent, and on equanimity to subdue aversion.

Only then did the Buddha teach breath meditation in its classic formulation of sixteen stages. These stages go through phases of calming the body and mind, cultivating strong states of well-being and insight, and letting go. And then, as a powerful punctuation to his teaching to Rahula, the Buddha concluded by stating that if mindfulness of breathing is developed, a person will have the ability to be calmly mindful of his last breath.

As I read about the Buddha teaching his son breath meditation to cultivate strong states of inner well-being, I saw how this is an alternative to building a rigid conception of "self." I wonder how much of modern teenage attempts at self-building and differentiation are fueled by their being ill at ease with themselves and with others. I assume that the process would be very different if based on a sense of being both at ease within oneself and imperturbable in the presence of others.

When teaching meditation to kids I have noticed that at about thirteen or fourteen, a jump occurs in their ability to meditate. I have been quite impressed by the ease with which some young teens can drop into deep states of meditation (though they tend

ĐỨC PHẬT DẠY CON NHƯ THẾ NÀO

LTS: Tiến sĩ Gil Fronsdal hiện đang giảng dạy Thiền tại Insight Meditation Center ở Redwood City, California, Hoa Kỳ. Ông có vợ và hai con. Với ông, Đức Phật là một bậc thầy, một con người giác ngộ. Sự kiện Đức Phật giáo dưỡng La Hầu La trở nên giác ngộ được ghi chép

trong Kinh tạng Pali, theo Gil Fronsdal gần gũi và thân mật như cha dạy con, thầy dạy trò đã khơi nguồn cảm hứng cho ông hướng dẫn tu tập thiền định cho con cái và thanh thiếu niên. Xin giới thiệu bài viết Đức Phật dạy con như thế nào, nguyên tác The Buddha as a Parents, tập

chí Inquiring Mind xuất bản, (Hoà Hương chuyển dịch sang tiếng Việt) đến với bạn đọc...

Những ngày này, hầu như người Phật tử nào cũng biết rằng thái tử Tất Đạt Đa, sau này là Đức Phật, đã lựa bỏ tổ ấm của mình để đi tìm con đường giải thoát

không lâu sau cái ngày La Hầu La, đứa con trai duy nhất của Ngài, chào đời. Nhiều người cảm thấy khó hiểu, thậm chí phẫn nộ, trước một hành động có vẻ "thiếu trách nhiệm" như thế. Song, ít ai biết rằng sau khi đạt Chánh đẳng Chánh giác, Đức Phật đã trở thành thầy dạy

dỗ chính cho con trai của mình trong hầu hết quãng đời niên thiếu, kể từ khi La Hầu La lên 7 tuổi, và Ngài đã là một người cha rất mực mô phạm: La Hầu La đã đạt được giác ngộ viên mãn khi mới tròn 20 tuổi. Vậy, ta hãy tự hỏi, Đức Phật là một người cha như thế nào? Phương pháp

not to last long). I have known young people for whom meditation became an important tool for finding stability and peace in the midst of their adolescent challenges.

But it is not just for the usual teenage trials that breath meditation is useful. Breath meditation can be drawn upon at every step in one's journey in life. In this story, the Buddha concluded his instruction of his son by pointing to the value of breath meditation practice in preparation for the moment of one's death.

WISDOM

In the third and final sutta, the Buddha guides Rahula through a series of questions that lead him to liberating wis-

dom (Middle Length Discourse 147). By this time Rahula had devoted the greater part of his teen years to the path of awakening; in one passage he is described as exemplary in his love for training. By the time Rahula was twenty, his father understood that he was close to liberation. The Buddha then did something that I find quite touching: he went for a walk with his son deep in the woods in a grove of majestic sal trees. Sitting at the base of one of these large trees, he led Rahula through a thorough questioning of every basis used for clinging to the idea of a self. The process the Buddha used was one of progressively loosening the enchantment with finding a self in anything. For someone as well trained as Ra-

hula, the deeply rooted tendency to cling to some idea of an essential self can be the last barrier to liberation. As he listened to his father's teachings, this clear seeing of the impersonal nature of phenomena was the final step Rahula needed for his full liberation.

The Buddha's teaching on not-self can be perplexing. It is easy to see it as abstract philosophy and so miss that this teaching is a form of practical instruction on how to find happiness through letting go. To me it seems important that the Buddha taught Rahula about not-self while they sat deep in the woods. I have often found that I have a very different perspective when in nature than when in the

middle of urban life. I find that the sense of peace and well-being that nature can provide facilitates letting go of self-concern. To contemplate letting go while reading a book on Buddhist philosophy in one's own home is a lot different from doing so surrounded by a quiet grove of trees. In reading this third discourse, I reflected on how useful it is to know oneself in the context of the natural world.

When the seven-year-old Rahula asked for his inheritance, he couldn't have imagined that thirteen years later he would have received the greatest gifts that any parent could pass on to a child. In Buddhism, awakening is known as the greatest happiness. As I consider

my aspirations for my own sons, I wish them the peace, happiness and safety that the path of awakening provides. Perhaps in the different phases of their growth they too can be established in the three trainings of virtue, meditation and wisdom.

Gil Fronsdal is a teacher at the Insight Meditation Center in Redwood City, California. More of his writings as well as the audio recordings of his talks are available at www.insightmeditationcenter.org. He is married with two sons.

GIL FRONSDAL

Source: <http://www.inquiringmind.com/Articles/BuddhaAsParent>

When the seven-year-old Rahula asked for his inheritance, he couldn't have imagined that thirteen years later he would have received the greatest gifts that any parent could pass on to a child. In Buddhism, awakening is known as the greatest happiness. As I consider my aspirations for my own sons, I wish them the peace, happiness and safety that the path of awakening provides. Perhaps in the different phases of their growth they too can be established in the three trainings of virtue, meditation and wisdom.

dạy con của Ngài ra sao? Làm thế nào một bậc giác ngộ trao truyền những giá trị tâm linh của mình cho con cái?

Kinh điển không đề cập nhiều đến mối quan hệ cha-con giữa Đức Phật và La Hầu La, nhưng rải rác vẫn có đề cập những dấu hiệu thu vị đáng lưu ý về việc Đức Phật đã dần dần La Hầu La như thế nào trên con đường trưởng thành. Mặc dầu trước các kinh điển này đã có những mẫu chuyện nói về việc La Hầu La đã trở thành đồ đệ của Đức Phật như thế nào, nhưng phần lớn những chi tiết này nằm trong 3 bài pháp mà nếu ta gom cả lại với nhau, thì đó chính là một tiến trình liên tục của con đường dần tới giác ngộ: lúc La Hầu La 7 tuổi, Đức Phật dạy cho con về đạo đức; lúc La Hầu La 10 tuổi, Đức Phật dạy cho con thiền; và lúc 20 tuổi, Ngài dạy về tuệ giác giải thoát. Quá trình trưởng thành của La Hầu La, vì vậy, đi liền với tiến trình giác ngộ.

Khi con trai của tôi tròn 7 tuổi, tôi bắt đầu suy tư về việc làm thế nào để dần dần nó và em trai của nó trên

con đường tâm linh. Ít nhất, tôi muốn các con tôi học và thực hành Phật pháp đủ để sau này lớn lên chúng có thể trở về với những tiềm năng đó nếu chúng thích hay cần đến. Tôi cũng nghĩ rằng nếu các con tôi có thể nương tựa nơi Phật pháp, thì sau này, dù đang ở bất cứ nơi đâu, chúng cũng có thể quay về với cái mái ấm đó. Nhất là, vì đời với tôi, gia tài lớn nhất mà tôi có được qua sự thực tập Phật pháp là sự an lạc, thanh thoi và lòng từ bi, tôi tự hỏi làm cách nào tôi có thể trao truyền cái gia tài tâm linh đó lại cho thế hệ sau. Được biết La Hầu La bắt đầu được Đức Phật dạy đó từ năm 7 tuổi, tôi lục tìm trong những bản kinh tiếng Pali để học lấy những phương pháp mà Đức Phật đã sử dụng để dạy dỗ con của Ngài.

Tôi tìm thấy cách làm thế nào để lại một "gia tài tâm linh" qua những mẫu chuyện thật hay trong kinh điển về việc La Hầu La đã theo học với cha như thế nào. Sáu năm sau khi Đức Phật rời bỏ gia đình, và một năm sau khi đạt được giác ngộ, Ngài trở về kinh thành. La Hầu La, lúc

ấy 7 tuổi, theo lời mẹ dạy, đã chạy đến bên cha để xin thừa hưởng gia tài. Nếu như ngày xưa thái tử Tất Đạt Đa không bỏ kinh thành ra đi, thì bây giờ La Hầu La đã được truyền ngôi. Nhưng là một người đã buông bỏ hết tất cả, sống đời khó hạnh, Đức Phật có thể trao lại cho con mình cái gì? Đáp lời La Hầu La, Đức Phật quay sang nói với Tôn giả Xá Lợi Phất (Sāriputta), một đồ đệ thân tín của Ngài: "Hãy thấu nhận nó". Như vậy, thay vì được ngôi vua, La Hầu La đã được thừa hưởng con đường đi của cha mình, con đường dần dần giải thoát.

Có lẽ còn lâu lắm con trai tôi mới cao trở đầu và khoác lên mình chiếc áo cà sa, nhưng tôi vẫn muốn cho con tôi tiếp xúc với những điều căn bản của Phật pháp, những điều đã chuyển hóa sáu sắc cuộc đời tôi. Khi tôi đọc những đoạn kinh về cách Đức Phật dạy La Hầu La, tôi ngạc nhiên nhận ra rằng những điều này không những vẫn còn mới mẻ mà còn rất thích hợp với việc dạy con ở nước Mỹ này, trong thời hiện đại này. Thật vậy, những bài pháp này đã trở

thành kim chỉ nam cho tôi trong việc dạy con.

ĐẠO ĐỨC

Câu chuyện đầu tiên kể về La Hầu La được Đức Phật dạy về lòng chính trực. Lúc lên 8 tuổi, La Hầu La đã có lần nói dối. Kinh Giáo giới La Hầu La (Trung Bộ kinh, 61) kể rằng sau khi tọa thiền xong, Đức Phật đến tìm con. La Hầu La lấy ghế mời Thế Tôn ngồi, rồi mang đến một thau nước cho Ngài rửa chân, theo phong tục thời ấy. Sau khi rửa chân xong, Đức Phật hỏi:

- Này, La Hầu La, con có thấy chút nước còn lại trong cái thau này không?

- Dạ, con có thấy, La Hầu La thưa.

- Đời của một người tu cũng chỉ đáng bằng một chút nước này thôi, nếu như người đó cố tình nói dối.

Tôi tưởng tượng La Hầu La đổ một lên.

Sau đó, Đức Phật đổ hết nước trong thau ra và nói:

- Đời của một người tu cũng đáng vứt bỏ đi như vậy nếu như người đó cố tình nói dối.

Xong, Đức Phật lật cái thau úp xuống và nói:

- Đời của một người tu sẽ trở nên đảo lộn như vậy nếu như người đó cố tình nói dối.

Và, để nhấn mạnh thêm nữa, Đức Phật lật ngược cái thau trở lại và nói:

- Đời của một người tu cũng trở nên trống rỗng như cái thau này nếu như người đó cố tình nói dối.

Sau đó Ngài dạy La Hầu La:

- Đối với một người cố tình nói dối, không có một tội lỗi xấu xa nào mà người đó không thể làm. Vì vậy, La Hầu La, con hãy tập đừng bao giờ nói dối, cho dù đó là một lời nói đùa.

Câu chuyện trên đây nhắc nhở tôi rằng những lời la mắng giận dữ với con cái thực ra chỉ có sức mạnh mà không có nội lực. Đức Phật đã rất bình tĩnh, chọn thời điểm đúng lúc để dạy dỗ mà không trừng phạt hay nói giận với La Hầu La.

Sau bài thuyết giảng ngắn mà nghiêm khắc, rõ ràng về việc nói dối đó, tôi tưởng tượng La

Hầu La đã lắng nghe hơn. Sau đó, Đức Phật chỉ dẫn La Hầu La làm sao để suy xét mọi hành động của mình.

- Cái gương dùng để làm gì? Ngài hỏi.

- Bạch Đức Thế Tôn, gương dùng để soi. La Hầu La đáp.

Đức Phật lại dạy:

- Trong khi chuẩn bị làm điều gì bằng thân, khẩu, ý, con phải quán chiếu: hành động này có gây tổn hại cho mình hoặc cho kẻ khác không. Nếu, sau khi suy xét, con thấy rằng hành động đó sẽ có hại, thì con hãy đừng làm. Con nếu con thấy

họa của Đức Phật khiến cho tôi càng tin tưởng thêm rằng chúng ta cần gieo xuống nơi tâm hồn con trẻ những hạt giống của lòng bi mẫn, những hạt giống của ý thức về việc mỗi hành động của nó sẽ ảnh hưởng đến người khác như thế nào. Sức mạnh của sự quán chiếu và lòng từ bi sẽ không có được nếu đứa trẻ chỉ biết vâng theo lời của người lớn: "Con hãy biết quán chiếu, và hãy có lòng từ bi!". Những giá trị này chỉ có thể có được qua gương của người khác, nhất là của cha mẹ đứa trẻ.

Đức Phật cũng dạy

THIỆN ĐỊNH

Câu chuyện thứ hai nói về việc Đức Phật đã dạy thiện cho La Hầu La ra sao, nhằm phát triển nền tảng của nội tâm (Trung Bộ kinh, 62). Lúc đó La Hầu La được 10 tuổi. Câu chuyện bắt đầu trong lúc Đức Phật và La Hầu La đi thiền hành. Trong lúc đi, La Hầu La chợt thấy hành diện vẻ đẹp của mình, và Đức Phật đã đọc được tư tưởng đó. Ngài nói với La Hầu La:

- Nhìn bằng con mắt của tuệ giác, cái thân này không phải là tôi, không phải là của tôi, không phải là tự

kiếm bân thân mình. Có nên trách một em trai 14 tuổi về những ý tưởng phù du như vậy hay không? Có phải Đức Phật đã xen vào tiến trình phát triển bình thường của con trẻ, thay vì để chúng tự khám phá? Nếu không có hiểu biết về "cái tôi", làm sao một thiếu niên có thể phát triển thành một người lớn với một tâm lý thăng bằng?

Câu trả lời nằm ở những gì Đức Phật dạy La Hầu La ở đoạn sau đây:

Tối hôm đó, sau khi bị Đức Phật quở trách, La Hầu La đến xin Ngài dạy cho mình phương

như là một phương thuốc giải độc trừ khử ác tâm, về tâm bi để vượt thắng sự tàn ác, về tâm hỷ để thuần phục những sự bất toại nguyện, và về tâm xả để ngăn chặn những bất an, thương ghét.

Sau đó, Ngài mới bắt đầu dạy cho La Hầu La phép quán niệm hơi thở qua 16 giai đoạn. Những giai đoạn này chia làm 3 phần: a) Tĩnh tâm và thân; b) Định tâm để nhận biết thân tâm và phát triển tuệ giác; và c) Buông xả. Cuối cùng, Đức Phật lưu lại một dấu ấn đậm nét về giáo lý của Ngài với La Hầu La bằng cách nhấn mạnh rằng qua sự



Ài SÔNG HÈA TRĂNG

rằng hành động đó có ích lợi cho con và cho kẻ khác, thì con hãy làm.

Tôi chợt nhận ra rằng thay vì dạy cho con mình nhận biết sự khác biệt tuyệt đối giữa đúng và sai, Đức Phật đã dạy cho con suy gẫm về lợi ích và có hại. Điều này đòi hỏi cả sự tự tri lẫn lòng bi mẫn. Đặt nền tảng của đạo đức dựa trên "có lợi" hay "có hại" giúp giải thoát đời sống đạo đức của ta khỏi những khái niệm trừu tượng và những ý niệm chẳng ăn nhập gì tới hậu quả của việc ta làm. "Có lợi" và "có hại" cũng giúp cho con người nhận biết mục tiêu của mình. Nhưng điều ta làm sẽ trở thành hoặc là nghịch duyên, hoặc là thuận duyên trên con đường ta đi.

Phương pháp giáo

La Hầu La hãy xem xét sau khi làm một việc gì đó, nó có gây tổn hại gì không. Nếu có, thì phải đến gặp một người có tuệ giác và sám hối để tránh lặp lại lỗi lầm trong tương lai. Tôi đã học được cách hướng dẫn con trẻ phát triển lòng chính trực bằng cách nhận ra lỗi lầm của mình. Và lòng chính trực đó tùy thuộc rất nhiều vào cách cha mẹ soi xét lỗi lầm của con mình ra sao. Cách hành xử của cha mẹ ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển đạo đức của con trẻ: nếu cha mẹ cho con trẻ thấy được là nó có thể tin tưởng mình được, là mình chỉ muốn giúp cho con mình trưởng thành hơn là muốn trừng phạt con, thì con trẻ sẽ trở nên thành thật với cha mẹ của chúng hơn.

ngã của tôi. Rồi Đức Phật giảng tiếp: Ta phải loại bỏ hết tất cả tướng, hành, thủ cũng như bất cứ ý niệm nào về tôi, của tôi, và tự ngã của tôi.

Nghe những lời dạy này xong, La Hầu La cảm thấy hổ thẹn, lui về tịnh xá, và không thiết gì đến việc ăn uống suốt ngày hôm đó.

Tôi cho rằng đây là sự dạy dỗ cần bần cho con trẻ. Tôi không thể tưởng tượng được bản thân tôi lúc 10 tuổi có thể hiểu được những lời Phật dạy như thế. Tôi nhớ lại, rất rõ ràng, rằng ở vào tuổi đó, đầu óc tôi chỉ toàn lo nghĩ đến diện mạo của tôi ra sao. Tôi thường nghe nói rằng điều này rất là quan trọng cho tiến trình phát triển của các em về "cái tôi" và quá trình đi tìm

pháp thiện quán hơi thở. Trước hết, Đức Phật dùng thí dụ để minh họa làm sao để buông xả trong lúc thiền định. Ngài dạy:

- Phải thiền làm sao giống như đất vậy: đất không cảm thấy phiền vì bất cứ một thứ gì đổ lên đó. Vì vậy, nếu tập thiền giống như đất, con sẽ không có cảm giác vui thích hay không vui thích về bất cứ một điều gì. Hãy tập thiền như nước, như lửa, như gió, và như không gian: tất cả đều không cảm thấy phiền bởi những cảm giác vui thích hay không vui thích. Thực tập được như nước, như lửa, như gió, như không gian, tâm của con sẽ không còn vướng bận gì cả.

Rồi, trước khi dạy cho La Hầu La phép quán niệm hơi thở, Đức Phật dạy về quán tâm từ

thực tập ý thức từng hơi thở của mình, ta sẽ có khả năng nhận biết hơi thở cuối cùng của mình vào giây phút cận tử một cách hoàn toàn bình thản.

Khi đọc về cách thức Đức Phật dạy La Hầu La phép thở để nhận biết thân tâm của mình, tôi nhận thấy đó cũng là một phương pháp để xây dựng một khái niệm vững chắc về "cái tôi". Tôi tự nghĩ, phải chăng các em thiếu niên ở thời đại ngày nay hay chấp vào "cái tôi" của mình và có nhiều ý niệm phân biệt mình với kẻ khác, là vì các em không cảm thấy thoải mái với chính bản thân mình và với người khác? Và tôi tin rằng, cái chấp và sự phân biệt ấy sẽ không còn nữa nếu các em cảm thấy an vui được với chính mình cũng như

MỘT TÂM THỨC VÀ MỘT THẾ GIỚI MỘNG HUYỀN

MAI SON

Đọc tập truyện cực ngắn Tháp kên kên của Hoàng Long (nhất xuất bản Văn Học, 2014) www.tienve.org

Truyện cực ngắn thường được xem là tranh thủy mặc của văn học, lấy ngắn nói dài, lấy ít nói nhiều; nó dành cho độc giả rất nhiều không gian để tưởng tượng và suy nghiệm. Tuy nhiên truyện cực ngắn của Hoàng Long có vẻ không phải như vậy, ít nhất là không thể "đọc nhanh", và không hề "thủy mặc": tác giả không mơ màng "về mây này trắng" mà lao tâm, khổ trí trau tượng, siêu thực, hậu hiện đại. Ngó như tác giả còn hiện diện đầu đũa sau dấu chấm cuối sách sáng cảm tay độc giả cùng mình quảy lại những khoảnh khắc chất chứa của truyện và suốt cuốn sách. Để có thể cùng tác giả tát cạn tất cả những gì cần tát cạn trước khi không còn gì phải nói thêm.

Tất cả 72 truyện cực ngắn trong sách này đều được viết trên đất nước Nhật Bản (nơi tác giả đang theo đuổi một chương trình nghiên cứu học thuật), đặc điểm đó cộng với cái hình thức nhỏ gọn súc tích thường thấy trong văn học Nhật Bản khiến độc giả (và nhất là độc giả không phải người Việt Nam)

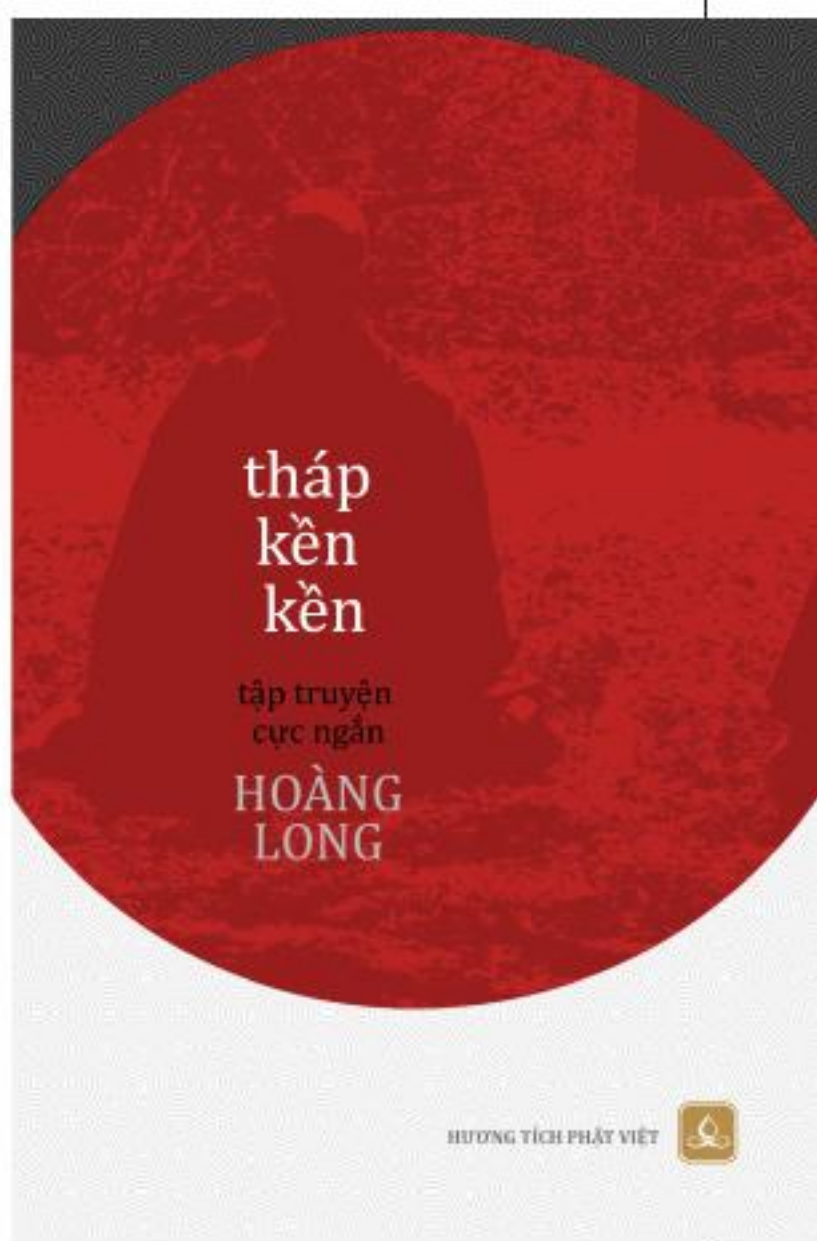
có thể nghĩ ngay đây là một tác phẩm của một nhà văn xứ Phù Tang. Mà như thế cũng chẳng phải là lắm lắm gì ghê gớm, nếu không muốn nói đó là một cảm nhận đúng. Vì khi rời bỏ hơi cánh của hình thức đó để tiếp tục đi sâu vào bên trong ta thực sự đắm chìm vào khí hậu văn chương Nhật Bản với nhiều mùi vị Zen, Phật giáo, Thần đạo, tư tưởng Lão Trang thoát tục, sự tôn sùng cái Đẹp của cảnh trí thiên nhiên, cái Đẹp của các thủ tiêu dao... - tất cả được hòa tan thành một công trình văn xuôi nhờ sự đưa đẩy trôi chảy của một bút pháp trang nhã.

Bao trùm tất cả là "thế giới mộng huyền" kết như là hiện thực trần ngập trong sách. Như một nhân vật trong truyện đã thốt lên: "Nhưng thế giới mộng huyền của ta nhiều khi lại thực hơn cả một con người, đáng để ta bỏ cả đời mà đi tìm kiếm" (truyện "Cõi nhớ vô hình").

Một trong những cõi miền của thế giới mộng huyền đó là cõi miền của bần ngã, tự ngã, sự tìm kiếm thâm tâm với đủ sắc màu từ cạm bẫy và tội

lỗi, đến đón hên và tiện, cùng nhiều trọng hướng tự thương, tự đầy đoạ kinh khủng khác. Rồi từ trong chốn hôn ám đó, ta sẽ được dẫn dắt đến "đại lộ" mở toang này: "Tất cả phải được gột rửa. Thâm hình tôi nhẹ dần và trong suốt hơn như mặt nước đã được lắng bụi trần". Viết về phương diện này, truyện "Bản thể" thật đặc sắc và tài tình. Một truyện mà mô tả được cả một thế giới đa tạp mộng huyền!

Dĩ nhiên có nỗi ám ảnh về thời gian. Ta hay thấy nói đến sự lưu chảy của sông suối. Nhưng đám mây thay hình đổi dạng. Chuyển tấu tốc hành. Chiếc xe hơi chạy thông thả. Và thời gian luôn gắn với những chiêm nghiệm. Vắng, rất nhiều chiêm nghiệm Thiên tông, Phật giáo, văn hóa Nhật Bản được đúc kết trong khi nhân vật trong truyện đuổi theo câu hỏi tối hậu: Ý nghĩa của cuộc sống là gì? Lẩn theo từng truyện, tác giả cho chúng ta những câu trả lời: Là buông bỏ dần dần mọi ham muốn trần thế phù hoa. Là chậm lại. Là thu mình bé nhỏ như con kiến; tâm mình là gương soi. Là an trú



trong hiện tại. Là thay đổi cái nhìn về thế giới, chứ đừng hoài mong thế giới thay đổi. Là tìm thấy bình an trong thế giới huyền mộng này.

Để có thể tồn tại trong thế giới đầy huyền mộng đó, hẳn phải có một tâm thức phức tạp và khác thường lắm? Quả thật, cuốn

truyện này đòi theo một tâm thức hiện sinh của HẢI, MỘT CON NGƯỜI tự thu giám mình từng giây từng phút để chỉ còn là một biểu tượng của ý chí chinh phục cuộc sống và giải thoát khỏi tất cả những trớ ngại của mê trầm. Hẳn ta sống với từng khoảnh

tếp theo trang 39

thoái mái với người chung quanh.

Khi giảng dạy thiền cho thiếu niên, tôi nhận thấy khả năng thiền của các em vượt bậc vào khoảng 13-14 tuổi. Có nhiều em có thể nhập thiền rất sâu, tuy rằng các em không duy trì được trạng thái này lâu lắm. Tôi đã biết rất nhiều người trẻ dùng phương pháp thiền định để ổn định tinh thần và tìm về sự thanh thoi an lạc giữa những thử thách của tuổi mới lớn.

Tuy nhiên, thiền quán hơi thô không chỉ ích lợi cho các em thiếu niên, mà nó còn là cuộc hành trình suốt đời. Đức Phật đã kết thúc bài giảng của mình bằng cách chỉ cho La Hầu La thấy giá trị của việc tập quán niệm hơi thô như thế nào đối với giây

phút cuối cùng của cuộc đời mình.

TUỆ GIÁC

Trong bài pháp thứ ba và cuối cùng, Đức Phật đã hướng dẫn La Hầu La trả lời một loạt những câu hỏi về tuệ giác giải thoát (Trung Bộ kinh, 147). La Hầu La đã dâng trọn thời niên thiếu của mình cho con đường đạt đến giác ngộ; trong một đoạn kinh, Tôn giả được xem là một nhà tu gương mẫu và tinh chuyên. Khi La Hầu La tròn 20 tuổi, Đức Phật biết rằng La Hầu La đã gần đến bờ giải thoát. Ngài đã làm một việc hết sức cảm động: Ngài đi bộ cùng với La Hầu La vào sâu trong rừng. Ngồi dưới gốc một cây đại thụ già cỗi, Ngài đã hướng dẫn La Hầu La một cuộc pháp đàm rất kỹ về thuyết vô ngã.

Đối với một người đã đạt đến trình độ tu tập cao như La Hầu La, thì những tư tưởng nằm sâu trong tiềm thức về cái ngã là chướng ngại cuối cùng của sự giải thoát. Ngồi nghe Đức Phật giảng, La Hầu La đã chứng đắc được tự tính vô ngã của vạn pháp, và đó chính là nấc thang cuối cùng giúp La Hầu La đạt đến sự giải thoát trọn vẹn.

Thuyết vô ngã của Đức Phật có thể khó hiểu. Người ta rất dễ ngộ nhận nó là một triết thuyết trừu tượng, mà không thấy được thực ra đó chính là những lời dạy rất thực tế về việc làm thế nào để tìm thấy hạnh phúc bằng cách buông bỏ hết tất cả. Đối với tôi, việc Đức Phật dạy La Hầu La về thuyết vô ngã trong rừng sâu rất cảm thiết. Tôi thấy

minh có cái nhìn khác khi ở giữa quang cảnh thiên nhiên so với khi ở giữa phố thị. Tôi nhận thấy cảm giác an lạc và thanh thoi mà thiên nhiên mang lại giúp mình dễ thoát ra được ý niệm về ngã hơn. Quán chiếu về sự buông xả trong khi đọc một cuốn sách về Phật pháp khi ngồi ở trong nhà rất là khác với khi mình ngồi dưới một gốc cây. Trong khi đọc bài pháp thứ ba này, tôi chiêm nghiệm được sự quan trọng của việc biết mình (tự tri) giữa khung cảnh thiên nhiên.

Ngày xưa, lúc La Hầu La 7 tuổi, đến xin với cha được thừa hưởng gia tài, Tôn giả đã không hề tưởng tượng được là 13 năm sau đó đã được thừa hưởng một gia tài quý báu nhất mà một người làm cha mẹ có thể để

lại cho con cái của mình. Trong Phật giáo, giác ngộ là hạnh phúc lớn lao nhất. Tôi ước mong con cái của tôi sẽ tìm thấy sự an lạc, thanh thoi và an lành trên con đường đi tới giải thoát. Và có lẽ, trên con đường trở thành người lớn, chúng cũng sẽ được dạy về tuệ giác (như La Hầu La vậy).

dịch Việt:
HOÀI HƯƠNG

Nguồn: <http://gdp.tdca.vn.org/duc-phat-dar-con-nhu-the-nao-dien>

trên tất cả
đỉnh cao
là lặng im

thơ phạm công thiện

HƯƠNG TÍCH PHẬT VIỆT



THAY LỜI DẪN thơ PHẠM CÔNG THIỆN

Anh đã ra đi từ đó, từ thời buổi hôn mang. Trong từng khoảnh khắc sát na, từng quặng liên tục vi tế của hạt bụi, anh từ chối chính mình. Khi mọi người ca tụng anh như một thiên tài, anh vất bỏ thần tượng để đi như một tên lừng từ vô lại. Khi người đời khinh miệt, khi những người thân yêu thù ghét, cấm hãm, anh đốt lửa soi đường độc hành bằng ánh

sao Mai lẻ loi.

Đã đi thì đã đi rồi.

Bước chân thoát chớm khỏi hành ấy đã vấp phải âm vang địa chấn của Long Thọ:

*gataṃ na gamyate
tāvaḍ
agataṃ naiva gamy-
ate/ MK. ii. 1a*

Có gì trong những bước đi, và còn gì trong những bước đi? Chỉ một khoảng ngăn cản

vượt qua, khoảng ngăn được đo bằng chính tự ngã của ta. Anh nhảy qua hố thẳm. Hố thẳm như là, vì chính là, ý hướng tinh của ta phóng xuất ra đó; bóng tối của thời gian tích tụ ảo ảnh ngóng cuồng của tuổi trẻ. Anh nhảy qua hố thẳm, nhảy qua cái bóng của chính mình. Những bước nhảy về thành chuỗi thất bại liên tục trong đời, trong dòng tương tục vô hạn của thời gian,

lan tràn qua biên độ vô biên của thế giới:

*Đã đi mất hẳn đi rồi
Hạ phương tịch mịch
trùng khơi phong kiều*

Cái đã đi, một cái gì đó vô nhâm, vô ngã, đã đi qua trong tôi, trong người, trong cấu tạo, hữu biên và vô hạn; cái đã đi ấy chưa hề được thực hiện, chưa hề được đi. Khoảnh khắc đột nhiên ngừng

lại. Quá khứ biến mất. Cái đã đi, cái tôi nào đó đã đi, con đường nào đó đã được đi, ngày tháng nào đó đã trôi đi; thời gian và thế gian ngưng tụ, ngưng đọng. Không quá khứ; phóng ánh vị lai chợt dừng lại, như bị đẩy lùi lại sau, đẩy lùi vào quá khứ, rồi biến mất. Cấu chấn ngôn xuất hiện:

*Oṃ ga ga na: An ga
nga nāṃ,
oṃ sarva-saṃskāra-*

MỘT TÂM THỨC...

khắc nhỏ nhất của hiểm nguy, nhưng vết thương, bất an, chết chóc, để rồi có lúc được bình yên, giải thoát, cực lạc. Đó đích thực là những khoảnh khắc hiện hữu mà ngôi bút của tác giả muốn đào sâu khám phá, mô tả, minh họa. Hiện hữu trong tương quan với chấm trời định mệnh, hăm sống có lúc khấn bách như thế đang hăm hưởng một phút huy hoàng hấp hối, có lúc thông thả như thế sẽ sống đến thiên thu bất tuyệt. Trong tương quan với chính mình, với nhân sinh nói chung, với ý niệm, rất nhiều ý niệm, như một cánh rừng, hăm và các nhân vật đánh vật với cánh rừng đó, khiến chúng ta liên tưởng đến một lời dạy của triết gia cổ đại Hy Lạp Socrates: "Sống mà không tự tra vấn thì không đáng sống".

Nếu văn hào Pháp Stendhal từng nói đại ý rằng văn học là tấm gương đặt dọc con đường hiện thực, thì với "cuốn sách - tấm gương" này tác giả "soi" và trình hiện cho chúng ta thấy loang loáng những hiện thực mộng huyền và mờ mờ MỘT TÂM THỨC luôn luôn xao động và thường khi động loạn. Vì đó là một tâm thức tìm kiếm, tâm thức lang thang, tâm thức đó nát. Viết văn ở đây là để trình bày một chặng đường khó cả đời khi đắm đuối, nhiều lần chạm mặt

ngó cụt của tâm thức. Nhưng lúc đó người đọc cảm thấy căng thẳng, hồi hộp, mệt mỏi.

Nhưng cũng có lúc tâm thức trở nên đơn sơ, lặng lẽ như một mặt hồ. Nhưng lúc ấy độc giả thực sự cảm thấy hoan hỉ với những bức tranh tối giản, những bài thơ tuyệt bút về giá trị cuộc sống. (Nhưng sẽ phải đặt vấn đề này ở một chỗ khác để khảo cứu riêng vì tầm quan trọng của nó trong tập truyện này). Tâm thức đơn sơ thấu thị ra "ba thứ quan trọng nhất của cuộc sinh tồn. Là người thấm đẽ sẽ chia, nhà để trú ngụ và bóng cây để ẩn dật quên đời". Tâm thức một hồ thấy "thiên đường không phải là một chốn xa vời nào cả mà nó nằm ở ngay đây, trong buổi chiều này". Buổi chiều ấy có "vật cỏ ngời sáng trong ánh nắng mùa xuân" khiến tâm thức hăm thấy "hạnh phúc và nhiệm màu của cuộc sống vô cùng giản dị". Có lúc hăm thấy mình như làn khói, và có lúc sự êm dịu quyến rũ hăm đến mức hăm muốn chết ngay để đi vào vĩnh cữu.

Ở một chỗ khác, hăm thấy "Sự giản đơn này là vĩnh cữu. Trong hàng ngàn năm, cuộc hiện hữu này vẫn nguyên như thế. Một màu xám lạnh lơ trôi".

"Còn lại là lặng yên. Như một bức tranh

thủy mặc. Á, đây chính là cuộc đời, anh thấm nghĩ".

Nói một cách khác, tập truyện này khảo sát một cuộc hiện hữu trong khung cảnh rộng nhất, chiều kích mệnh mông nhất có thể của kiếp người, chứ không phải chỉ là cuộc mưu sinh vất vả, hay cuộc vật lộn với hoàn cảnh, với tha nhân. Nhưng rộng nhất đến mức ngộ như vô tận mà lại là nhỏ nhất đến tinh tế: một tiếng mưa khuya, một mái nhà hoang, một mặt hồ, một vật cỏ, một chiếc lá, một âm thanh... Đó là phận người trong sự qui chiếu với chính bản thân mình, nhưng lúc đó con người như một giây to luôn rung lên muốn ngàn âm thanh xao xuyến...

Nhưng sống từng khoảnh khắc là để chinh phục cuộc sống, cái vĩnh cữu của nó, cái đẹp của nó, chân trời của nó, tức là cái chết. Chinh phục cái chết! Ở, có thể nghe thấy tiếng reo vui vô tiền khoáng hậu này vang lên nhiều chỗ trong tập sách. Thoạt tiên tâm thức đó cũng rách nát tơi tả như bao nhiêu tâm thức trần gian này (có cảm giác đó là một tâm thức đầy bi kịch, ám ảnh, nặng nề mang nhiều màu sắc tối ám của Việt Nam) khi nó lặn ngụp dưới hang sâu, bị chết chìm, đã đi qua những tâm niệm, những đam mê, đã từng cuồng điên vì phải bám víu quá nhiều, đã từng bị những vực thẳm đen ngòm cuốn lấy, từng "gào rú thẳm thiết", từng bị nhiễm

độc, nhưng rồi dần dà nó sáng lên, đến mức ngạt cả khi uống nhưng chén đắng nó cũng thấy vui sướng.

Tâm thức đó luôn muốn quay về với ngôi nhà của mình. Quay về với Ngôi nhà. Đây là hai ý niệm quan trọng mà khi khép cuốn sách lại độc giả sẽ bị ám ảnh: Phải chăng ta cứ đắm đuối đi tới mà không nghĩ đến chuyện quay về; cứ mãi miết đi mà không có một ngôi nhà để dừng chân ngơi nghỉ?

Hẳn tác giả và cái tâm thức lang thang muốn cuốn sách đó phải kết thúc trong viên tượng này: "Ngày nào anh cũng an trú vùng chái trong thâm tâm mình, sống trọn vẹn cuộc đời trong từng phút giây hiện tại. Chung trà thơm hương tỏa, mắt nhìn xa khói mây, vị ngọt như cam lộ, an đời vui mỗi ngày. Ngôi bình an nơi căn nhà vắng, mới thấy mình thật sự trở về, nhìn ra cửa thấy hàng cây xanh mát, cúi thật gần thấy tự tại một thân kia. Anh đứng dậy, vươn vai. Trời đã đứng bóng. Anh vào bếp chuẩn bị bữa cơm trưa và hát khe khe mà không hay giai điệu mình cất lên chính là nhịp đi của tâm tư anh đã hòa cùng đất trời và vĩnh cữu".

Nhưng dĩ nhiên đây không phải là tiểu thuyết, và những đoạn văn "hân hoan" trên cũng không nằm ở cuối cuốn sách. Nó cũng chỉ là một khoảnh khắc đẹp nhất trong đời của hăm thôi. Ngược lại, chưa chắc

đó là cái "khoảnh khắc truyện" hay nhất xét như một đơn vị của sáng tạo, vì thấy quá nhiều dấu vết kinh sách trong đó - quá thật, nhiều "truyện" giống với "thoại đầu" hơn khi tình văn chương bị tác giả coi khinh bỏ qua một bên để suy tư biện luận, thuyết giảng, thuyết phục như một triết gia, một đạo sĩ, một nhà lão thực.

Có thể vườn tâm của tác giả đó nát chưa tu tạo lại kịp (theo cách nói của tác giả) sau Việt Nam, sau đại sống thắm, sau đại động đất khiến công trình sáng tạo của mình mới "trăm hoa đua nở" như thế. Và như một bữa đại tiệc với rất nhiều "món ngon". Thật may mắn cho độc giả! Chứ nếu ngăn nắp gọn gàng quá, biết đâu cả cuốn sách sẽ chỉ còn là một bản đại luận chặt chẽ hay một đại công án về sự hiện hữu con người.

Vì tác giả để ngỏ cánh cửa khu vườn, không bắt ta phải chọn mang tâm thế nghiêm trang của nhà nghiên cứu hay tâm hồn phóng khoáng nghệ sĩ khi bước vào, nên ta mặc sự thường thức bao nhiêu là hoa trái: hoa tỏa hương thoang thoang không biết ở đâu, nhưng trái thì lúc liu đây đó ta có thể nhận ra dễ dàng. Tác giả đã tham lam và tự do như thế thì hà cớ gì độc giả chúng ta lại dè dặt, khép nép?

MAI SON

Sài Gòn 16/8/2013

*parisuddha dharmate
gagana samudgate
svabhāva:*

Hết thấy hiện tượng
thầy đều thanh tịnh,
tự tánh xuất hiện
trong hư không
pháp tánh!

Ồ, hư không! Hư
không hủy diệt. Tim
dấu chim bay trong
hư không:

*Có còn gì nữa mà
thương.*

...
Sắt son tình cũ ...

Người anh yêu, một
phương trời mất
dấu; như sợi lông
thiên nga phất phơ
trong không gian
rực lửa. Lửa soi
sáng trái tim, trong
đó hiện hình Thiên

nữ. Thiên nữ chuyển
thân thành Thánh
mẫu Bồ tát Cửu Độ
Đà-la:

Ấn Đa La tịch tịch
hóng.

*Om tātā tuttāre ture
svāhā*

Những giọt nước
mắt từ khe mắt Đại
Bi của Bồ tát Quán
Thế Âm rơi xuống;
giọt nước mắt hiện
thân thành Thánh
nữ Đa-la. Ngồi hiện
thân sự mạnh mẽ
dẫn người khốn
khó vượt qua khỏi
những tai họa hiểm
ngheo. Tai họa bởi
nước cuốn, bởi thú
dữ, cũng như bởi sự
phẫn bội của người
tinh. Bởi vì *Tāra* có
nghĩa là Cửu độ.

Từng âm thanh một
ngón như những
ánh sao lấp lánh
- bởi *Tara* cũng có
nghĩa là Ngôi Sao,
mờ nhạt nhưng có
đủ uy lực để đưa
người đến chỗ an
toàn. *Tara*, hay *Tāra*,
Mẹ của Đại Bi và
Đại Trí, luôn nhìn
xuống những đứa
con ngu xuẩn, và
yếu đuối, đang lang
suốt cả đêm dài
trên mặt đất hoang
vu.

Bài thơ có năm
đoạn, hay một thiên
thơ có năm bài,
đi theo nhịp bước

chậm của Bát-nhã:
*gate – gate – para-
gate – parasāṅgate –
svāhā!* Hoặc vô tình,
hoặc cố ý, để cho
cảm xúc từ những
hoài vọng tiếc nuối
quá khứ, đã đi và
đã mất, diễn theo
từng đợt sóng xô.
Người lữ hành bước
đi, từng con sóng
của đại dương cuốn
theo, xóa sạch từng
dấu chân đi. Lưu lại
trong khách ảo ảnh
tiền thân, phảng
phất mùi hương, và
sắc màu quá khứ
không phải nhạt.

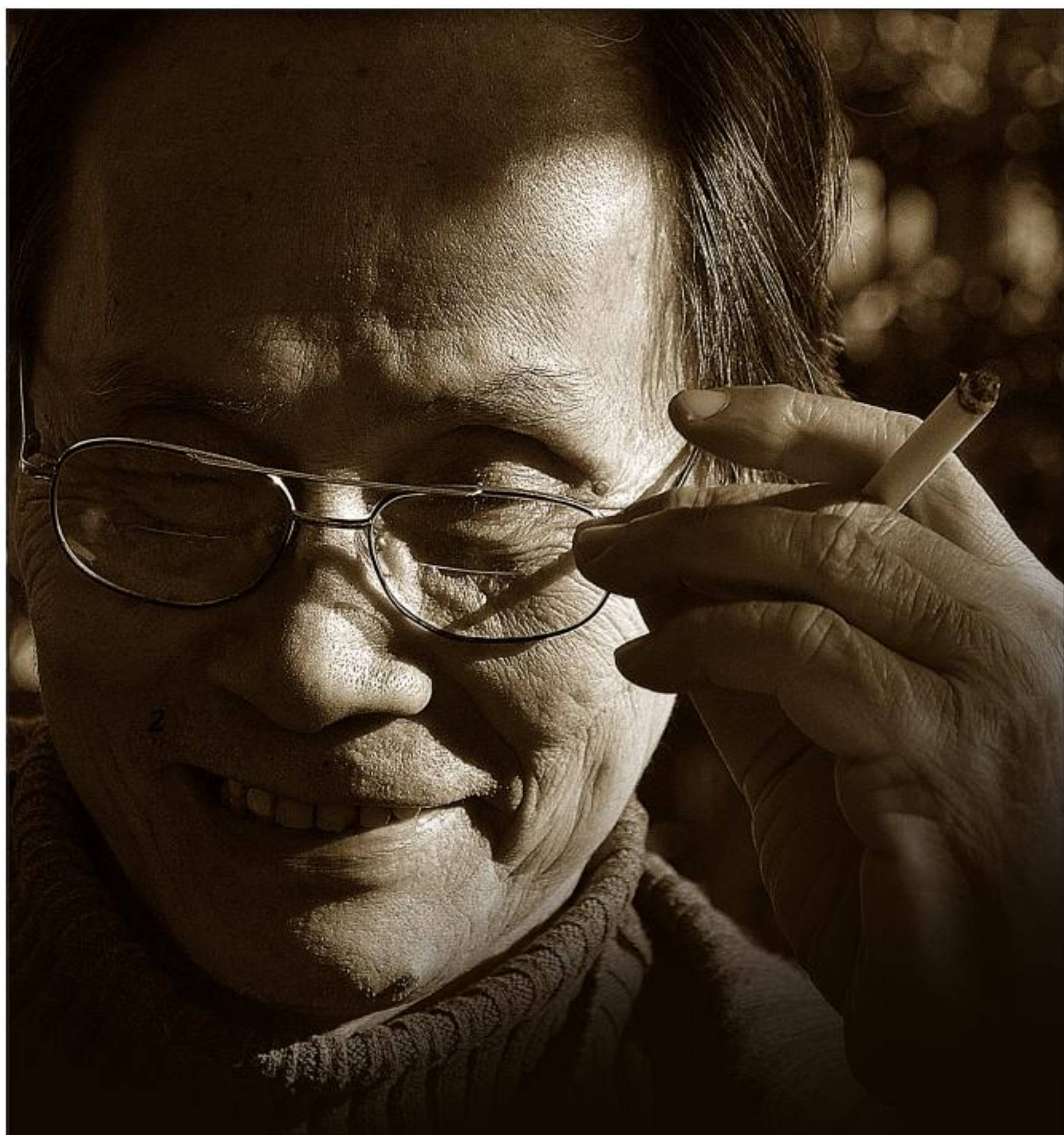
yathā mayā

*yathā svapno
gandharvanagaram
yathā/
tathotpādas tathā
sthānam
tathā bhāṅga
udāhṛtam // MK. vii.
35*

Như huyền tượng,
như chiêm bao, như
thành phố giữa hư
không, cũng vậy,
những gì xuất hiện,
tồn tại, rồi hủy hoại.
Đã đi rồi đã đi chưa
Thượng phương lựa
trắng đông đưa giữa
trời.

TUỆ SỸ

SÁCH SẮP XUẤT BẢN, THÁNG BA, 2014
Tái bản lần thứ nhất tại hoa Kỳ
www.nguoivietshop.com



NGUYỄN
ĐÌNH TOÀN
Tiểu thuyết
(Bộ 2 quyển)



NGƯỜI VIỆT BOOKS

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG BA, 2014
WWW.NGUOIVIETSHOP.COM